



II - THỜI NIÊN THIẾU

13

Những ngày sửa soạn theo cha lên đường vào kinh đô Huế lần thứ hai, Côn bận rộn với nhiều thứ việc không lường trước được.

Côn theo cha đi đắp đất, thắp hương ở mộ ông bà nội, mộ ông bà ngoại. Anh Khiêm và Côn bung trà, rượu đi với cha cúng thần ở đền, cúng tổ họ bên nội, họ bên ngoại. Hai anh em Côn còn đến chào thầy Vương Thúc Quý. Thầy cử Quý đã tặng cho hai người học trò giỏi này bộ sách “Nhất nhật tam tỉnh ngộ thân”⁽¹⁾. Ông nói:

- Sách này là của thầy soạn ra và chép thành nhiều bản để cho con cháu dùng. Nay hai trò đi xa quê, xa thầy, theo cha vô kinh đô, thầy không có thứ chi đáng giá để tặng, xét thấy tập sách này là tâm huyết của thầy, thầy đem tặng hai trò. Tập sách sẽ thay thầy nói tiếng nói của lòng thầy với hai trò.

Lúc thầy cử Quý tiễn hai anh em Khiêm ra tới gốc cây đào trước vườn, ông cầm tay Côn nói, giọng ảm áp:

- Chuyến đi xa quê lần này của con, thầy tin là

(1) Mỗi ngày tư kiểm điểm mình ba lần

con sẽ được thành đạt như con đã làm một vế đối vượt cả cái vế thầy ra cho cả lớp. Con còn nhớ vế câu đối ấy chứ?

- Thừa thầy, con vẫn nhớ ạ.

- Dù con chưa quên vế câu đối của mình làm ra, nhưng thầy muốn ôn lại kỷ niệm của buổi dạy học hôm ấy. - Ông đặt tay lên vai Khiêm, nói: - Hẳn là trò Khiêm còn nhớ lúc thầy rót dầu vào đĩa đèn, vì vô ý để dầu vương ra đế đèn, thầy đã ra cho các trò một vế câu đối: “Thắp đèn lên dầu vương ra đế”...

Khiêm đáp:

- Con đã đối: “Đốt nhang rồi gió quạt bay tàn”. Nhưng thầy biểu: “Đối được, nhưng nghĩa còn hẹp, ý còn cạn. Các bạn khác cũng đối được tương tự như con”. Riêng vế đối của Con được thầy khen hơn cả...

- Quả thật - Ông cử Quý đặt đặt bàn tay vào vai Khiêm mà mắt vẫn không rời Côn - con đã để lại trong trí thầy một vế câu đối sẽ không bao giờ phai mờ: “Cưỡi ngựa dong thẳng Tấn lên Đường⁽¹⁾”. Hôm nay con lên đường, thầy chúc con “thẳng tấn” đến đích lớn mà con mơ ước.

Ở nhà thầy học về, hai anh em Côn đến chào bác Thuyết. Vợ chồng ông Thuyết đã làm mâm cỗ to cúng gia tiên cầu yên cho việc đi của cha con quan phó bằng Sắc được “chân cứng đá mềm.” Trong bữa ăn sum họp này, bà Thuyết đã kể lại với ba cháu, về hồi hận, về sự cư xử của mình

(1) Tấn là tiểu mà cũng có nghĩa đời nhà Tấn. Đường ở đây cũng con có nghĩa nhà Đường. Nhà Tấn lập ngôi vua, Đường lập ngôi đế



không đúng với em chồng - quan phó bảng Sắc - hời còn bé. Nhưng, quan phó bảng Sắc với thái độ của một người đại lượng, nở nụ cười đôn hậu, nói:

- Hời còn nhỏ tôi cũng có những việc đại đột, bác nổi nóng lên thì mắng, khi lặng lại thương chớ chả có chi là quá cả. Việc chi đã qua rồi là ta bỏ quá đi, bác ạ.

Còn băng khuâng nhiều trong buổi chiều đi cùng cha sang làng Sài, quê của bà nội.

Còn không được biết mặt bà nội nhưng hình ảnh bà nội như từ trong tranh tố nữ hiện ra đang cùng đi với con, cháu trên đường làng rợp tiếng ve. Tiếng ve trên quê hương bà nội lại đánh thức những kỷ niệm tuổi thơ trong tâm trí của Còn.

Càng gần tới ngày lên đường, Còn càng thấy nao nao. Còn đến từ già các bạn học, bạn chơi điều giấy, bạn đi săn chim cuốc, đánh khăng, đánh vật, đánh đáo. Xin phép cha, Còn đón các bạn về nhà ngủ chung mấy tối cuối cùng. Còn trải chiếu xuống sân. Trăng giữa tháng mập mạp dính vào nền trời mờ ảo. Đám bạn của Còn nằm chéo ngang, chéo dọc gối đầu lên nhau, ngửa mặt nhìn trăng, miệng nhai ngô rang. Câu chuyện của họ cũng giòn như ngô nổ... Còn và Khiêm về bạn rộn chạy ra chạy vào, đem nước, đem các món ăn ra tiếp bạn. Chị Thanh quý bạn của em như quý bạn của mình. Cô lo việc rang ngô, rang nhộng, bỏ dứa giúp em. Thấy chị ngồi trước bếp, mồ hôi ướt áo, Còn ái ngại:

- Vì chúng em mà chị mang lấy cái mệt vào

thân, chị nhé?

Thanh cười hiền:

- Mai kia hai em đi với cha, nhà lại vắng tanh vắng ngắt, còn đâu có những cái đêm vui như đêm nay.

- Chị Thanh ơi, - bạn của Côn gọi - chúng em sẽ “làm giặc” ở cái nhà nì còn hơn cả lúc hai em trai chị ở nhà, chỉ sợ lúc ấy chị lại mắng bọn em về “tội” đến luôn mòn đường chết cở thôi.

- Nhớ nhá, - Thanh nói - các em nhớ nhá. Mặt trăng còn đó, chị còn đây để coi lúc Khom, Công vắng nhà, các em có giữ đúng lời đã hứa không?

Sân trăng đầy tiếng cười. Côn và các bạn lại xoắn xuýt với nhau trong dòng chuyện dưới ánh trăng.

Thanh tắt bếp định lên võng nằm thì một bà hàng xóm khua gậy, đánh tiếng từ đầu ngõ:

- Cô chiêu (cách gọi con gái nhà quan) còn thức hay ngáy (ngủ) rồi?

Nghe tiếng gọi quen thuộc, Thanh đứng ở cửa bếp đáp:

- Mời cố vô chơi (chơi), cháu chưa đi nghỉ mô.

Bà hàng xóm ngồi ở cái chõng tre, tựa vào vách, lối cửa ra vào. Thanh đưa cho bà một miếng trà, bà cụ lần dải lưng lấy cái cối giã trà, tay ngoáy ngoáy giã, giọng bà nói, miệng không còn kín hơi, phều phào:

- Nghe tin quan sắp trở kinh. Hai cậu ấm cũng trở theo. Chờ lúc nì quan vắng nhà tui mới dám sang, tui nhờ cô chuyển tới quan và hai cậu ấm sự



biết ơn của tui.

- Ấy chết! Cố dạy quá lời chứ cha cháu và chúng cháu chỉ có cái bụng ăn ở với xóm giềng cho phải chả giúp đỡ cho ai việc chi đáng kể cả.

- Dân làng nì đã được hưởng lộc của quan phó bằng ngay cái dịp quan vinh quy bái tổ. Ai lại quên được cái ơn ấy, cô? - Bà cụ giọng xúc động:
- Cô ơi! Từ đời xưa đời xưa thì tui không rõ. Nhưng, từ lúc tui có mắt để nhìn, có tai để nghe thì tui chưa từng thấy, chưa từng nghe ở xứ mình có người từ chối bổng lộc, đem phần bổng lộc của mình chia cho người đói khát trong làng như quan phó bằng ta. Mà nhà quan cũng nghèo chứ đâu giàu có chi kia chứ!

Bà cụ vừa nhai trầu vừa nhìn ra sân. Dưới ánh trăng ngà, các bạn nhỏ vẫn đang nằm gác chân lên nhau và đang đọc vốn chuyện ra “đãi” nhau đêm vui cuối cùng, rồi ra chưa biết ngày nào anh em Côn mới có dịp về thăm quê. Bà nói, giọng dè dặt:

- Cô ơi! Tui thừa với cô cái việc kín nì, vì cậu ấm Công đã dặn tui không được để đến tai quan phó bằng, cũng không được nói lại với cô và cậu ấm Khơm.

Cô Thanh hơi sừng sốt:

- Có việc chi... hệ trọng rứa cố?

- Nói giấu chi cô. Cậu Công làm phúc cho người nghèo. Hồi tháng tám năm ngoái và dịp giêng, hai vừa qua, tui bị đứt bữa... đã mấy ngày không đồ lửa bếp, bụng đói còn cào, mất mề,

chóng xoay mặt mày... Cậu ấm Công gặp tui đang moi ruột cây chuối tơ ăn cảm hơi. Cậu đã về xúc gạo, khoai lát khô cho tui. Cậu dặn tui là không được cho ai biết.

Có Thanh ngồi duỗi hai chân ra thêm nhà thoải mái, nói:

- Cháu ngữ là cái việc chi chớ việc nó xúc gạo, ngô, khoai của nhà đưa giúp những người đút bữa lờ nời, cha cháu đã biết cô ạ... Vừa qua cũng có mấy người đến “mách” với cháu việc hai em cháu thường xúc trộm gạo cho họ lúc đói giáp hạt. Lần đầu cháu cũng rầy la hấn, nhưng cha cháu biểu: “Nếu nó lấy trộm của trong nhà đi đánh bạc, hoặc làm điều vô lương thì phải ngăn cản, còn nó đem giúp những người đói là tốt”.

- Rõ là - bà cụ thờ phào, nói - con nhà tông, giống lông giống cả cánh. Cái đức của quan phó bằng sáng như ngọc nên chỉ con gái, con trai của quan đều “thương người như thể thương thân”. Mới rồi, tui sang làng Chùa thăm một người bà con. Tui gặp bà em họ. Bà nớ cứ siếc sảm với tui về chuyện năm nọ, cậu ấm Công trên chộc bày chó, chúng nó sửa dai quá, bà đã nổi nóng nói lời phũ phàng và lời nói nớ đã thấu tai quan phó bằng. Quan đã phạt cậu ấm và quan còn đến nhà xin lỗi cho con. Bà càng hối tiếc trước sự nhún nhường của quan phó bằng. Mà bà cứ nghĩ là cậu ấm Công bị cha phạt nặng vậy, chắc oán bà lắm. Nở hay, hôm bà đi gánh rạ ngoài đồng về, bị đút chạc, xỏ tung giữa đường. Vừa lúc cậu ấm Công



đi tới. Cậu ấm đã dừng lại bốc rạ và bó giúp cho bà. Bà em họ của tui càng ngưỡng với cậu ấm. Bà định phân bua với cậu ấm về cái chuyện cũ, nhưng cậu ấm đã nói chặn ngay: “Cháu đã nghịch quá trớn. Bà có mắng cháu nặng lời lúc bà còn quá giận cũng đúng lắm. Cháu đã nhận ra cái sai của mình rồi, bà ạ”. Cậu ấm còn gánh rạ giúp bà về tận ngõ...

Đêm yên tĩnh. Một vài tiếng chó sủa phía bìa làng. Thanh đưa chân bà cựa ra ngõ và khép cánh cổng tre lại. Ánh trăng như tấm lụa khoác lên mọi cảnh vật. Thanh đi rón rén, sợ làm dờ giấc của hai em đang êm gối trên đùi bạn dưới ánh trăng khuya.

*

* *

Gió sớm đưa hương sen vào cửa sổ. Quan phó bảng Sắc ngồi trước án thư bên song cửa uống trà mạn sen, vẻ mặt ưu phiền.

Đã mấy ngày liền, ông phải ngồi tiếp bà con xa gần đến vừa để chào trước lúc ông đi xa quê, vừa để xin đơn thuốc bổ, thuốc giữ nhà. Sáng nay ông dành thì giờ dặn dò con gái việc nhà. Tay ông cầm chén trà, hương trà thoang thoảng lan khắp nhà. Mắt ông đắm chiêu nhìn mọi vật trong nhà, ngoài sân, ngoài vườn... Con gái ông, cô Thanh, đang dọn dẹp và sửa soạn bữa sáng. Nhìn con gái đã vào tuổi hai mươi, ông càng thấy nó giống mẹ. Giống từ mái tóc đen mượt mà, rẽ đường ngôi

thẳng, dài quá gót chân, phải cuốn một vòng ngoài khăn mà vẫn còn thừa một gang tay vắt va vắt vèo như đuôi ngựa. Cả đến dáng đi mềm mại, cách nói năng thùy mị, nét ăn ở thảo hiền cũng giống mẹ. Nhìn con, ông càng thương nhớ vợ. Ông cố nén không để cho các con biết ông khóc. Nỗi đau góa vợ, nỗi lo buồn về con gái chưa chịu lấy chồng cứ xô lán trong lòng ông. Ông vội vàng nhìn ra cửa sổ. Ông thầm nghĩ: Con gái đã hai mươi tuổi. Ngày trước, mẹ nó vào cái tuổi ấy đã có hai con. Mọi người trong làng đã gọi là chị nho... Rồi gọi là chị cừ, bà cừ... Còn con gái mình bây giờ lại chưa chịu làm vợ, càng chưa muốn làm mẹ. Tùy ở con, ta không muốn ép con theo ý ta. Nhưng, với cái tuổi hai mươi này, con nó sẽ sống một mình? Ngôi nhà, khoảnh vườn vắng vẻ này sẽ một mình một bóng con gái ta? Ai mặt đại ư cô miên! (ý nói: còn gì buồn bằng cái giấc ngủ của người con gái muộn chồng?) Nhưng... ta biết con gái ta. Ta rất tin nó có bản lĩnh, giàu nghị lực. Nó là con gái, nhưng dám chết ở biển cả chứ không chịu sống nơi đĩa đèn...

Qua giây phút xao động trong tâm hồn về chuyện xa nhà, về con gái phải gánh vác việc nhà, ông đi quanh nhà, đi dạo sân, vườn. Ông cảm thấy một cái lá rụng trong vườn buổi sáng này cũng là một cử chỉ của cây cối từ già ông. Những giọt sương long lanh trên từng chiếc lá là những giọt lệ của cảnh vật khóc đưa chân ông. Ông định ninh chuyến đi kinh đô Huế lần này chưa biết ngày nào



sẽ quay về quê cha đất tổ. Trước mặt ông, hai con đường hiện ra: làm dân - làm quan? Con đường làm dân là ý nguyện của ông và của người gây dựng sự nghiệp cho ông. Dân vi quý. Còn con đường làm quan là bất đắc dĩ. Ông đã từng nói với mọi người: Tôi học để làm người hiểu biết chứ không học để làm quan. Nhưng, ngay lúc này ông chưa thể từ chối hẳn việc làm quan được. Ông đành tặc lưỡi vào kinh đô. Và ông đã để lại vườn, nhà và hai sào ruộng cho con gái làm ăn sinh sống, còn tất cả số ruộng của làng, của ông Thuyết biểu dấp ông thi đậu đại khoa, ông bán lấy tiền giúp các gia đình có người bị bắt đi phu làm đường Trấn Ninh.

Thấy cha đứng lặng giữa vườn, Côn ghé tai anh:

- Đến sáng mai đã phải xa quê nhà nên cha buồn nhiều, phải không anh?

- Đêm qua cha ngồi bên cửa nhìn ra trời trăng, chẳng ngủ chi cả!

- Để em nói với chị Thanh hằng khoan dọn cơm. Cha đang cần sự yên tĩnh. Anh đi cho lợn ăn. Em đi gánh nước đổ đầy vại. Mai anh em mình đi rồi, chẳng còn dấp giúp đỡ chị Thanh nữa...

Đường làng Sen ngào ngạt hương. Những bông sen trong đầm xòe cánh lụa mượt mà dưới ánh nắng mai dịu dịu.

Ba cha con quan phó bâng Sắc bước từng bước bịn rịn, chồe chốc ngoái về phía sau. Những

người thân và dân làng đi tiễn đứng rải rác dưới bóng tre nhìn theo cha con ông đang đi xa dần. Thanh đứng chơi vơi bên bờ đầm sen như hòn đá.

Từ dưới cánh đồng, bóng hai cậu con trai đang chạy tắt bờ ruộng đuổi theo. Biết là hai cậu bạn thân còn có việc gì cần gấp, Côn xin phép cha quay trở lại gặp bạn.

Côn gặp hai người bạn ngay giữa đám ruộng khoai mới dỡ. Một bạn đưa cho Côn một cái gói bọc bằng lá sen non:

- Mình luộc khoai vừa chín thì Côn đã đi. Mình gói vội mấy củ chạy theo với Thuyến để đưa cho Côn ăn đường.

- Điền có khoai, - Thuyến nói - còn mình có mấy gương sen luộc. Côn ăn với khoai, bù lắm. Còn đây là búp sen xanh, mình thấy nó cao vóng lên giữa đầm, mình lội ra hái đưa cho Côn mang theo để nhớ hương sen quê nhà. Nó thơm dịu hơn các búp sen loại khác.

Cầm những gói quà của bạn, Côn đi theo cha, mắt vẫn dăm dăm ngoái nhìn lại bạn và ngấm búp sen xanh ngan ngát hương quê.

14

Ba cha con ông Sắc trở lại kinh đô Huế với những tên gọi mới: quan phó bảng Nguyễn Sinh Huy và hai con là Nguyễn Tất Đạt, Nguyễn Tất Thành.



Hôm vừa bước chân đến Huế, hai anh em Tất Đạt và Tất Thành theo cha đi viếng mộ mẹ và em Xin. Tất Thành cùng anh trồng lên mộ mẹ, mộ em hai cây đại.

Những ngày đầu vào Huế, chưa tìm được chỗ ở, quan phó bảng Huỷ tạm gửi Tất Đạt đến ở nhờ nhà một người bạn, còn ông cùng với Tất Thành ở nhờ trong nhà ông Phạm Khắc Doãn, người xã Đức Trường, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh, làm quan biên tu Quốc sử quán.

Sau gần bốn năm xa kinh đô Huế, nay trở lại, Nguyễn Tất Thành có nhiều ngỡ ngàng: Cầu Thành Thái (Tràng Tiền) hai đầu gục xuống dòng sông, nhịp giữa đã bị cơn bão Giáp Thìn (1904) cuốn đi. Người ở hai bên bờ sông Hương đang còn phải qua lại bằng dò ngang. Thành và anh trai đứng bên bờ bắc ngẩn ngơ nhìn sang bờ nam sông Hương: từng dãy, từng dãy nhà mới mọc lên nguy nga, thành một khu vực đồ sộ, được gọi là “khu nhà người Tây”. Cái khu nhà người Tây ở, tòa khâm sứ Trung Kỳ, tòa công sứ tỉnh Thừa Thiên... nổi bật lên vẻ kiêu ngạo, thách thức trước cảnh trí thơ mộng của Huế. Còn bên này sông Hương thì vẫn y nguyên một kinh thành cổ kính rêu phong...

Đi cùng với anh trai trên dọc đường thành, Nguyễn Tất Thành đang suy nghĩ về những tòa nhà hành chính của người Pháp đề lên cung thành vua nhà Nguyễn thì lại gặp người hát dạo. Tiếng đàn, giọng ca lại gợi anh nhớ tới ông Xẩm ở quê nhà. Và, bên tai anh cứ văng vẳng lời ca mà anh

thuộc từ mười năm trước:

Nước Nam ta sao lại có Tây...

Trên dọc đường anh gặp người Tây nhiều gấp bao nhiêu lần so với trước... Có cả những tên Tây say vừa đi vừa gây sự với các cô bán hàng trên hè phố. Dòng sông Hương cũng đổi khác: Thuyền buôn tấp nập hơn, mà đồ kỹ nữ⁽¹⁾ đón khách làng chơi đông cũng chẳng kém thuyền chài, thuyền buôn...

Tất Thành cảm thấy ở đất “thần kinh” này đang có một sự chuyển động âm ỉ ở bên trong, anh muốn nói ra cái điều mình đang nghĩ với anh Tất Đạt, nhưng lại sợ tính anh trầm lặng và không thích bàn bạc những việc thời thế.

Quan phó bảng Nguyễn Sinh Huy nhận chức thừa biện Bộ Lễ. Tại đây, ông gặp lại quan phó bảng Phan Chu Trinh, người bạn cùng thi Hội khoa Tân Sửu (1901). Phan Chu Trinh đã dâng tờ biểu (đơn) xin cáo từ chức thừa biện Bộ Lễ. Ông đã công khai lên án bộ máy quan lại thối nát, cam tâm làm tay sai cho người khác. Ông diễn thuyết ngay trong trường Quốc tử giám và trước những thí sinh từ các miền trong nước mới về kinh đô Huế dự thi Hội khoa Giáp Thìn (1904). Ông kêu gọi những người tài mắt phải ngẩng cao đầu, đi tiên phong trong công cuộc xây dựng dân quyền, nâng cao dân trí, dân sinh... Tiếng nói của ông cùng với *Lưu cầu huyết lệ tâm thư* (lá thư viết

(1) Gái làng chơi, gái điếm

bằng máu và nước mắt) của Phan Bội Châu đang gây chấn động cả kinh thành và lan rộng về các miền xa của đất nước.

Nghe danh tiếng của hai nhà chí sĩ họ Phan, nhiều bậc danh nho, khoa bảng ở các nơi về Huế tiếp kiến. Từ Phan Thiết, đất cực nam Trung Bộ, ông Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lợi ra Huế gặp Phan Chu Trinh. Phan Bội Châu đã rời Huế vì ông không đồng quan điểm với Phan Chu Trinh. Quan nghè Trần Quý Cáp, quan nghè Huỳnh Thúc Kháng, quan đốc Đặng Nguyên Cẩn, quan nghè Ngô Đức Kế... đều cùng quan điểm với quan phó bảng Phan Chu Trinh. Cho nên quan đốc Cẩn, quan nghè kế đã lập ra Triều Dương Thư Quán ở Vinh. Ông Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lợi (con trai đầu của nhà thơ yêu nước Nguyễn Thông), hai nhà hàng tâm hăng sẵn tham gia tổ chức Hội Duy Tân, đã cùng các ông Nguyễn Quý Anh, Trần Lệ Chất, Nguyễn Hiệt Chi, Ngô Văn Nhượng lập ra công ty Liên Thành thương quán và trường Dục Thanh tại Phan Thiết.

Quan thừa biện Nguyễn Sinh Huy tham dự nhiều buổi bình văn. Ông đã để lại trong tâm trí giới sĩ phu yêu nước một câu nói nổi tiếng: *Quan trường thị nô trung chi nô lệ hựu nô lệ*⁽¹⁾. Ông Lê Văn Miến, một giáo sư nổi tiếng của trường Quốc học, qua những buổi bình văn đã bắt gặp được tiếng nói tri âm ấy và đã kết bạn đồng tâm

(1) Quan trường là nô lệ trong đám nô lệ nên càng nô lệ nhất.

với quan thừa biện Nguyễn Sinh Huy...

Từ ngày đầu đến ở nhờ, Tất Thành đã được vị quan biên tu Quốc sử quán họ Phạm chú ý.

“Lưỡng mục minh tinh”⁽¹⁾. Nhìn đôi con mắt của Tất Thành, ông nhớ lại dịp Thành qua Hà Tĩnh chơi, nhiều người truyền đi những lời đồn về sự sáng dạ, sự tinh anh và khẩu khí như gấm hoa của anh, lúc ấy ông chưa tin lắm. Bây giờ nhìn kỹ đôi con mắt của Tất Thành, ông nói: Mắt là kho báu của con người ta. Cho nên, dân gian mới nói: “Giàu hai con mắt”.

- Nghĩa là được nhiều tiền nhiều của là do ở hai con mắt, hả cha? - Phạm Gia Cần, con trai ông Phạm Khắc Doãn, hỏi.

Ông Phạm Khắc Doãn nhìn con cười:

- Con trai của cha chỉ hiểu được cái nghĩa hẹp của câu tục ngữ luận về đôi mắt của con người. Cái chữ “giàu” của đôi con mắt nghĩa của nó rộng lắm con ạ. Càng giải thích, nghĩa của nó càng lớn ra. Tùy ở mức hiểu biết của mỗi người đến đâu thì sẽ nhận ra được ý nghĩa của nó tới đó. Với lứa tuổi của con, chưa từng trải việc đời, cha chỉ có thể nói cho con hay cái nghĩa chữ “giàu” của đôi con mắt là giàu về tài năng, giàu về vốn hiểu biết ở đời, giàu về đức độ. Và - ông nhấn giọng - người thiện nhiều hay ác nhiều cũng đều lộ ra ở hai con mắt...

Nghe cha giảng giải, cậu ấm Cần bắt đầu quan sát kỹ cậu ấm Thành... Rồi qua những ngày chung

(1) Hai mắt sáng như sao



sống trong nhà, Cần càng nhận ra dần dần ở Thành giàu những đức tính tốt đẹp và sự thông minh sáng láng khác thường.

Bữa cơm “khách” đầu tiên, ăn xong Thành tự đi lấy tăm đặt lên miệng chén trà cho từng người. Thành thu dọn bát đĩa và đi rửa. Cần cảm động, ngăn lại:

- Thành đừng mó tay vô công việc ni. Đến bàn uống nước, để mình làm cho.

- Việc ni để em làm phải hơn. Ngoài hai ông bố ra chỉ có anh và em thôi. Em ít tuổi hơn anh, em nhận việc rửa bát, anh làm việc khác.

Quan biện tu Quốc sử quán Phạm Khắc Doãn nhìn cậu ấm Thành dọn bát đĩa, gặt đầu, nói:

- Cần hãy xem, em Thành nó sắp bát ý tứ chưa kìa! Cách sắp xếp ấy thì dù có chõng cao lên mấy cũng khó đổ. Lần trước con đánh vỡ cả chõng bát cũng chỉ vì xếp trên to dưới nhỏ...

Đến ở ngày hôm trước, hôm sau Thành đã đi chợ đông gạo, mua thức ăn. Thành biết rành từng loại gạo cơm ở chợ Đông Ba như gạo lóc dàu, gạo chặm, gạo ré, gạo hẻo... Anh nói với Cần:

- Những thứ gạo này vừa dẻo, vừa thơm và ngọt mà lại hợp túi tiền của anh em mình. Ở Huế có rất nhiều thức ăn tươi ngon. Chịu mất công một tí và chịu để ý học cách làm món ăn của các bà, các chị thì sẽ được ăn ngon miệng mà lại không tốn tiền lắm. Đặc biệt có món cá bống kho khô, rắc tiêu, ăn với canh rau tập tàng ngon tuyệt, anh ạ.

Phạm Gia Cần ngạc nhiên, hỏi:

- Thành vừa vô tới đây sao đã thuộc đường, quen chợ và lại thạo mọi việc nội trợ hơn cả những cô gái con nhà tần tảo vậy?

- Mười năm trước đây, em đã từng ở với cha mẹ em trong thành nội, xung quanh khu vực hoàng thành và vùng ngoại vi Huế em quen thuộc cả. Còn việc thạo chợ búa, nấu nướng là do mẹ em và chị Thanh của em bày vẽ cho. Có lúc em đã phải lo liệu mọi việc trong nhà vì cha đi vắng, mẹ ốm nặng. Vả lại, biết làm việc gì là có ích cho mình, anh Cần ạ.

Phạm Gia Cần vẻ mặt trầm ngâm, nói thủ thỉ:

- Từ hôm Thành đến ở chung, cha mình luôn luôn tấm tắc: “Có con mắt, có bàn tay cậu ấm Thành, nên nhà, sân, vườn đã phong quang ra, đồ đạc được gọn gàng, ngăn nắp đâu vô đó...”. - Cần hạ giọng, chân thành: - Ở gần Thành, mình học hỏi được nhiều thứ, nhất là cách đọc sách.

Thành nói luôn:

- Cha em và thầy Vương Thúc Quý dạy em cách đó. - Hai mắt nhìn vào xa xăm, Thành hồi tưởng: - Còn nếp sống trong nhà là bà ngoại em rèn cấp cho từ lúc ba chị em còn nhỏ, quán quýt bên chân bà.

*

* *

Quan thừa biện Nguyễn Sinh Huy đã thu xếp được một chỗ ở tại phía sau thành Đông Ba vốn là trại lính cũ trong dãy “thuộc viên” dành cho các viên quan nhỏ của triều đình Huế. Ông đón



hai con về, ba cha con cùng ở với nhau.

Một hôm, Thành thấy cha đi làm về, vẻ mặt không vui, trong bữa cơm cũng không nói chuyện với hai con như thường lệ. Thành đợi cha uống nước, nằm nghỉ mới ghé ngồi bên cha, hỏi dè dặt:

- Thưa cha, ở trong Bộ chắc có chuyện chi không vui? Cha mệt lắm phải không, thưa cha?

Quan thừa biện Huy nhắc cánh tay khỏi vầng trán, nhìn con chăm chăm:

- Anh Tất Đạt của con đi đâu rồi?

- Anh con sang bên anh ấm Cần mượn sách về đọc ạ. Hôm qua anh ấm Cần cho biết quan bác vừa đưa một số sách mới ở Quốc sử quán về, cha ạ.

- Người xưa quan niệm: Vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao⁽¹⁾. Cha thấy việc đọc sách là đáng quý, quý lắm. Các con phải tự nhắc nhở mình: Ngày nào chưa đọc được mười trang sách là ngày đó bị nhện dơi nhện khát. Đã coi mất là kho báu thì sách là một nguồn báu vô tận của mắt. Nhưng không thể hạ thấp những việc khác, coi việc đọc sách là trên hết thấy.

Lúc cha nói chuyện, Thành thấy ở cha có băn khoăn gì chưa nói. Anh hỏi:

- Chắc là trong buổi lễ thường triều có chuyện đức vua quở, hay trong Bộ lại có chuyện chi không vui, thưa cha?

- Không có chuyện đó, con ạ. Cha đang bận

(1) Mọi việc đều thấp hèn, chỉ có việc đọc sách là cao quý

tâm về việc tòa khâm sứ thúc ép nhà vua ra đạo dụ giám dân việc học chữ nho, khuyến khích học chữ Tây, học chữ mới gọi là quốc ngữ. Cha cũng tính xem có nên cho các con vào trường Đông Ba học cái “chữ mới” ấy không.

Hai cha con như chìm vào yên lặng. Sau những phút trầm ngâm, Thành hỏi cha:

- Thái độ của các quan trong triều trước sự việc này ra sao hả cha?

- Hầu hết là buồn thảm, là đau đớn ngấm, cũng có một số ông thì hí hửng muốn có vốn “chữ mới” để được người Tây trọng dụng.

- Con mới biết võ vẽ dăm ba chữ, con thấy chữ quốc ngữ dễ nhớ, chóng biết và học một nó hóa ra hai ba chữ không như cái chữ nho, học chữ nào chỉ biết vền vện chữ ấy. Cả đến chữ Tây con cũng thấy dễ đọc hơn chữ nho nữa kia, cha ạ.

- Mấy lâu nay, cha ngẫm nghĩ nhiều về đường học của các con. Thời thế đã xoay vần, lớp các con không thể ôm khư khư cái con đường học chữ thánh hiền như lớp người của cha. Cha rất kính trọng chí hướng của ông giải San. Nhưng cha không thể đồng tình với ông bài bác việc học “chữ mới”. - Ông ngồi dậy, chống khuỷu tay lên mặt gối, người nghiêng ra phía sau, giọng trầm lắng: - Ông cha ta chống giặc Tàu từ đời này qua đời khác, - ông nhân giọng - chống giặc Tàu chứ không chống dân chúng Tàu. Nhưng ông cha ta sùng bái chữ Hán, học chữ Hán. Học cái chữ chứ không học tiếng nói. Ta nói tiếng của ta, dùng chữ

người Hán để viết nhưng không đọc theo tiếng của họ. Và, ta viết chữ Hán theo lối sắp xếp của tiếng nói người Việt ta. Vậy thì, ngày nay ta cũng nên học cái chữ người Tây, càng nên học cái “chữ mới”. Chúng ta học chữ Tây là học cái tinh hoa của Pháp quốc, nhưng quyết không cam chịu để lũ quý trắng đè đầu cưỡi cổ dân mình, con ạ.

Hai mắt Thành ngời lên những tia sáng, nhìn cha:

- Con... thưa cha, con... con chưa nghĩ được thấu đáo như cha. Song, con đã thâm nghĩ về việc học chữ Tây... Muốn biết rõ cội nguồn của người Tây là thế nào thì phải biết chữ của họ, tiếng nói của họ, nền văn minh của họ. Và càng không thể bỏ qua việc học loại chữ mới, cha ạ.

- Ủ... - Ông gật đầu - Con cũng đã có một cái hướng học rõ rệt như vậy, cha sẽ đưa con vào học trường Pháp - Việt Đông Ba. Cả anh con nữa...

*

* *

Trường tiểu học Pháp - Việt của tỉnh Thừa Thiên xây dựng trên nền chợ Đông Ba cũ, ở ngoài quách cửa Chính Đông. Năm 1899 chợ Đông Ba dời ra ngoài. Cái đình chợ dùng làm trường học. Người ta ngăn làm năm gian, bốn gian là bốn lớp, một gian còn lại làm văn phòng nhà trường. Trường tiểu học tỉnh Thừa Thiên mang tên Đông Ba là từ cái tích ấy.

Thành và Đạt đã tháo vòng bạc khỏi cổ, mặc quần áo bà ba trắng, lúc đến trường thì mặc áo dài

đen. Phạm Gia Cẩn cũng cải cách việc ăn mặc và cùng vào học trường Đông Ba với anh em Thành.

Thành vừa tới cửa trường, những bạn nhỏ thành nội năm xưa đã ùa đến xúm quanh, hỏi tíu tíu... Các bạn vẫn quen gọi anh là Côn. Phạm Gia Cẩn nhắc:

- Côn là tên “lót ố” thôi nghe. Chúng mình phải gọi Tất Thành, tên chữ của bạn ấy.

Diệp Văn Kỳ ôm choàng lấy cổ Thành, du qua du lại, nói:

- Nghe nói Côn... ờ quên, nghe nói Thành trở vô đây đã gần một tháng nay mà bọn mình không biết chỗ ở để đến chơi.

- Vì - Thành nói - chưa có chỗ ở hẳn hoi, mình chưa tiện đi đón hoặc nhắn tin các bạn đến với mình. Nay thì gia đình mình đã dọn đến ở tại thuộc viên, dãy nhà bên trái sau cửa thành Đông Ba...

- Ô! Gần... gần đây thôi. - Đám bạn thành nội reo to lên.

Kỳ hôn hờ:

- Tan học bọn mình kéo đến nhà Thành nhá...

Thành nhìn như đếm từng kỷ niệm đọng trên những gương mặt quen thuộc từ tuổi ấu thơ. Anh hỏi Kỳ:

- Mẹ Minh Huệ và bạn Hạnh (Lê Thị Hạnh) có đi học chữ mới không?

- Hai “bà” ấy ham cái chữ “dắt dây” hơn cả loại chữ “vẽ bùa” cũ kỹ đó. Họ đang học ở trường Tam Tòa⁽¹⁾ ấy...

(1) Trường nữ sinh lớn nhất Trung Kỳ, ở trong cửa Thương Tứ. Ngày ấy chưa có trường Đồng Khánh.



Thành cười hiền, giọng buồn buồn:

- Mình về quê đã gần bốn năm, nhưng mình vẫn canh cánh bên lòng cái ơn của các bạn đối với mình lúc gặp hoạn nạn. Lúc mẹ chết, mình bối rối, lại còn đang thơ dại chưa nghĩ thấu, nay mình đã biết nghĩ, càng thấm thía tấm lòng của các bạn hồi đó...

- Nhắc chi chuyện buồn đã qua, hả Thành?

- Đâu phải chi là nhắc mà mình phải nhớ nghĩa của bạn bè. Nên về quê, mình đã kể lại cho bà ngoại của mình nghe chuyện bạn bè giúp đỡ trong lúc mẹ chết, cha đi vắng chưa về. Bà mình khóc. Bà dặn mình: “Một miếng khi đói bằng một gói khi no. Cháu được các bạn vun tay vô giúp đỡ lúc cháu gặp cảnh tối lửa tắt đèn thì phải nhớ đời. Nhớ ơn đền nghĩa là người có thủy có chung. Nhiều khi mình chẳng có dịp đền đáp công ơn của người giúp mình mà lại giúp đỡ người khác lúc hoạn nạn thì đó cũng là cách nhớ ơn đền nghĩa...”

Đám bạn thành nội xúc động về tấm tình sâu sắc của Thành. Họ đang nói dở câu chuyện tình bạn cũ thì tiếng trống trường đã nổi lên... Tất cả xếp hàng, trật tự bước vào lớp.

*

* *

Thầy hiệu trưởng trường Đông Ba đã ngạc nhiên về sức học và tính nết của Nguyễn Tất Thành. Gần một trăm học trò trong trường đều là

con các nhà quan, con nhà giàu có của đất “thần kinh”. Trò nào cũng mặt mũi tuấn tú, khôi ngô và sáng dạ. Trò nào cũng lễ phép với thầy. Nhưng, Nguyễn Tất Thành là một trong năm học trò đề án tượng rõ nhất trong tình cảm của thầy. Hằng tháng, Nguyễn Tất Thành và bốn học trò nữa thường được thầy khen ở lớp. Và đã có lần thầy nói:

- Trò Nguyễn Tất Thành học của thầy một chữ mà tự học hỏi thêm để biết rộng được gấp hai, gấp ba, cho nên, các bài làm của trò Thành thường mở rộng vượt khỏi khuôn khổ của các đầu đề bài tập. Mở rộng ý tưởng của bài chữ không hề lạc đề. - Thầy nói, về xúc động: - Ta không mền học trò Thành sao được! Trò Thành học với ta mới chưa được một niên khóa, hôm ấy ta vừa đọc lên: “Ô sa! Ô sa! Ô sa! Vu-lê-vu măng-giê lơ ra, mông-tê xuyếc la pu-tơ-rơ” (O chat! O chat! O chat! Voulez-vous manger le rat, montez sur la poutre), trò Thành đã dịch câu tiếng Pháp ấy ra tiếng Việt thuần thực như một câu ca dao ngọt ngào, quen thuộc:

Con mèo, con mèo, con meo,

Mày muốn ăn chuột thì leo lên xà.

Ồ! Thật là tuyệt... Tuyệt vời...

Thầy còn nhận xét tí mĩ:

- Sách học, vở tập của trò Thành luôn luôn giữ sạch đẹp, không quăn mép không giây mực, không tẩy xóa nhòe nhoẹt. Chữ viết đủ nét, rõ ràng, thẳng hàng ngay lối...

Những năm tháng học “chữ mới” ở trường tiểu học Đông Ba, Thành và Đạt còn được cha khích lệ: Hằng ngày đi làm ở Bộ về, sau bữa cơm tối, ông thường ngồi vào bàn học theo bài vở của con đang học. Ông coi hai con là “thầy” dạy “chữ mới” cho mình. Đạt coi việc cha mình học “chữ mới” là thú vui. Thành thấy cha đã ngoài bốn chục tuổi, đầu phó bẳng, ôm nỗi đau mất nước, phải nhận một chức quan tại Bộ Lễ mà vẫn cặm cuì học thêm “chữ mới” là sự khác thường. Anh định ninh về lời cha tâm sự: “Ông cha ta đã không bao giờ chịu khuất phục giặc Tàu, nhưng quý trọng chữ Hán, quý trọng nền văn hóa Tàu. Ngày nay các con cố gắng học “chữ mới”, học chữ của Pháp quốc để mở mang đầu óc thì mới biết đường hướng mà hành động hợp với thời thế... Học “chữ mới” không phải để rồi đi làm thầy ký thầy thông...”

15

Thu đã sang. Huế mơ màng...

Kết thúc chặng đường học tiểu học trường Đông Ba, lòng Tất Thành thanh thoi, tĩnh lặng. Nhưng, chẳng mấy chốc tâm trí Thành lại bẽ bộn với bao hy vọng đợi chờ được gọi vào “Thiên đường trường học” của niên khóa 1906-1907. Và, cái mùa thu của năm 1906 này, anh càng bận tâm với không khí âm ỉ của cuộc vận động chống

Pháp do các sĩ phu yêu nước nhen lên. Sôi nổi nhất là các giới đồng bào ở kinh đô Huế hưởng ứng *Hải ngoại huyết thư* của Phan Bội Châu. Các nhà hàng tâm hàng sản ủng hộ vàng bạc cho quỹ xuất dương. Những thanh niên trí thức có tâm huyết tìm cách trốn sang Trung Quốc, sang Nhật theo Phan Bội Châu. Phan Chu Trinh từ Nhật Bản về nước. Ông gửi thư cho toàn quyền Bô (Beau) đòi cải cách chính trị, nới rộng dân quyền...

Thành đang xốn xang với thời cuộc, cha và anh Đạt lại vào Bình Định thăm cụ Đào Tấn đã từ quan về quê nghỉ, bị ốm. Giữa lúc này Thành nhận được thư chị Thanh gửi qua Phạm Gia Cầm nhân lúc anh về thăm quê.

Thành cầm lá thư của chị ra hồ Tịnh Tâm ngồi đọc. Những bông sen cuối mùa cúi gục xuống mặt hồ phẳng lặng. Thành tựa vào gốc cây, tán xòa như chiếc lọng xanh che đầu, trái lá thư của chị trên lòng bàn tay, mắt rơm rớm ướt vì cảm động trước những dòng “chữ mới” do bàn tay chị viết:

Phong thư viết vội

Chị gửi hai em

Giấy trắng mực đen

Thấm tình của chị.

Niềm thương như bể

Nỗi nhớ như non

Trăng khuyết trăng tròn

Lúc mưa lúc nắng

Lòng chị nở (chẳng) vắng

Một phút hình em
 Thương cha ngày đêm
 Một mình một bóng
 Khác chi gà trống
 Nhật thóc nuôi con
 Sầu nước héo gan
 Thờ vua khô dạ...

Em ơi có rõ
 Chị sống một thân
 Giữ nếp thanh bần
 Mà không dốt nát
 Chị đã học được
 Chữ mới như em
 Nghe lời giải San
 Chị vô Hội kín...
 Hai em đã lớn
 Nhiều chữ, gần cha
 Ất là nhìn ra
 Con đường cứu nước...

...

Thành đang ngẫm nghĩ về trang thư của chị thì từ phía sau, Kỳ ủa đến:

- Hây (Thành giật mình nhìn lên, cười với Kỳ)
 Đây rồi! Bắt gặp đây rồi... Ấy! Thành đọc... Răng
 mất... Thành khóc?

- Mình đọc thư của chị Thanh mới gửi vô.

- Thầy và anh Đạt về rồi. Còn có một vị khách cùng về với thầy nữa. Thầy cho mình đi tìm Thành về. Anh Đạt đang đun nước pha trà.

Thành và Kỳ đi sóng đôi dưới bóng hàng cây. Đi tới lối rẽ về nhà Thành, Kỳ trả cho Thành tập

truyện “Không gia đình” bằng tiếng Pháp rồi đi thẳng ra phố.

Thành đi mé ngoài hàng cây hoa râm bụt, ghé mắt vào nhà thấy cha và ông khách đang ngồi đối diện nhau ở bộ ghế bành voi. Thành đi quanh ra sau nhà, đưa cho anh Đạt lá thư của chị Thanh. Thành sửa lại quần áo ngay ngắn, vuốt mái tóc dày ộp mượt mà, tay vẫn ôm cuốn truyện “Không gia đình”, đi lên nhà. Anh khoanh tay trước ngực:

- Con chào cha, - anh cúi đầu về phía khách: - cháu chào bác ạ.

Ông Huy chìa tay về phía trước:

- Thừa bác, cháu Nguyễn Tất Thành của bác đó ạ.

Vị khách nhìn Thành với vẻ hiền từ, âu yếm. Ông chìa tay mời:

- Cháu ngồi vô ghế.

Thành nhắc chiếc ghế ra xa bàn để tránh ngồi ngang hàng với cha và với khách của cha. Vị khách gật đầu tán thưởng cái cử chỉ lễ phép ấy của Thành. Ông Huy giới thiệu với con:

- Cha xin phép được giới thiệu bác với con... Bác là thầy Lê Văn Miến.

Thành chớp chớp mắt, hơi nghiêng đầu nhìn thầy giáo Miến, một thầy giáo mà anh đã được cha nhiều lần nhắc tên và anh ước ao được học thầy. Anh lễ phép thưa:

- Dạ, thưa thầy, con được nghe danh thầy đã từ lâu, nay con lại vinh dự được gặp thầy...

- Cha cháu với chú là chỗ thân tình, cùng quê. Cháu cứ gọi là chú, vì chú ít tuổi hơn cha cháu.

Nay mai anh em cháu vào học trường Quốc gia học đường, lúc bấy giờ là thầy trò thực sự, ta sẽ gọi nhau đúng chức danh, cháu ạ.

- Thưa... dạ thưa chú, anh em cháu e khó vô nổi cửa trường Quốc học ấy ạ.

- Chú vừa mới báo tin với cha cháu đó. Hai anh em cháu đều đã có tên trong danh sách chính thức của niên khóa 1906 - 1907 cháu ạ.

Nguyễn Tất Thành hơi bối rối, những ngón tay anh cử động một cách vụng về trên bìa cuốn truyện “Không gia đình”, hai bàn chân anh luôn xê dịch trên nền nhà... Thầy giáo Lê Văn Miến đã đọc được những tín hiệu xúc động ấy của Tất Thành. Ông nói:

- Chú hơi lo cháu Tất Đạt sức học có phần yếu một chút. Cháu Đạt phải cố gắng ngay từ đầu năm học, về sau mới đuổi kịp trình độ chung của trường. Còn cháu, - ông nhìn Thành, vẻ tin tưởng - cháu thuộc loại “hiền đức tại tâm, anh hoa tọa mục”...(1)

Nguyễn Tất Thành càng bối rối hơn. Ông Nguyễn Sinh Huy đỡ lời cho con:

- Cháu Thành được cái sáng dạ và hiếu học, ham hiểu biết. Cháu có thể mặc áo vá, đi đầu trần, đi chân đất, ăn cháo, ăn rau, nhưng cháu không thể nhịn học, nhịn xem sách, nhịn nghe những chuyện bổ ích.

Thầy Miến nhấp một ngụm trà và cầm gọng cái chén bạch định vào lòng bàn tay, giọng khoan

(1) Đại ý. Đức lớn ở lòng, sự thông minh hiền lên trong mắt.

thai:

- Các thầy chấm bài thi, từ lúc chưa ráp phách lại đã xôn xao về một số bài thi làm rất tốt. Các thầy đồng thanh cho điểm mười. Trong số bài đặc sắc ấy có bài cháu Nguyễn Tất Thành của quan bác.

Quan phó bảng Huy cảm động, tay hơi run, cầm cái ấm chuyên tiếp trà vào chén thầy Miến. Tất Thành hai má đỏ ửng. Thầy Miến nói với Thành:

- Những năm học trước đây, học sinh vào trường Quốc học không phải qua kỳ thi tuyển chọn mà lấy vào rất con các vị mũ cao áo dài và những sinh viên trường Quốc tử giám có xu hướng học chữ mới và tự nguyện ra làm việc cho nhà nước bảo hộ. Phủ toàn quyền Đông Dương ra nghị định lập cái trường Quốc học này để thay thế cho trường Hành Nhon của chính phủ Nam triều từ năm 1896. Cho nên, ai đậu bằng thành chung do trường Quốc gia học đường này đào tạo thì được trọng dụng ngang với người có bằng cử nhân nho học. Ngay cả khi còn đang là cậu học trò trường Quốc học thì người bên tòa khâm, có khi bản thân ông chánh sứ đến tận lớp học nhấn người để đưa về làm việc. Cho nên, dân kinh đô mới gọi là “Thiên đường trường học”, cháu ạ.

Tất Thành, tay bóp chặt cuốn truyện “Không gia đình”, mắt chớp chớp:

- Thừa chú, nếu luật lệ bắt buộc sau khi ở trường Quốc học ra phải đi làm thầy thông, thầy



ký cho nhà nước bảo hộ thì... cháu sẽ xin phép cha cháu để tìm một trường học khác.

- Khá lắm. Hữu chí cánh thành⁽¹⁾. - Ông hạ giọng: - Một người sớm có chí hướng như cháu thì chẳng có sức mạnh nào bắt cháu khuất phục được. Cho nên cháu cần vào trường Quốc học. Hiện nay, trên khắp xứ mình không có trường học nào đáng để cháu học bằng cái trường Quốc học này. Lớp trẻ các cháu, nhất là cháu, cần có vốn văn hóa tân tiến. Không phải bất cứ ai học chữ Tây rồi cũng ra làm tay sai cho người Tây đâu. Mà có những người ra làm việc cho Tây cũng chỉ vì kiếm sống, cháu ạ. Và không phải người Pháp nào cũng đều là thực dân đế quốc cả đâu. Chú sang Tây du học với Hoàng Trọng Phu và Thân Trọng Huề. Nhưng, về nước chú chỉ làm công việc truyền thụ cái tốt đẹp của văn hóa Pháp cho con em trong xứ sở mình. Vì chú không có đủ tài kinh bang tế thế⁽²⁾. Còn Hoàng Trọng Phu, Thân Trọng Huề thì đang làm... “trọng trách” khác chú.

Tất Thành áp cuốn truyện “Không gia đình” vào ngực, lễ phép nói:

- Những lời chú dạy, cháu thấy sáng ra nhiều lắm.

Thầy Lê Văn Miến trầu mếu đặt tay lên vai Nguyễn Tất Thành:

- Ngày chú mới biết võ vẽ tiếng Pháp, chú làm

(1) Có chí thì nên.

(2) Dựng nước giúp đời.

tương truyền “Không gia đình” là sách của trẻ con đọc. Nhưng, nay thỉnh thoảng chú vẫn còn đọc đi đọc lại nó. Càng đọc chú càng biết thêm được những bài học làm người. Cháu đọc “Không gia đình” cháu thấy thế nào?

- Thưa chú, cháu mới đọc được có hai lần, mà vốn chữ Tây của cháu còn ít ỏi lắm. Qua hai lần đọc, cháu thấm thía nhất là: trong lúc xã hội có chuyện người ăn hiếp người thì lại có chuyện con chó Ca-pi, con khỉ Giô-li-cơ của ông già xiếc Vi-ta-li, có tình, có nghĩa với chủ nó, và chúng sống có tình bạn, tình đồng đội, thương nhau như con một nhà...

Thầy Lê Văn Miến đứng dậy, cha con ông Nguyễn Sinh Huy cùng đứng lên. Thầy chấp hai tay ở trước ngực:

- Xin chúc mừng quan bác có một người con: Nguyễn Tất Thành - sẽ *tất thành*. Tôi sẽ có vinh dự được làm một người thầy học của trò Nguyễn Tất Thành.

- Cảm tạ, - ông phó bảng Huy đáp - xin cảm tạ đại huynh đã dành cho cha con tôi những lời tốt đẹp.

Nguyễn Tất Thành giọng chân thành:

- Thưa chú, cháu được nghe các bậc cha anh tỏ lời thán phục chú là một người tiết kiệm từng lời, từng chữ, không bao giờ nói thừa, viết thừa. Hôm nay, lần đầu tiên cháu được vinh dự hầu chuyện

chú, cháu vô cùng cảm động, chú đã dành đặc ân cho cháu...

Thầy Miến đỡ lời:

- Cháu ơi! Nước mắt mà không biết là bất trí,



biết mà không chiến đấu cứu nước là bất trung, chiến đấu mà không quên mình vì nước là bất dũng. Chú là người đã phạm điều “tam bất” ấy thì phải tự biết xấu hổ với quốc dân, chứ sao còn nói nhiều, viết nhiều, liệu có ích gì? Còn chú nói với cháu nhiều là dò chú đã gặp được tri âm. Các cháu tuy còn tuổi măng tơ nhưng sẽ là những cây tre cao hơn cả lũy tre...

Nguyễn Tất Thành bèn lễn bước theo cha tiên chân thầy Lê Văn Miến ra tận cửa thành...

*

* *

Cầu Thành Thái sau bao ngày gãy gục đã được dựng lại. Nó như chiếc đòn gánh, một đầu gánh những lâu đài nhà Nguyễn bên tả ngạn, một đầu gánh những dinh thự thực dân Pháp bên hữu ngạn sông Hương.

Nguyễn Tất Thành trên đường đến trường Quốc học đi trên chiếc “đòn gánh” ấy, mắt nhìn đầu đầu hai bờ sông Hương nặng trĩu hai đầu gánh. Anh bồi hồi nhớ về một câu hò của người chèo đò trên sông đã cất tiếng lên trong một đêm khuya vắng:

... *Lập lên trường thi văn thi võ đua tài*
Cớ màn răng cửa Thuận An, Tây đóng
Trấn Bình Đài, cờ Tây treo?
Nước sông Hương thơm nức
Dòng sông Hương trong veo

Câu tên vua gầy nhíp khác chi thuyền gầy chèo giữa khơi...

Trước đây đã bao nhiêu lần Tái Thành đi với anh Tái Đạt, với bạn bè qua cổng trường Quốc học. Nhưng, Thành chẳng để ý tới cái “Thiên đường trường học” này làm gì. Giờ đây, khi anh đã là “sĩ tử” của cái “thiên đường” này, anh mới thấy hết, càng ngạc nhiên và lòng đầy ngỡ vực khi nhìn kỹ nó. Cổng trường bằng gỗ lợp ngói, bên trên là cái gác chuông, kiểu kiến trúc cổ. Hai bên là hai con rồng nổi, ghép bằng mảnh sứ. Cổng trường nhìn đối diện của Ngọ Môn, ở bên tả ngạn sông Hương. Trên cổng trường gắn tấm biển nền đỏ, chữ vàng: “Pháp tự quốc học trường môn” bằng chữ Hán. Trên hàng chữ Hán này lại có hai chữ quốc ngữ đắp nổi: “Quốc học”. Trong đầu anh hiện lên chông chông lớp lớp những dấu hỏi: Trường Quốc học? Chữ Pháp? Trường học lớn nhất của nước nhà sao lại lấy chữ Pháp làm chính? Phải chăng từ nay chữ Pháp là quốc tự của Việt Nam? Và Việt Nam đâu còn là tên của nước mình nữa, mà là “xứ Đông Pháp” rồi! Dưới bậc tiểu học họ đang còn mị dân mình bằng cái tên ghép: Trường Pháp - Việt. Lên bậc trung học, các quan thực dân Pháp không giấu mục đích thực dân của họ: Trường Quốc học chữ Pháp. Nghĩa là trường học của nước Pháp dạy tiếng Pháp, đào tạo người làm việc cho nước Pháp ở ngay trên xứ thuộc địa của nước Pháp... Anh lại tự nhủ: Thầy

Lê Văn Miến được người Pháp đưa sang Pháp đào tạo với mục đích lúc về xứ sở sẽ là một tay sai đắc lực trong bộ máy cai trị, nhưng thầy Miến lại lựa chọn cho mình một hướng đi khác...

Tất Thành cảm thấy mỉa mai cho cái cơ ngơi “Thiên đường trường học” vốn là doanh trại đội lính thủy hoàng gia, với hai dãy nhà tranh, phen nửa. Mỗi dãy nhà ngăn ra làm nhiều phòng nhỏ làm lớp học và phòng các bộ môn: phòng từ hàn (văn phòng, phòng luyện võ), phòng diễn thuyết, phòng khách, phòng diễn ảo thuật. Phòng ông hiệu trưởng được tu bổ khang trang hơn hết...

Nguyễn Tất Thành ngồi vào lớp học. Học trò đã ngồi gần kín các dãy ghế. Nhưng, ngoài sân trường còn có những chiếc xe song mã, xe độc mã... tiếp tục đến... Có tiếng xì xào: “Chà! Chà! Các mẹ, các cụ chừ mới đến... Con cháu nhà vua có khác! Đó... đó... mẹ Hoàng Kiên, mẹ Hoàng Đề, cụ Ứng Thuận, cụ Ứng Hoát, cụ Ứng Nghệ... Lại còn các cậu ấm con các quan đại thần cũng chừ mới đến trường!”

Trong lớp im bật. Cả lớp đứng dậy khoanh vòng tay trước ngực. Một thầy giáo người Pháp bước vào lớp, nói tiếng Pháp, giọng mũi: “Các trò ngồi xuống”. Ông điểm danh cả lớp. Thành ngồi ở hàng ghế gần cuối lớp, theo thứ tự A, B... Đạt ngồi ở hàng ghế đầu Đ. Ông ghi số học trò có mặt và vắng mặt lên góc bảng đen. Ông giới thiệu cho học trò biết một số đặc điểm của lớp nhất trung học. Vẫn cái giọng mũi ồm ồm, ông nói:



- Lớp nhất trung học của niên khoá này có một mẹ, hai phụ. Nhưng, học trò của nhà trường này đều bình đẳng, không phân biệt đối xử.

Trong lớp có tiếng xầm xì. Ông giáo người Pháp nhún mày nhìn xuống, cả lớp im phăng phắc. Ông nói cao giọng hơn:

- Trong lớp nhất trung học này có hai trò đã đậu bằng cử nhân và sáu trò bằng tú tài nho học. Đặc biệt có trò Phan Khải, quê tỉnh Quảng Nam, năm mười bảy tuổi đậu tú tài nho học.

Thành nhìn về phía văn K. Lê Đình Thám ngồi cạnh Thành nói khẽ: “Phan Khải tuổi Mậu Tý (1888), đậu tú tài khoa thi 1905 vừa rồi”. Tất Thành nói nhỏ với Lê Đình Thám: “VẬY RA ANH KHẢI CÙNG TUỔI VỚI ANH VÕ LIÊM SƠN VÀ ANH TẤT ĐẠT CỦA TÔI”.

- Võ Liêm Sơn quê Nghệ hay bên Tĩnh? - Lê Đình Thám hỏi rất khẽ.

Võ Liêm Sơn ngồi ngay ở hàng ghế trước nên cũng nghe được và quay đầu về sau nở nụ cười với Thành và Thám.

Ông giáo người Pháp vẫn tiếp tục nói về đặc điểm của lớp:

- ... Còn một đặc điểm nữa, tuy nhỏ nhưng đáng phải kể đến là, có hai cặp anh em ruột học cùng một lớp. Một là Lê Đình Dương, Lê Đình Thám, con quan tổng đốc Lê Đình, quê Quảng Nam. Hai là Nguyễn Tất Đạt, Nguyễn Tất Thành, con quan phó bảng Nguyễn Sinh Huy thừa biện Bộ Lễ, quê tỉnh Nghệ An...

Nguyễn Tất Thành hơi cúi nhìn xuống bàn, tránh những cái nhìn của các bạn trong lớp. Chân anh miết mạnh xuống đất. Đầu óc anh như một dòng sông chảy xiết: hình dáng ông thầy giáo người Pháp đang ở trước mặt anh lần trong bao nhiêu hình ảnh những tên thực dân Pháp với hành động dã man, kinh tởm mà anh đã gặp lúc tuổi thơ ở quê nhà, ở trên dọc đường thiên lý anh đi qua, ở tại kinh đô Huế.

Ông giáo người Pháp chuyển giọng nói vui vẻ:

- Trong lớp học khóa này có những cặp học trò là hai anh em ruột thì cũng có trường hợp ba anh em ruột cùng làm thầy giáo. Đó là thầy Hăng-ri Lơ Bơ-rít (Henri Le Bris), thầy Ô-gien Lơ Bơ-rít (Eugène Le Bris) và cô giáo Y-von Lơ Bơ-rít (Yvonne Le Bris). Các trò còn có thể được học với thầy Lơ Bơ-rít Gơ-ri-phông (Le Bris Griffon), thầy Quai-nhắc (Queignac), thầy Lơ Bơ-rơ-tông (Le Breton). Nhưng các thầy thích được gọi bằng cái tên An Nam như là Lê Bá Tôn (Le Baston) - ông giáo Pháp cười khà khà. - Và thầy đây, - ông ta chỉ tay vào ngực mình - thầy đây cũng rất thích được gọi tên An Nam: Ngô Đắc Mân, tức là No-đơ-măng (Nordeman). - Ông ta cười càng giòn hơn và giọng nói lại chuyển sang nghiêm trang: - Các trò còn có thể được học với các thầy người An Nam danh tiếng như thầy Lê Văn Miến, đã từng sang du học tại Pháp. Thầy Miến chẳng những là một sinh viên xuất sắc ở một trường lớn tại Pa-ri mà còn là một sinh viên giỏi, có tài của

trường Mỹ thuật Pa-ri nữa. Rồi thầy Hoàng Thông, thầy Hồ Đắc Khải, thầy Nguyễn Đình Hòe... Thầy Hòe có biệt tài dịch thơ ngụ ngôn La Phong-ten (La Fontaine). Và nhiều thầy nổi danh khác nữa, các trò học lần lần sẽ biết...

Khi kết thúc buổi khai trường, ông giáo No-đơ-măng nói đồng dạy trước lớp: “Trường Quốc học chữ Pháp nhằm mục đích đào tạo nhân tài có lòng trung thành tuyệt đối với nước Đại Pháp và có tinh thần phụng sự cho công cuộc khai hóa của người Pháp...”

Từ “Thiên đường trường học” bước ra, Nguyễn Tất Thành lòng buồn man mác, anh gicò từng bước trên cái “đòn gánh” gánh hai bờ sông Hương...

16

Trời nhá nhem tối. Trong nhà đã tỏ ánh đèn, đĩa dầu hai bắc le lói tỏa sáng. Phảng phất mùi hương và hoa huệ. Mâm cơm cúng xong đặt dưới bộ phản kê sát phía trước bàn thờ. Quan phó bâng Huy ngồi tựa lưng vào mép bàn thờ và bát đầu nâng ly rượu lên:

- Đat, vào ăn cơm, con! Bữa nay giỗ mẹ các con, cha cho phép con uống chén rượu cho ấm bụng.

- Con mời cha. Con đợi em Thành lên, cha ạ.

- Anh mời rượu với cha, - Thành nói với từ dưới

bếp - em lên ngay mà. Nước sắp sôi rồi, anh cả ạ.

Thành đặt ấm giở nước lên bàn. Mùi chè mạn sen thơm quyện với hương hoa huệ gợi hương vị thanh khiết khắp nhà.

Ba cha con quan phó bâng ngời quanh mâm cơm thành thế chân kiềng trên phản. Gió se se lạnh lướt qua rèm rót cái giá rét vào nhà. Một tiếng “c hèm” ngoài sân.

- Có người... cha ạ! - Thành ngừng tay đưa nói.

Ông phó bâng Huy đặt bát cơm xuống mâm:

- Thành ra coi ai ở ngoài nớ con!

Thành cầm đèn, bàn tay trái khum lại che gió. Đạt giúp em nâng cánh rèm lên. Bóng người từ giữa sân tối bước vào, lên tiếng:

- A! Cháu Thành! Cha cháu có nhà chứ?

Thành nâng tay đèn quá đầu ngó ra:

- Ô! Chú... chú Đặng... Chú... Đặng Thái Thân!

- Nói nhỏ thôi cháu. - Ông Đặng Thái Thân nhắc Thành.

Hai người bước vào nhà. Ông phó bâng Huy đã đứng dậy đợi khách. Đạt đứng bên cha. Chủ khách chào nhau tíu tít. Ông phó bâng chân thành mời:

- Tiện bữa, mời tiên sinh ngồi vào uống với cha con tôi chén rượu lạt. Hôm nay là ngày giỗ mẹ của các cháu.

- Thưa quan bác, tôi đã cơm nước ở nhà một chiến hữu (bạn chiến đấu). Xin mời quan bác và hai cháu cứ việc ẩm thực (ăn uống) tự nhiên. Còn tôi nhân được hạnh ngộ (gặp gỡ may mắn) ngày

giỗ của bác gái thì xin được cùng quan bác và hai cháu uống chén rượu lấy khước ạ.

Bữa cơm tối xong, Đạt và Thành thu mâm bát xuống bếp. Trong lúc hai anh em chia nhau rửa bát, quét dọn thì quan phó bảng Huy cùng ông Đặng Thái Thân uống chè bàn luận... Ông Thân đọc cho quan phó bảng nghe một số bài thơ của Phan Bội Châu vừa gửi về nước.

Đặng Thái Thân giọng thận trọng:

- Phan tiên sinh lại vừa cử đồng chí về nước tiếp tục đón người sang Nhật. Phan tiên sinh có dặn tôi chú trọng yết kiến quan bác và xin cho cháu Nguyễn Tất Thành xuất dương. Chỗ tôi biết, Phan tiên sinh và thúc phụ tôi (chú ruột - Đặng Tử Kính) đã lưu tâm về cậu ấm Côn từ hồi còn học với thầy Vương Thúc Quý... Một thiên tư hiếm có.

- Đa tạ lòng ái mộ cháu Tất Thành của chư huynh. Vốn dĩ tôi không ép buộc các con làm một việc gì theo ý mình mà lại trái với lòng con. Trừ phi các cháu làm điều càn rỡ thì tôi buộc phải ngăn cấm. Giờ đây, cháu Thành đã ở tuổi lý tính. Mà việc xuất ngoại là để rồi mưu nghiệp lớn, cứu nước cứu nòi. Rất trọng đại. Tôi hoàn toàn để tự ý cháu lựa chọn.

Hai người ngồi trầm ngâm, khói hương trầm mỏng nhẹ như làn mây nhỏ lan toả trong nhà. Một lát sau, tiếng ông phó bảng thủng thỉnh:

- Thành... đâu?

- Dạ. Thưa cha con đang dờ tay làm món ăn

sáng mai để cha ở nhà tiếp chú, vì mai anh em con có giờ học sớm ạ.

- Con để anh Đạt làm cho. - Ông giục: - Lên đây ngay con!

Thành đứng lễ phép trước cha và ông Đặng Thái Thân.

- Cho phép con ngồi xuống gần chú Đặng. - Ông phó bâng lại nhìn về phía ông Đặng Thái Thân: - Để cháu nó được tự nhiên, thư thái hầu chuyện hiền huynh, tôi vô phía trong sửa soạn mấy việc cho ngày mai. Tôi với hiền huynh sẽ còn dạ đàm (bàn luận trong ban đêm) suốt sáng mà...

Ông phó bâng đi khuất vào sau cửa. Đặng Thái Thân một tay chống cằm, một tay vừa vẽ vẽ trên mặt bàn, nói giọng Nghi Lộc, chậm rãi, nhỏ nhẹ:

- Chú nghe tin cháu học giỏi, chú mừng lắm.

- Cháu còn phải cố gắng nhiều chứ các bạn cháu có bạn giỏi tuyệt trần, chú ạ.

- Nghe chị Thanh nói đã gửi thư cho cháu?

- Dạ.

- Cháu tuy chưa tới tuổi thành niên mà đã sớm có tâm huyết. Cháu lại là một thiếu niên tuấn tú, thiên tư. Lĩnh ý ông giải San, chú muốn bàn việc gửi cháu sang Nhật học. Hiện đã có một số thanh niên đang học ở bên đó. Nước Nhật ngày nay tân tiến và hùng mạnh lắm. Người Nhật họ đã hứa sẵn sàng giúp Việt Nam mình đánh đuổi giặc Tây dương...

Thành hơi cúi, một mảng tóc đỏ xuống che gần



hết nửa vầng trán và đuôi con mắt bên trái, đường ngói rẽ bên phải mới hình thành rõ nét ngay thẳng. Giọng nói của Thành hơi rung rung:

- Chú... ời! Cháu hãy còn ở cái tuổi trẻ thơ mà các chú đã tin, đã định giao phó cho cháu công việc tối hệ trọng!

- Trong lịch sử nước nhà, ta thường thấy: Mỗi khi Tổ quốc thẳm trầm thì xuất hiện vô số những tấm gương tuổi nhỏ chí lớn. Cháu ạ! Tổ quốc gọi mọi người con mang dòng máu đỏ, sắc da vàng: Cứu Nước! Cứu Nước! Hãy cứu Nước!

Nguyễn Tất Thành nhón hai bàn chân lên. Anh muốn đứng bật dậy. Mắt anh rơm rớm ướt.

- Chú! Chú ời! Cháu đang như con chim chưa đủ lông cánh. Trời đang bão lớn, bay hướng nào đây?

- Ông giải San đã chỉ cho chúng ta hướng đi tới: nước Nhật hùng cường.

- Tại sao mưu việc đánh giặc Tây mà lại trông vào nước Nhật, thưa chú?

- Nước Nhật vừa đánh bại nước Nga sa hoàng. Nhật đã trở thành một cường quốc hùng mạnh nhất châu Á. Các đế quốc châu Âu không dám nhòm ngó tới dải đất Phù Tang, cháu ạ. Và ta với Nhật là hai nước ở gần nhau, cùng giống da vàng. họ sẽ hết lòng giúp ta đánh đuổi quân bạch quỷ.

- Cháu xin phép chú được nói ra sự cặn nghĩ của cháu.

- Cháu cứ mạnh dạn. - Đặng Thái Thân vỗ cời mớ.

- Cháu nghĩ rằng: nước ta và nước Tàu ở gần nhau như hai nhà liền vách, chung sân, lại cùng giống da vàng, viết chung một thứ chữ Hán. Vậy mà nước Tàu đã bao phen thống trị nước ta, mưu toan diệt nòi người Nam. Rồi - Tất Thành nói thấp giọng - ngay cả Nhật cũng đã chiếm nước Cao Ly (Triều Tiên) làm thuộc địa. Vậy thì người Nhật họ thương gì người Nam ta! Không khéo ta lại đi làm cái chuyện: đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau? (Đặng Thái Thân hơi bối rối) - Nguyễn Tất Thành vẫn thủ thỉ nói: - Mới rồi, có hai nhà ở gần nhà cháu, cùng chung một ngõ đi ra. Vậy mà nhà nọ lợi dụng đêm mưa to đã đào ngạch chui vô buồng nhà kia lấy trộm của. Vậy thì sự thương nhau, giúp đỡ nhau... không thể căn cứ vào lý do địa lý hay màu da được đâu, chú ơi!

Ông Đặng Thái Thân hai mắt chớp chớp liên liên, ngón tay trở vẽ những vạch dài, những đường nét rối mù trên mặt bàn... Ông nói, giọng phân vân:

- Ồ! Ồ! Những điều cháu vừa nói với chú nó rất gần mà ít ai nghĩ đến. Cháu có cái nhìn xa hơn lớp cha anh. Nhưng cháu ơi, ta không dựa vào người Nhật chẳng lẽ lại dựa vào người Pháp để đánh đổ ngai vàng, xoá bỏ hệ thống vua quan, nói rộng dân quyền, chấn hưng kinh tế, nâng cao dân sinh, dân trí như Phan Tây Hồ (Phan Chu Trinh) chủ trương?

- Nói rộng dân quyền, mở mang kinh tế, nâng cao dân sinh, dân trí là mơ ước của mọi người từ bao đời nay. Nhưng dựa vào người Pháp để mà



thực hiện mơ ước ấy là điều phi lý, cháu nghĩ cũng chẳng khác gì “cầu quý sứ về khừ thần trùng”. Ai lại nhờ kẻ cỗi (cưỡi) cổ dân mình để giải thoát cho dân mình.

- Thế theo cháu...?

Nguyễn Tất Thành vò đầu:

- Thưa chú, tìm con đường cứu nước cứu dân là tối trọng. Phải thận trọng, phải nghĩ kỹ, tính đến nước đến cái. Bởi: “Nhất thất túc thành thiên cổ hận, tái hồi đầu thị bách niên thân”⁽¹⁾.

- Nghĩ, tìm phương cứu nước phải thận trọng như cháu nói là rất đúng. Nhưng, thời cơ đang thuận lợi cho ta là người Nhật họ đang có thiện cảm với ta, ta tranh thủ sự giúp đỡ của họ, cháu ạ.

- Thưa chú, sự hiểu biết của cháu còn ít, còn non nớt, vốn chữ học, đọc sách chưa được là bao, nhưng cháu trộm nghĩ: Tây dương hiện là cừu địch của dân ta, nước ta. Muốn đánh đuổi được kẻ địch ấy thì phải biết rõ chúng. Người xưa nói: Biết địch, biết ta, trăm trận trăm thắng. Cháu cho là việc sang Nhật để mưu sự đuổi Tây chưa chắc đã phải sách.

- Nói như cháu, rất có lý. Nhưng... nhưng lẽ nào chúng ta lại dựa vào Pháp mà biết Pháp dễ rồi diệt được giặc Pháp?

- Chú ơi! Cháu đã đọc truyện “Không gia đình”. Sách của người Pháp viết về những người Pháp nghèo khổ, sống vô gia cư, chết vô địa táng. Hiện giờ cháu đang lần mò đọc sách của ông

(1) Đại ý: Sai một bước, ốm hẳn suốt đời, lúc ngoảnh nhìn lại thì đã trăm tuổi mà mất rồi.

Mông-tét-xki-ơ (Montesquieu) và đọc sách của ông Rút-xô (Rousseau) mà các chú thường gọi là Mạnh Đức Tư Cưu và Lư Thoa. Quán sách ông Lừa ở bên cạnh trường Quốc học của cháu có rất nhiều loại sách tân tiến. Cháu thường thuê về đọc. Cháu đang tìm hiểu xã hội Pháp qua đường sách báo, chú ạ.

Ông Đặng Thái Thân mắt lấp lánh ánh sáng cảm động nhìn như soi lên đường ngời mới hình thành trên đầu Nguyễn Tất Thành. Ông chuyên nước trà nóng vào chén rồi bung chén trà ấm đặt vào bàn tay Tất Thành, giọng ân cần và tha thiết:

- Cháu uống với chú một chén trà để nhớ mãi cái đêm kỷ niệm này. Dù cháu không cùng đi một con đường với chú, nhưng chú vẫn tìm thấy ở cháu một đồng chí đồng tâm. Vì, chú cháu mình đều cùng một trái tim: Yêu nước.

Tất Thành ôm chặt bàn tay ông Đặng Thái Thân trong lòng hai bàn tay mình:

- Chú hiểu được cháu. Người hiểu được mình là thầy mình. Chú là bậc thầy của cháu. Cháu rất buồn nếu các cha chú coi thường lớp người trẻ là “nhóc con” hoặc “miệng còn hơi sữa mà bàn chuyện quốc gia”!

- Cháu Tất Thành! Chú phải đi ngay đêm nay. Chú không thể ở lại dạ đàm với cha cháu được. Cháu nói với cha cháu: thứ lỗi cho chú. Điều cuối cùng chú cháu mình hẹn nhau: Cứu Nước! Cứu Nước! Cứu Nước!

Nguyễn Tất Thành nâng tấm rèm lên. Ông Đặng Thái Thân lách người qua cửa lặn vào đêm tối mịt mù.



17

Mùa hè năm ấy, Thành thường rủ một số bạn học đi thăm lăng tẩm của các vua nhà Nguyễn, thăm ngàn thông núi Ngự, thăm các chùa Diệu Đế, Thúy Vân, Báo Quốc, Trúc Lâm, Tây Thiên, Thiên Mục, tháp Phước Duyên...

Hôm đến chùa Thiên Mục, ngồi bên tháp Phước Duyên soi bóng xuống dòng sông Hương. Vô Liêm Sơn thắc mắc:

- Chẳng biết có phật, có thần không mà ông cha mình dựng lên những chùa chiền, những đền đài cho tốn của, tốn công hề?

Một cuộc tranh luận khá sôi nổi kéo dài hồi lâu. Thành ngồi im lặng, mắt luôn luôn hướng lên ngọn tháp Phước Duyên cổ kính, vẻ khâm phục nghệ thuật kiến trúc của đầu thế kỷ mười bảy. Sơn “cù” Thành:

- Bữa nì ông Thành đi tu thực sự nên “mũ ni che tai”, không bình phẩm một lời mô với tội mình!

- Sơn bắt đúng mạch Thành... Đúng lắm... đúng lắm! - Cả đám bạn nhao nhao vừa nói vừa ôm cổ Thành lay lay: - Đi tu hả? Thành đi tu thiệt hả?

Thành cười tủm tỉm:

- Mình, mình vẫn chăm chú nghe những lời hùng biện của các bạn đó chứ.

- Nghe sao mà ngồi im?

- Mình không để tâm nhiều lắm đến việc có hay không có thần, phật. Mình mới cảm thấy: Nếu mặt đất này mà không có lấy một ngôi chùa, một tòa đền, một lầu đài, thành quách thì tâm hồn con người sẽ cần cỗi, nghèo nàn, sống không có kỷ niệm, không còn biết nhớ cội nhớ nguồn... Mình cho là có đền, có chùa, có phong tục thờ tự để hướng con người về cội thiện, ngăn chặn bớt tính ác của con người. Chính vì vậy mà con người cần phải có văn hóa.

Tan buổi viếng chùa Thiên Mục, Thành về nhà thấy cha ngồi một mình trước bình hương, khói hương tỏa dài qua đầu cha. Thành đi rón rén tới bên cha, anh ngồi xuống mé giường, giọng sùng sốt:

- Cha... ơ! Chẳng hay... có chuyện chi hệ trọng?

Ông Huy nâng bàn tay lên khoát con lui ra. Biết ý cha, Thành đứng lên, đi xuống nhà bếp tìm anh Đạt. Không thấy anh, Thành đi ra sau vườn, nơi hai anh em thường ngồi mát dưới bóng cây đọc truyện.

Đạt đang ngồi tựa lưng vào gốc cây hòe, tay cầm cuốn "Công ước xã hội" bằng tiếng Pháp, chăm chú đọc, lúc Thành đến gần mới biết:

- Về khi mô rứa, Thành?

- Em vừa mới về. - Thành ngồi xuống bên anh.

- Cha đang có chuyện chi buồn phiền dữ, em hỏi, cha nò nói chi cả?

- Cha ở Bộ về từ lúc giờ thìn và cha thấp nhang



ngồi lặng thinh. Anh chả dám hỏi han chi cả.

- Cha không ăn cơm trưa, anh?

- Không. Cha chỉ uống nước lã mai⁽¹⁾.

Hai anh em ngồi thần thờ nhìn về cổ thành. Nắng quái chiều hôm trắng nhợt vắt dài trên lầu Ngũ Phụng như một dải băng tang.

Bỗng tiếng trống ngũ liên nổi lên. Tiếng kèn Tây cũng lu loe từ các trại lính khố xanh, khố đỏ...

Tiếng vọi đồng run run kéo dài: "Hoàng triều có biến, nghiêm lệnh toàn thành: Thần dân ở tại nhà, không ai được ra đường từ giờ Dậu (độ 6 giờ chiều) qua giờ Thìn (độ 8 giờ sáng). Ai trái lệnh sẽ bị nghiêm trị..."

Thành chạy theo anh Đạt về nhà. Đạt thấy cha vẫn ngồi nguyên như cũ, không dám xáp gần cha. Anh đi thẳng vào bếp lo bữa ăn tối. Thành sà vào bên cha, hai tay anh ôm lấy đầu gối cha:

- Cha ơi! Cha ơi! Hoàng triều có biến! Cha có nghe vọi đồng gọi không, cha?

Quan thừa biện Huy giọng buồn buồn:

- Gọi anh con lên đây.

Hai anh em Thành ngồi cạnh cha. Quan thừa biện Huy nói, vẻ đau xót:

- Đức vua mưu việc đánh đổ ách thống trị của người Tây. Công việc đang tiến hành thì bị lộ. Đức vua đã bị hạ ngục.

Ba cha con cúi đầu trước dòng khói hương nghi

(1) Gỗ cây mai gia đun sôi để nguội

ngút.

- Phen nì người Pháp họ mượn cớ để xóa hẳn ngôi vua ở nước Nam mình mất, phải không cha?

- Đạt hỏi.

- Họ bỏ những ông vua cứng đầu, dám chống lại họ chứ chẳng bao giờ họ bỏ ngôi vua ở nước Nam mình, con ạ.

Thành ngáng đầu, nhìn cha, nói:

- Ra vậy, đức vua Thành Thái của chúng ta đầu phải...

- Lâu nay, cha thầm nghĩ: Thành Thái là một ông vua cam chịu sống hèn trên chiếc ngai vàng hư vị. Cha đã lầm nghĩ, các con ạ! - Giọng ông càng trở nên buồn ngủi: - Đức vua hằng ngày giả vờ lơ đãng với mọi việc trước đất trời này. Ngài giấu kín chí lớn của ngài bằng cách ham đọc sách Pháp, tập lái ô tô, lái thuyền máy. Đức vua còn cắt tóc ngắn làm gương cho cả hoàng tộc bỏ đụn tóc. Người Tây cũng đã sợ cả cái lý tưởng cấp tiến ấy của đức vua.

- Người Pháp truất phế đức vua về “cái tội” ấy, thừa cha? - Thành hỏi.

- Bọn Trương Như Cương đã tố cáo với lão khâm sứ là: Đức Thành Thái từ lâu bí mật liên lạc với những nhà hoạt động trong tổ chức Duy Tân Hội và đang tìm cách trốn sang Nhật...

Ba cha con ông Nguyễn Sinh Huy như ba pho tượng im lìm giữa đêm hè kinh thành Huế.

*

* *



Sáng ngày hai mươi một tháng sáu, năm Đinh Mùi (30-7-1907) dòng sông Hương như một khúc ruột quặn đau.

Mây của cơn giông từ đêm hôm trước đang tụ đọng từng khối đen đè nặng bầu trời kinh đô Huế!

Chim không bay về!

Hoa vườn Thượng uyển ủ rũ!

Mặt người dân kinh đô nặng trĩu căm hờn, ánh lên trong mắt niềm thương nhớ đức vua. Mỗi nhà một nhang án, hương nghi ngút, đặt trước sân, đầu ngõ, và mọi người quần áo chỉnh tề tiễn biệt đức vua Thành Thái!

Lệnh của tòa khâm: “Lính cấm trại, quan, viên chức túc trực tại triều”.

Quan thừa biện Nguyễn Sinh Huy mặc triều phục vào Bộ Lễ từ sáng tinh mơ. Trước lúc vào triều, ông đốt một nén hương vòng, đặt lên án thư ở giữa sân, vái năm vái.

Thành cùng với anh Đạt nhập vào đám đông dân chúng. Từ cửa Đông Ba qua các ngã đường quanh Hoàng thành, dân lập bàn thờ hai dãy san sát.

Trên các ngã đường đều có lính gác. Tại cửa Đông Ba, Thượng Tứ, Ngọ Môn, lính Tây lính ta đứng hai hàng. Tên Đờ La-xuyt chễm chệ trên lưng con ngựa chiến, ghìm cương cho ngựa đi nước xăm, dẫn đầu một đơn vị lính kỵ binh lướt qua lướt lại dọc đường thành...

Từ bên hữu ngạn sông Hương, tên khâm sứ Lé-véc-cơ ngồi trong chiếc xe hơi hình thù như con

bộ hung, qua cầu Thành Thái. Trên lầu Ngũ Phụng, tiếng vọi đồng cất lên: “Thần dân giữ trong nghiêm lệnh. Giờ đức vua lên đường biệt xứ bắt đầu”.

Mọi người đứng tại chỗ, cúi đầu xuống. Nguyễn Tất Thành đứng nghiêm trang nhìn lên phía Ngọ Môn. Lòng anh đau thắt. Bên tai anh những tiếng khóc nức nở. Nhiều cụ già quỳ thụp xuống hai bên đường. Anh nhìn thấp thoáng đức vua chân đi giày hờ gót, mặc thường phục. Theo sau đức vua là các quan cùng triều. Tên khâm sứ Lê-véc-cơ bước tới. Đức vua dừng bước. Tên sĩ quan cận vệ của hấn tiến đến bên vua. Hấn nói và hai tay làm điệu bộ - vì xa, Tất Thành không nghe tiếng tên khâm sứ nói những gì. Một tên sĩ quan cận vệ hai tay nâng ra trước mặt vua Thành Thái trang giấy khổ rộng và bút nghiên. Đức vua cầm ném xuống đất, chửi vào mặt tên Lê-véc-cơ rồi sải bước qua mặt nó, đi lên phía trước... Dân chúng chấp tay vái theo vua Thành Thái...

Cơn mưa chiều ập xuống kinh thành. Gió! Gió! Gió nổi từng cơn! Từng cơn gió xe mưa trong trời xa mù mịt!

Ba cha con quan thừa biện ngồi trong nhà nhìn mưa. Thành hỏi cha:

- Chúng con đứng đằng xa, chẳng rõ lão khâm sứ nói những gì mà đức vua đã không nén nổi giận?

- Họ đã làm theo lệnh ông toàn quyền Bô (Beau): mua chuộc và cưỡng ép đức vua phải



tuyên cáo với quốc dân về tội âm mưu chống lại nước Đại Pháp. Nếu đức vua chịu theo điều kiện ấy thì mới được trở lại nguyên vị. Nếu không thì bị đày đi biệt xứ qua bể châu Phi⁽¹⁾.

- Hừ! Người Pháp, người Pháp - Đạp kéo dài giọng - giờ cái trò bần tiện quá!

Thành hỏi thêm cha:

- Đức vua Thành Thái đã cự tuyệt cái điều kiện hèn hạ ấy mà lúc lên đường đi đày biệt xứ, lão khâm sứ vẫn còn đón đường ép đức vua thì thật là dơ, phải không cha?

- Cái kẻ ấy thâm độc lắm chứ con. Họ chọn lúc bắt đầu cất bước ra đi, mà là đi đày. Đó là lúc dễ mềm yếu nhất, dễ bỏ nhân cách cao thượng, tiết tháo, dễ chọn lấy sự sống an nhàn, chịu tiếng hèn hạ. Do đó viên khâm sứ đã viết sẵn lời tuyên cáo đưa cho đức vua ký. Đức vua đã nổi giận. Đức vua ném giấy bút xuống đất, mắt đức vua long lanh, ngài nói với thần dân:

Muôn dân nó lệ từng đàn,

Vui chi bệ ngọc ngai vàng riêng ta?

Hỡi ôi mất nước tan nhà,

Cừu thù quốc sĩ ấy là nợ chung.

Cơn mưa chiều kéo dài. Tiếng mưa âm vang như những tiếng nước nở của đất trời!

(1) Thực dân Pháp đã đưa vua Thành Thái vào giam tại Ô Cấp (Vũng Tàu). Mãi tới năm 1915 chúng mới bí mật đưa ông sang đảo Rê-uy-ni-ông (Réunion). Ngày 3-5-1916 chúng lại đày vua Duy Tân, con vua Thành Thái, sang một chỗ với cha.

Nỗi đau buồn về sự kiện vua bị đi đày chưa nguôi trong lòng thì Nguyễn Sinh Huy lại bị buộc thôi giữ chức thừa biện Bộ Lễ, bổ nhiệm tri huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định. Một số quan cận thần dưới triều vua Thành Thái cũng bị hạ. Một số khác đã xin từ quan.

Đang khi trần trở: đi Bình Khê làm quan hay đi dạy học, làm thuốc, thì phó bảng Nguyễn Sinh Huy nhận được thư của bạn, quan đốc học Đặng Nguyên Cẩn báo tin: Vương Thúc Quý trên đường xuất dương đã ngộ bệnh và từ trần ngày mùng 10 tháng 6 năm Đinh Mùi (19-7-1907).

Nhân lúc đang nghỉ hè, Nguyễn Tất Thành xin phép cha được về phúng viếng thầy Quý và thăm chị Thanh... Nhưng, ông phó bảng cho Nguyễn Tất Đạt, con trai trưởng, về quê làm phần việc hiếu nghĩa ấy.

Đạt lên đường về Nghệ An được mấy hôm thì ông phó bảng phải vào triều nhận lệnh đi Bình Khê. Trở về đến nhà, ông gọi ngay con:

- Thành! Đang làm gì đó con?

Thành đứng lên:

- Cha đã về! Con... mới mượn được bộ sách "Những kẻ khốn nạn"⁽¹⁾, con đã đọc, hay tuyệt cha ạ.

(1) Đúng ra phải dịch là "Những người khốn khổ" (tác phẩm của nhà văn hào Pháp Vích-to Huy-gô).



Quan phó bảng Huy cởi khăn áo treo trên móc, giọng ông chua chát:

- Những người khốn nạn! Khốn nạn! Con đọc được sách Tây, con có thật tin là ở bên Pháp còn nhiều người khốn nạn thật không?

- Qua những trang sách, con thấy ở bên Tây có vô số những người khốn nạn, cha ạ. Vẫn cái bát công “kẻ ăn không hết, người lân không ra”. Con người bị đầy đọa kinh khủng.

- Vậy mà họ lại bảo người Pháp có sứ mệnh sang đây khai hóa cho người nước Nam.

- Con dọn cơm, thưa cha.

- Cha chưa muốn ăn. Con đói thì ăn trước đi.

- Con cũng chưa thấy đói. Sáng nay chúng con đi tiễn bạn Diệp Văn Kỳ về Sài Gòn, bác Diệp Văn Cương đã dọn cỗ, toàn những món ăn Huế, ép chúng con ăn bằng được. Bác ấy bảo: “Mời các cháu cùng dự với gia đình bác một bữa cơm rất món ăn Huế để nhớ, vì chưa biết có dịp trở lại Huế một lần nào nữa không...”

- Cha... sớm mai cha cũng đi Bình Khê rồi con ạ.

Thành nhìn cha, vẻ bối rối:

- Mai... sớm mai cha đã...

- Cha không thể trì hoãn thêm nữa. Đi cho xong chuyện...

Hai cha con im lặng hồi lâu. Tất Thành đặt gió nước lên phản và rót mời cha. Quan phó bảng nâng chén nước, một làn hơi mỏng tỏa trước mặt, ông nói nhỏ:

- Mai con thức dậy sớm, ra chợ mua sắm một vài thứ làm mâm cơm đạm bạc, thấp hương tưởng nhớ mẹ con. Khoảng trưa trưa cha đi. Cha sang dò thăm một người bạn, hôm sau cha đi thẳng...

- Cha đi một chắc (một mình) rằng được cha?

- Cha đã dặn dò các con về việc học, việc nhà từ bữa trước. Một mình cha vô Bình Khê xem sao! - Tiếng ông nói hạ thấp dần: - Dân... Làm người dân là nguyện ước của cha...

*

* *

Bóng cây in xuống vuông sân như bông hoa đen xòe rộng cánh. Những con bò câu rĩa lông phơi nắng ở một góc sân. Mấy khóm hoa râm bụt lập lòe lửa đỏ bên bờ giậu xanh...

Quan phó bảng Nguyễn Sinh Huy mặc áo, đội khăn xong, với lấy cái ô treo ở xà nhà:

- Ta đi con!

Nguyễn Tất Thành nâng cái khăn gói bằng vải tây điều khoác vào vai. Anh nhìn cha với đôi mắt băn khoăn. Quan phó bảng quay nhìn bàn thờ vợ lần cuối. Làn khói hương vẫn bay lang thang khắp nhà tĩnh lặng. Ông hơi cúi đầu bước ra sân. Thành hạ thấp rèm cửa. Căn nhà kín mít im lìm. Đàn chim bồ câu rời khỏi góc sân chạy lúp xúp, bay là theo bện rịn bên chân cha con ông phó bảng. Ông dừng lại:

- Chim đòi ăn đó. Con vô lấy thóc cho chim ăn. Thành rã những nắm thóc xuống sân. Đàn



chìm xúm xít dưới bàn tay anh. Quan phó bâng giương cánh ô lên, bóng ô đổ dài, lúng liếng trên mặt sân.

Quan phó bâng đi trước. Thành mang khăn gói của cha đi sau. Hai cha con lặng lẽ bước về hướng sông Hương. Gần tới bến đò, Thành sải bước đi

gần bên cha:

- Con sang đồ với cha, cha nhá?

Quan phó bảng nhìn con:

- Một mình cha đi thôi.

Gió dưới sông càng thổi mạnh, cái ô như muốn tuột ra khỏi tay quan phó bảng. Tà áo, ống quần của hai cha con bay lùa cả về phía sau. Đôi chân Nguyễn Tất Thành sải dài chắc nịch rướn lên gió ngược.

Bến đồ rộng thênh thang. Mặt sông mênh mông. Khách đợi chờ đứng rải rác từng nhóm.

Hai cha con quan phó bảng dạo bước dọc ven sông. Thành nói, gió phả nhập nhòa giọng điệu:

- Như con đã thưa với cha hôm nọ, học hết niên khóa này con sẽ đi vô miền trong. Con bản khoán... lúc ấy con muốn tìm đến gặp cha thì...

Quan phó bảng chau mày. Chân ông bước hơi ngập ngừng, cái ô trên đầu ông chao đảo mạnh. Ông nói, giọng cứng rắn:

- Cha đã kính thư vào ông Hồ Tá Bang tổng lý⁽¹⁾ công ty Liên Thành. Nếu lập được trường học Dục Thanh tại Phan Thiết, có thể cha tới dạy chữ nho, con nhận một chân dạy chữ mới. Nhược bằng cha không đến đó, con càng phải cứng rắn tìm cho mình một hướng dung thân, nuôi chí lớn...

Quan phó bảng nét mặt tươi sáng, nhìn xuống sông, con đồ đang từ từ cập bến. Ông đặt bàn tay

(1) Sau này gọi là tổng giám đốc

lên vai con:

- Anh Đạt của con ở ngoài quê vào, con nói lại với anh con những điều cha dặn. Với con, cha mong đợi rất nhiều... Cha đi nhá.

Thành đưa hai tay nâng khăn gói trao cho cha. Ông Huy giờ cao cái ô. Chân ông bước xiêu xiêu, bóng đổ về phía sau và ngắn dần. Ông đi giữa đám hành khách chen chúc xuống đò. Thành thoảng ông ngoái đầu lại nhìn con...

Thành xòe bàn tay che nắng nhìn theo cha. Con đò rời bến, mũi con đò như lưỡi gươm chẻ ngang dòng sông loang loáng xanh. Cái ô quan phó bảng Nguyễn Sinh Huy như một cái nấm nhòa vào nắng quáng.

19

Nguyễn Tất Đạt từ Nghệ An trở vào Huế. Đạt bàng hoàng trước cảnh nhà: cha đã đi khỏi kinh đô Huế, em trai Nguyễn Tất Thành bị cảm sốt từ hôm tiền cha đi, nằm mê man. Những người bạn thân nhất của Thành là Diệp Văn Kỳ, Lê Thị Hạnh đã về Sài Gòn, Công tôn nữ Huệ Minh đã về nhà chồng, Thành nhờ có một số bạn học mới giúp thuốc thang và cháo lão... Tất Đạt chạy thầy, chạy thuốc tiếp cho em. Anh sang tận bên An Cựu mời thầy lang nổi tiếng về nuôi tại nhà trong những ngày em bệnh nặng. Khi được biết rõ bệnh nhân là con trai thứ quan phó bảng Nguyễn Sinh

Huy, thầy lang đã không lấy tiền bắt mạch kê đơn và cũng từ chối cả việc cơm nước.

Thành khỏi bệnh, hai anh em trả nhà cho chủ, đến ở trọ tại quán Ao Hồ (đường Mạc Đĩnh Chi bây giờ). Trường Quốc học có mặt học sinh mười hai tỉnh của xứ Trung Kỳ, nhưng học trò Nghệ Tĩnh, Quảng Nam là đông nhất. Do đó, có hai quán trọ dành riêng cho học trò xứ Nghệ và học trò xứ Quảng. Hai anh em Thành trọ chung một buồng hạng ít tiền nhất, tự giặt lấy quần áo, ăn cơm “bình dân”.

Thầy Lê Văn Miến ghé thăm nơi ăn, chỗ ở của học trò Nghệ, đồng hương với thầy. Thầy Miến băn khoăn nói với anh em Thành:

- ... Trước ngày quan phó bảng đi Bình Khê nhận chức tri huyện, thầy có bàn việc đón hai trò đến nhà thầy ở. Nhà thầy rộng, có nơi ngồi học riêng biệt. Thầy và các con thầy ăn chi các trò ăn nấy. Thầy không sống bằng cao lương mỹ vị. Nhưng nhìn bữa ăn của hai trò, thầy không cảm lòng nổi. Hai trò về nhà thầy ở. Nhà thầy có một khu vườn xanh, cả ngày không lúc nào vắng tiếng chim, có những chậu cảnh, các loại hoa quý. Thầy biết trò Thành yêu cảnh trí ấy và thích hội họa. Thầy sẽ dạy cho trò học thêm môn vẽ.

- Thừa thầy, - Thành lễ phép nói - con và anh con rất biết tấm lòng vàng của thầy. Và chúng con khi được ở bên thầy việc học của chúng con càng tiến tới. Nhưng thừa thầy, chúng con cũng muốn sống tự lực, để khi gặp phải cảnh ngộ nào chúng



con vẫn giữ được nếp nhà.

Thành nhìn bộ quần áo của thầy, giọng xúc động:

- Thầy là gương sáng về cốt cách người Nam để chúng con noi theo: thầy đã từng du học ở bên Tây, ăn cơm Tây, nói tiếng Tây, nhưng không hề thấy thầy đã bị trừ đi một phần nào cái cốt cách dân tộc. Nhưng chúng con thấy một số thầy người Nam mà cách nói, cử chỉ, ăn mặc lại hoàn toàn như người Tây. Trong khi đó có những thầy người Tây lại ra công học tiếng Việt Nam, mặc y phục Việt Nam, đặt tên Việt Nam và tập ăn các thứ mắm, ăn trầu thuốc nữa...

Thầy Lê Văn Miến cầm lấy bàn tay thon thon của Tất Thành, giọng ông nói âm áp:

- Tục ngữ có câu: “Đã khôn từ trứng khôn ra, đã dại đến già vẫn dại”. Tiền đồ của dân tộc phải trông đợi ở lớp người trẻ. Lớp người như thầy thật vô dụng...

Nguyễn Tất Thành hơi bối rối:

- Thưa thầy, không có lớp các thầy, những người như thầy, thì đâu có lớp chúng con!...

Hai thầy trò cùng nhau đi khoan thai tới quán sách cụ Lừa...

*

* *

Nguyễn Tất Thành ngồi trong lớp nhìn lên bảng đen:

Giờ học lịch sử cuộc cách mạng Pháp 1789.

Ông giáo người Pháp Gơ-ri-phông (Griffon) bước vào. Cả lớp đứng dậy đều râm rập. Ông ta

bước lên bục giảng, đưa mắt “điểm danh” từng dãy bàn. Ông nói giọng thổ: “Các trò ngồi xuống. Hôm nay chúng ta học phần: Nguyên nhân nổ ra cuộc cách mạng 1789”.

Giáo sư Gơ-ri-phông bước xuống bục, đi xuống đi lên giữa những dãy ghế học trò đang chăm chú chép bài. Tai nghe, tay chép lia lịa mà lòng Thành ngón ngang với bao vấn đề của bài học lịch sử:

“Nhà vua chỉ nhận tước phong của Thượng đế và chỉ có trách nhiệm trước Thượng đế. Quyền của nhà vua không có giới hạn. Nhà vua có toàn quyền đối với tính mệnh và tài sản của dân.

“Dân không có quyền mà có bốn phận vâng lệnh vua. Báo chí, sách vở không được in ra nếu chưa được kiểm duyệt. Nhà vua có quyền lấy tài sản của dân bằng mệnh lệnh tịch thu. Nhà vua muốn bắt giam người nào chỉ cần một tờ lệnh.

“Nhà vua sống trong cung điện ở Véc-xay (Versailles). Có từ một vạn bảy ngàn đến một vạn tám ngàn quần thần mà số phục dịch vua và vợ con vua là một ngàn người. Mỗi năm nhà vua tiêu tốn cho mình là 50 triệu bảng⁽¹⁾, chiếm một phần mười lợi tức nhà nước.

“Nước Pháp thời trước cuộc đại cách mạng 1789 có trên hai mươi sáu triệu dân, chia thành ba giai cấp: giáo hội, quý tộc, thứ dân. “Giáo hội là giai cấp đứng hàng đầu trong cả nước. Giai cấp

(1) Đồng bảng Anh chiếm vị trí chi phối tiền tệ trên thị trường châu Âu hồi bấy giờ.

này có độ một trăm ba mươi ngàn giáo sĩ được tổ chức thành một đoàn thể chặt chẽ. Nhà vua công nhận cho giáo hội quyền thu thuế, nhận mọi bổng lộc, có tòa án riêng. Giáo hội chiếm một phần mười diện tích ruộng đất trong toàn nước Pháp, có nhiều lâu đài, biệt thự cho thuê ở khắp các thành phố lớn.

“Giai cấp quý tộc được ưu đãi thứ hai sau giáo hội. Quý tộc gồm hai hạng: quý tộc dòng giống, thuộc dòng dõi chính thống; quý tộc hàm là hạng bỏ tiền mua từ những đời cha, ông trước.

“Quyền lợi của đám quý tộc: mặc sắc phục riêng, ngồi ở hàng danh dự lúc vào nhà thờ, nơi yến tiệc; miễn thuế quân đội trưng dụng nhà, hưởng đặc quyền trước pháp luật, chỉ bị xử trước quốc hội mà thôi. Quý tộc còn được các quyền: sử dụng đất đai, quyền thu thuế, quyền săn bắn, quyền xử án, bắt phu, ưu tiên qua cầu, đi đường.

“Giai cấp thứ dân gồm những người công chức nhỏ, sĩ quan cấp thấp, bác sĩ, kỹ sư, nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ, luật sư, thương gia, kỹ nghệ gia, thợ thuyền, dân cày”...

Chép xong bài, cả lớp đặt bút xuống bàn, tháo ống áo lót cánh tay viết ra, ngồi nghe thầy giảng. Thành nhìn chằm chằm ông giáo Gơ-ri-phông mà anh không nghe rõ thầy giáo nói những gì. Trước mắt anh là một nước Pháp có cụ Vi-ta-li nhân từ thương yêu đùm bọc bé Rê-mi. Có Giảng Van-giăng đau khổ mà độ lượng, trọng lời hứa, nuôi nấng Cô-dét suốt đời ông. Có những người mẹ như má Bắc-bơ-ranh, như Phăng-tin. Có gia đình

bác trồng hoa A-canh, ai cũng tốt bụng. Có anh sinh viên Ma-ri-uyét hăng hái cách mạng, có em thiếu niên Ga-vơ-rốt dũng cảm. Và nước Pháp đầy rẫy những tên mật thám Gia-ve, những thằng người như Đơ-rít-xcôn, Tê-nác-đi-ê nham hiểm, đều cáng⁽¹⁾.

Càng nghe thầy giảng, dòng suy nghĩ của anh càng dài. Những câu hỏi lớn nối tiếp hiện ra theo các nhân vật mà anh đã gặp trong những trang sách thuê đọc ở quán sách cụ Lừa. Lòng anh càng trần trở về một câu hỏi: Nước Pháp đã sinh ra được những nhà tư tưởng như Mông-tét-ki-ơ (Montesquieu), Rút-xô (Rousseau), Vôn-te (Voltaire) và Công-đoóc-xê (Condorcet)... Họ đã đề xướng ra Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Họ đã đấu tranh đòi quyền cơ bản của con người - Nhân quyền. Vậy mà ở đất nước Nam này lù lù cái ông Tây từ đâu đến chân lấm đầy máu của con người?

Thành chợt tỉnh, trước mặt vẫn là ông giáo người Tây Gơ-ri-phông đang thao thao bất tuyệt:

- Các trò về học thuộc bài. Học lịch sử là phải học thuộc tất cả những chi tiết trong từng sự kiện, từng thời đại, từng ông vua, vị tướng. Các trò phải noi gương trò Nguyễn Văn Thơ⁽²⁾, Hồ Đắc Ứng⁽³⁾ hiện học ở lớp trên các trò. Trò Thơ đã nhớ tất cả năm sinh, ngày chết của các vua, các tướng,

(1) Một số nhân vật trong tiểu thuyết Pháp: "Những người khốn khổ" của Vích-to Huy-gô và "Không gia đình" của Ec-to Ma-lô.

(2), (3) Nguyễn Văn Thơ, Hồ Đắc Ứng tốt nghiệp bằng thành chung Quốc học Huế năm 1909. Về sau Thơ làm tuần phủ Quảng Trị, Quảng Bình. Ứng làm tổng đốc Thanh Hóa.



các danh nhân người Pháp và các biến cố trên thế giới. Còn trò Hồ Đắc Ứng lại có bộ óc biệt tài, đã nhớ hết tên các con sông, các dãy núi của nước Pháp. Trò Ứng còn thuộc lâu lâu tên nước, tên thủ đô, thành phố lớn của các quốc gia trên khắp hoàn cầu...

Tan buổi học, cả lớp ủa ra sân. Thành nhìn quanh các phía không thấy anh Đạt. Thành bước dọc theo lối cỏ mịn, gương mặt anh trầm tư. Võ Liêm Sơn, Lê Đình Thám, Võ Chuẩn, Lê Thanh Cảnh ở phía sau chạy ủa lên cùng đi ngang hàng với Thành, cười đùa tíu tít...

Bất chợt Sơn hỏi Thành:

- Thầy Gơ-ri-phông đưa cậu ấm Thơ, cậu ấm Ứng lên tận mây xanh, Thành thấy sao?

Thành nhìn Chuẩn và Cảnh:

- Xin nhường để bạn Chuẩn và bạn Cảnh là hai “bộ máy nhớ” nhất lớp của chúng mình cho cảm tưởng trước.

Chuẩn mỉm cười. Cảnh ít tuổi nhất nhóm nhanh nhẩu nói:

- Học thuộc tên các vua, tên sông, tên núi, tên các kinh đô, thành phố lớn có khó chi. Thầy nêu gương hai người trên lớp đàn anh là meo của thầy để chúng ta phải học thuộc bài...

Thành mặt buồn buồn, lơ đãng:

- Các anh ấy đã học lên được lớp cao, thuộc lòng được nhiều pho sử ký, pho địa dư của nước Pháp. Biết nhiều càng quý, không sợ thừa. Tiếc là hai anh ấy lại quên mất lịch sử nước nhà, chẳng

nhớ nổi tên các con sông, các trái núi ở quê hương mình!

Lê Đình Thám nói:

- Có lần chính hai anh đến chơi ở nhà bác tôi. Ông bác họ tôi rất lấy sức nhớ sử sách ở bên Pháp của hai anh ra so bì với đám con cháu trong nhà. Bỗng anh Thơ thấy trên án thư cuốn sách “*Hồng Nghĩa giác tư y thư*” của Tuệ Tĩnh, liền hỏi:

- Sách thuốc của Tàu phải không thưa bác?

- Cháu coi lại tên tác giả và đọc lời tựa thì biết.

Bác tôi thấy anh Thơ lúng túng, lật giờ pho sách trên tay một lúc khá lâu mà vẫn chưa phân rõ được là sách ta hay sách Tàu. Thấy vậy, bác tôi phải dẫn giải rạch ròi:

- Tuệ Tĩnh là nhà đại danh y của nước ta. Ngài là người đầu tiên đặt nền móng y học Việt Nam với phương sách: “Thuốc Nam Việt chữa người Nam Việt”. Pho sách “*Hồng Nghĩa giác tư y thư*” của ngài có nghĩa là pho sách thuốc giác tư của vị danh y. *Hồng Nghĩa* tức là quê của Tuệ Tĩnh, làng Nghĩa Phú, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương. Còn chữ *giác tư* là gốc của câu: “dĩ tư đạo lý giác tư dân” nghĩa là lấy đạo lý này mà giác ngộ cho dân. Như vậy là nhà đại danh y Tuệ Tĩnh đặt tên sách với ý chỉ dẫn cho người làm thuốc nước mình một phương hướng trị bệnh cứu dân...

Thành và mấy bạn học cùng lớp vừa đi vừa say sưa nghe Thám kể chuyện. Đi quá lối rẽ về Ao Hô, Thành chia tay các bạn, trở về quán trọ.



Trong tâm trí anh vẫn sừng sững một câu hỏi: Những nhà cách mạng Pháp (1789) đã dấy động dân chúng Pháp đánh đổ bọn thống trị tàn bạo, đặc quyền đặc lợi, giải phóng con người, xác lập quyền cơ bản của con người mà quyền Tự do là trên hết, sao dân chúng Pháp vẫn còn “Những kẻ khốn nạn”, những kẻ “Không gia đình”? Anh tâm niệm: Điều cha mình nói chí phải: *Công bằng viễn lộ hà xứ thị?*

*

* *

Lá cờ Tây ba sắc ngạo nghễ trên nóc tòa khâm, phủ bóng đen xuống gương mặt kinh đô Huế u buồn. Những đoàn người quần áo nâu sồng và màu sắc thanh nhã, lũ lượt tay bưng lễ vật đồ về các chùa lớn, chùa nhỏ dự lễ Phật sinh. Trên các ngã đường của kinh thành, những thầy bói, thầy tướng số và người hành khất, người bán hoa sen, hoa huệ, hương vàng càng đông nườm nượp.

Trên đường về chùa hành lễ, người dân Huế vừa nói chuyện cúng bái, kinh kệ, vừa kháo nhau về chuyện sưu cao thuế nặng: thuế ruộng đang thu bằng thóc, mỗi mẫu quy ra tiền là bảy quan ba đã tăng lên mười quan, thuế thân (thuế đinh) từ hai hào tăng lên hai đồng bốn hào một người. Chính phủ “bảo hộ” và Nam triều còn ban hành hàng loạt các thứ thuế mới: thuế chợ, thuế đồ, thuế muối, thuế hàng chuyển, thuế hàng hóa... Lại còn cái nạn đi phu, đi lính, đôn người dân vào con

đường khôn quản, không còn lối sống.

Bà con nông dân huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam đã đứng lên rồi. Họ bao vây huyện đường đòi bỏ sưu, giảm thuế, bỏ lệnh bắt xâu... Họ còn kéo lên tận tòa công sứ Quảng Nam đòi quyền lợi, đòi thả những đại biểu của họ bị bắt giam. Cuộc đấu tranh đang ngày càng lan rộng như đám cháy rừng.

Nguyễn Tất Thành nghỉ học nhân ngày Phật sinh. Thành đi chùa xem lễ, anh nghe được nhiều tiếng kêu than của bà con đang sống trong tình cảnh bị “vạc thịt đẽo xương”...

Một sáng tháng tư năm 1908⁽¹⁾. Cũng như mọi sáng, Thành cắp sách đến trường. Thành ngỡ ngác: từng đoàn người chân đất, áo rách, nón mê, tay không tác sất từ Công Lương, An Hòa, An Cựu và Kim Lương, Bao Vinh kéo đến trước tòa khâm. Thành vội vàng đưa cặp sách cho anh:

- Anh đưa đi gửi để em chạy đi gọi một số bạn nữa đến thông ngôn giúp cho bà con...

Thành chạy về phía gần chợ Cống gặp Lê Thanh Cảnh, Nguyễn Hương Bính, Bửu Bành, Phan Văn Phúc. Thành vừa thở, vừa nói:

- Các bạn ơi... đồng bào đi xin xâu, chúng mình đi theo ủng hộ họ, thông ngôn giúp họ...

(1) Sách "Những mẫu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ", NXB Sư phạm xuất bản 1980, trang 53 ghi: tới 9 tháng 5. Theo sự nhớ của cụ Nguyễn Sinh Khiêm và sách " Lịch sử các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam" của Võ Nguyên, NXB Sư phạm xuất bản 1958, trang 62 ghi: Từ ngày 9 đến 13-4-1908.



Mau đi nào!

Cả lớp học trò chạy theo Tất Thành nhập vào dòng người như một con sông mùa nước lũ. Thành cầm cái nón lật ngược lên, nói lớn:

- Số người nghèo khổ như vành nón, số giàu sang quyền quý như chóp nón. Đồng bào ơi, chúng ta phải lật ngược cái tình trạng hiện tại...

Tất Thành và cả nhóm học sinh Quốc học đi trong đội ngũ những người đấu tranh đòi quyền sống. Họ vừa đi vừa reo, hô: “Bỏ sưu, giảm thuế, chấm dứt bắt xâu!...” Một số người trong đám biểu tình cầm kéo, cầm lược nhìn những thanh niên trai tráng và các ông ở tuổi trung niên, ai để tóc búi đùm cử hành liền bị họ kéo vào vệ đường húi ngắn tóc kiểu mai cua. Đồng bào gọi là “cúp tóc Duy Tân”. Thành với nhóm bạn học cùng trường chạy lên phía trước, đã thấy Sơn, Thám cùng với anh Đạt đang đi trong dòng người. Phan Khải đang đứng trong ngõ, khuất sau dãy bờ xanh xén bằng bàn, lấp ló nhìn ra dòng người đi cuồn cuộn... Tất Thành chạy rẽ vào ngõ, gọi:

- Anh Khải! Sao anh...? Anh mà không ra giúp đồng bào đòi bỏ xâu, giảm thuế à?

- Từ nãy giờ mình chưa rõ họ làm cái chuyện chi đây?

- Họ đòi được có quyền sống! Anh là cháu ngoại quan tổng đốc Hoàng Diệu mà đứng ngoài nhìn thế cuộc à?

Phan Khải mạnh dạn hơn, bước sải chân qua hàng rào, nhập vào dòng người chân đất, đầu trần,

thẳng bước...

Những dòng người đã tụ hội trước tòa khâm, nối dài ra tận cầu Tràng Tiền, nghẽn cả lối đi. Lính khố xanh dàn hàng rào trước bể người. Tên khâm sứ tránh mặt. Tên Đơ La-xuyt ngồi trên yên ngựa chiến đốc thúc quân lính cố đẩy lùi làn sóng người đang ập tới. Thành và nhóm học sinh Quốc học đứng ở hàng đầu của đám biểu tình nhìn rõ mặt tên thực dân. Hồi năm ngoái hẳn điều ngựa trước hàng rào lính trong buổi sáng bắt vua Thành Thái đi đây. Tim anh đau nhói. Anh và các bạn dùng tiếng Pháp cùng hô lên những điều đồng bào đòi: bỏ sưu, giảm thuế, cần tự do, cần cơm áo, cần sống yên ổn trên quê hương xứ sở.

Đơ La-xuyt ghìm cương, con ngựa chồm hai vó trước lên hí dài theo tiếng gầm của chủ nó... Cả đám lính giơ gậy tre quật túi bụi xuống đám học sinh Quốc học. Tức nước vỡ bờ! Cả một khối lực lượng quần chúng như ngọn sóng thần ập xuống quân thù...

Đám lính khố xanh chạy dạt dùa tẩu tán. Tên Đơ La-xuyt thúc ngựa quay vào. Lập tức giám binh gọi lính Tây, lính khố đỏ từ đồn Mang Cá lên.

Súng nổ! Đạn xẹt qua đầu. Người người tán loạn... Súng nổ ran kinh thành. Người dân Huế ngã xuống!

Tất Thành và các bạn anh chạy về phía trường Quốc học. Anh vẫn nghe tiếng: “Đồng bào tiếp tục kéo vô thành! Chết đạn còn hơn sống kiếp

ngựa trâu. Tiến vô, đông bào ơi!”.

Giữa biển người ào ạt, Thành thấy một người trạc tuổi anh ôm đầu máu chạy được một đoạn rồi ngã gục xuống vệ đường. Chẳng kịp suy tính, Thành cởi ngay áo ra, xé, lau máu trên mặt cho nạn nhân. Một vết thương dài quá ngón tay trên góc trán bên trái. Thành lấy manh áo của mình băng bó lại. Một số bà con đã xúm lại. Sơn cũng vừa chạy tới. Thành giục luôn:

- Sơn khiêng một tay anh ấy vô nhà gần đây gửi tạm...

Nạn nhân mở choàng mắt nhìn Thành. Anh ta lại nhắm nghiền mắt, lịm đi. Vừa lúc đó có người chạy tới:

- Người làng tui đó. Đội ơn các cậu đã cứu nạn cứu khổ cho anh nớ... Cứu một người phúc đặng hà sa!...

Thành và Sơn chạy về tới quán cù Lừa. Đạt và một số khá đông học sinh các lớp đang bàn tán... Thấy em đã trở lại, Đạt vừa mừng vừa lo lắng, nói:

- Thành à! Cò Tây chúng nó đã nhận ra em đi hàng đầu cùng đám học trò đi hô hào “cúp tóc Duy Tân”, làm reo, nổi loạn. Bọn lính tập, cò Tây vừa đến quán trọ Ao Hồ đón bắt em đó!

Thành nhú mồm mỉm cười.

- Cò Tây, lính tập cũng đã mò tới cổng trường nữa. - Một học sinh năm thứ ba trung học nói.

Những cặp mắt học trò nhìn nhau ngơ ngác... Hoàng hôn buông xuống kinh thành. Gió hú dài trên sông Hương hun hút.

Cuộc nổi dậy của người Thừa Thiên - Huế kéo dài đến ngày thứ tư thì bị dập tắt.

Nguyễn Tất Thành bị cảnh sát săn đuổi. Anh phải sống ẩn náu trong nhà một vài bạn học mà cảnh sát và nhà trường không để ý tới. Thành được anh Đạt và một số bạn hàng ngày đem cho những tin tức mới ở trường: Tòa khâm sứ cho người sang trường Quốc học khiển trách về vụ học sinh đã tham gia biểu tình chống “nhà nước bảo hộ”. Tòa khâm còn ban bố lệnh: “Những trò nào chỉ là a tòng, vì bị rủ rê mà nhập đoàn nhập ngũ đi reo thì phải làm giấy tự thú với hiệu trưởng mới được học tiếp. Những trò nào đứng ra hô hào dân chúng và học trò tham gia bạo loạn thì phải đuổi khỏi trường ngay”.

Thầy Lê Văn Miến và một số thầy người Việt phản đối việc đuổi và bắt học trò làm giấy đầu thú. Viên khâm sứ nguyên có biết thầy Miến tại Pa-ri, đã nhiều lần mời thầy sang tòa khâm chơi, nhưng thầy từ chối. Thậm chí mỗi lần y đến trường Quốc học, cố ý để gặp thầy Lê Văn Miến, ông đều tránh mặt y. Lần này, để lấy lòng thầy Miến, y đã “miễn tội” cho những học sinh tham gia vụ biểu tình chống bắt phu giảm sưu thuế của bà con nông dân Thừa Thiên - Huế. Nhưng, Nguyễn Tất Thành vẫn phải làm “tờ thú” nộp cho hiệu trưởng và đi theo hiệu trưởng đến tòa khâm



để cam đoan từ nay về sau không được làm việc gì gây tổn hại đến “sự nghiệp của nhà nước bảo hộ”.

Đạt đưa thầy Lê Văn Miến đến gặp Thành. Thầy Miến chân thành nói:

- Trước ngày đi Bình Khê nhận chức, quan phó bảng có dặn thầy: “... hãy vì tình bằng hữu giúp tôi trong việc chăm sóc các cháu Đạt, cháu Thành, đặc biệt là cháu Thành học tới thành chung”. Nếu quan phó bảng không gửi gắm thì thầy vẫn làm phận sự ấy với hai trò. Thầy rất quý cái tâm, cái chí sáng của trò. Thầy muốn trò chịu nhần nhục để học cho tới bằng thành chung rồi trò sẽ tự quyết con đường sống của mình...

- Thưa thầy, - Thành nói từ tốn - con không lỗi đạo thầy trò. Vừa qua, con hành động đúng. Con đã có năm ba chữ, biết suy nghĩ, con sang tuổi mười tám rồi, con không thể thờ ơ trước việc đồng bào mình bị chà đạp, phải đứng dậy đòi được quyền sống. Con biết ơn thầy muốn giúp con được tiếp tục học đến đâu đến đâu ở cái trường này. Nhưng, thưa thầy, con cam chịu bị đuổi ra khỏi trường chứ không thể tự trói mình nộp mạng cho tòa khám!

- Thưa thầy, - Đạt nói - vừa rồi Công tôn nữ Huệ Minh gặp con cho biết: mẹ đã gặp vợ ông khám sứ, nhờ xin cho Thành được trở lại tiếp tục học, do vậy mà tòa khám mới có cái “đặc ân” gửi sang trường...

- À! - Thầy giáo Miến hơi cúi xuống, vẻ ngạc

nhiên. - Thì ra đằng sau cái việc tòa khâm cho trò Nguyễn Tất Thành được trở lại trường học còn có...

- Thưa thầy, - giọng Thành đánh lại - lão khâm sứ đã dám chĩa bản “đầu thú” viết sẵn ra trước mặt đức vua Thành Thái giữa lúc vua bước ra khỏi hoàng cung lên đường đi đày. Đức vua đã ném cái tờ giấy nhục nhã ấy xuống đất, ngẩng cao đầu: “Muôn dân nô lệ từng đàn, vui chi bệ ngọc ngai vàng riêng ta?...”. Thưa thầy, vua ung dung đi đày, không quay trở lại ngồi trên ngai vàng nô lệ. Cái ghế học trò! Con yêu nó như yêu cái thêm nhà in dấu vết con tập bò, tập đi. Nhưng con không thể chịu nhục ôm cái ghế để có mảnh bằng thành chung. Thầy hiểu cho lòng con...

- Tất Thành! Con đừng nói thêm một lời nào nữa! - Thầy Lê Văn Miến hai bàn tay bụng lấy mặt nói. - Con hãy đi... đi theo tiếng gọi của lòng con... Thầy và vị thân sinh của con...

Thầy giáo Lê Văn Miến ghen ngào nuốt trở vào những lời ông chưa kịp nói ra. Ông từ biệt Nguyễn Tất Thành, người học trò đã để lại trong tâm trí ông cái ấn tượng như con số 1 đứng ở đầu hàng số dài vô tận...

*

* *

Thầy giáo Miến đi rồi, Thành càng băng khuâng về lời thầy nói lúc đầu: “Thầy đã ở tại thủ



đô nước Pháp. Quả là một cường quốc bậc nhất hoàn cầu. Nước Việt Nam là hàng nhược tiểu, thua kém họ nhiều lắm. Các bậc tiền nhân, các nhà có khoa bảng đã dám đứng ra chống người Pháp, rất đáng kính phục, nhưng chỉ là lấy gậy chọc trời. Rốt cuộc, hết thất bại này đến thất bại khác. Lớp người tai mắt như Trần Cao Vân, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Nguyễn Hàm, Nguyễn Thành, Nguyễn Văn Ngôn, Đặng Văn Bá, Lê Văn Huân, Phạm Văn Ngôn... đều bị gông cùm đầy đi biệt xứ. Quan nghè Trần Quý Cáp bị chặt đầu, mất xác. Phan Bội Châu và những đồng chí của ông hiện đang sống lênh đênh, phiêu bạt trên đất Phù Tang, đất Tàu..."

Tất Thành băn khoăn: ông Phan Bội Châu coi Nhật là cường quốc của châu Á, chọn Nhật làm chỗ dựa để đuổi người Pháp, giành độc lập cho nước nhà. Nhưng nghe nói Nhật đang bắt đầu trở mặt với ông Phan, thân thiện với Pháp. Thầy giáo Lê Văn Miến đi Pháp về, thấy Pháp là nước hùng mạnh, thấy nước nhà nhỏ yếu, tuyệt vọng. Thầy đã coi việc ta mất nước cho Pháp gần như một định luật, không còn phương cứu nữa...

Đặt đi tiễn thầy Miến rồi về quán trọ Ao Hồ, lúc trở lại vẫn thấy Thành ngồi trầm ngâm như pho tượng, anh an ủi em:

- Nếu không còn ở lại Huế nổi thì em vô Bình Khê với cha, hoặc em về Nghệ An với chị Thanh. Em nghĩ ngợi nhiều có ích gì?

- Không nghĩ sao được anh? Bao nhiêu người tai mắt của đất nước lần lượt bị giết, bị hạ ngục, hoặc đày đi Côn Lôn, Lao Bảo... Còn nữa thì lại nuốt hận, coi việc nước mình mất cho Pháp là điều không tránh khỏi.

- Thầy Miến nói cũng có phần nào đúng chứ em!

- Anh biểu có phần đúng là những phần nào?

- Chúng mình đi đến đâu cũng thấy người Pháp họ đều nắm quyền cai trị, cai trị từ vua cai trị xuống. Chúng mình học, đọc sách, thấy nước Pháp họ văn minh, thứ gì họ cũng hơn hẳn nước mình. Nước lớn ức hiếp nước bé, kẻ mạnh bắt nạt người yếu, thời nào cũng vẫn có chuyện đó, em ạ.

- Điều anh nói đó là hoàn toàn đúng. Nhưng, em thấy, nếu cuộc đời chỉ quay có một chiều: lớn thắng bé, mạnh được yếu, thì nhân loại từ xưa tới nay chỉ có lăn theo cái trật tự ấy. Trái lại, dân tộc ta nhỏ mà đã thắng nhà Hán, thắng nhà Tống, thắng nhà Nguyên, thắng nhà Minh, thắng nhà Thanh. Tổ tiên đã dám đánh thắng kẻ thù dân tộc lớn mạnh hơn mình gấp bao nhiêu lần, lẽ nào ngày nay lại không có ai dám đương đầu với quân Pháp cường bạo?

Đặt ngời lạng nhìn hai bàn chân em luôn luôn xé dịch trên nền nhà. Anh hỏi em một cách đột ngột:

- Em định thế nào?

- Em rời khỏi Huế ngay hôm nay.

- Em đi đâu?



- Em đi lần vô miền trong.
- Để làm gì?
- Em còn muốn đi xa nữa. Đi để biết, để học, để rồi làm được một việc gì có ích cho dân mình, nước mình...
- Em đã nghĩ kỹ chưa?
- Từ lâu em đã tìm, đã lựa chọn cho mình một hướng đi, anh ạ.
- Em đã quyết thì hành. Anh học hết niên khóa này, anh cũng sẽ chọn một hướng sống hợp với mình...

Hai anh em nhìn nhau. Mắt ướn! Ngoài vườn khuya, tiếng chim rời rạc vọng vào như từng giọt lệ rơi: quốc... quốc...

21

Nắng. Một thứ nắng như từ biển dâng lên, tràn đầy.

Gió. Một loại gió nóng từ bên kia Trường Sơn tràn xuống, dữ dội.

Nóng. Cái nóng như lửa bốc vây hãm cả bốn phía kinh đô. Mặt trời như một cái vung lửa úp xuống Huế. Huế ngột ngạt!

Nguyễn Tất Thành sải bước trên đường phố nóng ran. Những chiếc lá rơi, gió cuốn trên đường thăm thẳm. Anh thấy bầu trời Huế... mặt đất Huế... thành quách... cung điện... đèn đài Huế quay tít trong đám lá bụi mịt mù. Anh cũng cảm

thấy mình đang như một chiếc lá rời khỏi cành cây bay trong gió cuốn.

Thành rời khỏi Huế, anh đi theo một nhóm người Quảng Ngãi ra bán kẹo mạch nha và mua kẹo mè xừng đưa về Quảng Ngãi bán. Nhóm lái kẹo này có chiếc xe ngựa. Thùng xe rộng, có ngăn chở hàng, ngăn để đồ nấu ăn, đựng lương thực dự trữ đi đường dài, và có bốn năm chỗ nằm. Họ đi buôn đường xa, qua nhiều núi đèo hiểm trở nên có cả khí giới chống cướp đường, chống hổ báo. Thành bắt quen được nhóm lái kẹo từ năm trước, họ chở kẹo mạch nha ra Huế bị đồn thuế Đông Ba ức hiếp, tịch thu kẹo của họ. Họ nhờ nhà trọ Đông Ba tìm giúp người làm đơn kiện bọn đồn thuế. Thường ngày Thành đi chợ mua gạo, mua thức ăn. Bà chủ nhà trọ Đông Ba thấy một cậu con trai khôi ngô mà phải đi chợ, làm bếp, bà để ý tìm hiểu, đã biết được Thành là con trai quan thừa biện Bộ Lễ Nguyễn Sinh Huy, sống cảnh “gà trống nuôi con”. Do vậy bà chủ nhà trọ Đông Ba đã nhờ anh làm đơn giúp cho nhóm lái kẹo mạch nha. Hôm công việc xong xuôi, nhóm lái kẹo đã biện một cái lễ nhờ bà chủ trọ đưa đến nhà Thành để tạ. Thành đã từ chối. Họ nài nỉ mãi, anh đành lấy một bát kẹo mạch nha và một ít đường phèn. Đức tính cao thượng ấy của anh đã in sâu trong tình cảm nhóm lái kẹo mạch nha. Lúc anh ngỏ lời xin được đi nhờ vào miền trong, họ đón mời anh với một niềm vui “được dịp trả nghĩa cũ”.

Con đường từ Huế vào xứ Quảng như một sợi



dây vắt vẻo qua những núi non khuất khúc, điệp điệp trùng trùng. Con ngựa ô bồm đen mượt, đuôi dài phũ phê, dáng thon thon kéo cỗ xe chạy xăm xăm theo tay cương của người xà ích. Thành được nhường một chỗ ngồi thoải mái nhất. Anh có thể nhìn xa lên phía trước, nhìn sang bên đường qua ô cửa sổ nhỏ. Lúc nào mỏi, anh có thể nằm duỗi thoải mái ngang lòng thùng xe. Anh không dám ngồi ở vị trí tốt này. Nhưng cả ba ông lái mạch nha đều nhường:

- Cậu ấm đi vô xứ Quảng lần đầu, cần ngồi chỗ nớ mới dễ nhìn được phong cảnh sơn thủy hữu tình.

Ông xà ích vui vẻ giới thiệu:

- Từ đây vô Quảng Nghĩa⁽¹⁾ có nhiều cảnh đẹp. Chỉ tính đến Cửa Hàn cũng đã có cảnh đẹp Lăng Cô, đèo Hải Vân, bến Nam Ô... Cậu ấm đã có chữ trong mắt thì nhìn cái đẹp một hóa đẹp hai, đẹp ba bốn lần.

Thành tránh lời đề cao về mình, anh khiêm tốn:

- Mỗi một cuộc đi xa là một dịp học hỏi được những điều bổ ích, các bác ạ.

- Đúng. Đúng. - Ông xà ích vẻ ăn ý nói - Cậu ấm nói đúng. Đi một đoạn đường, học một sàng khôn mà!

Cuộc hành trình ngày đầu tiên qua được Lăng Cô. Người xà ích lái ngựa rẽ vào một làng nhỏ

(1) Quảng Ngãi

dưới chân đèo. Mọi người xúm vào việc cơm nước trước khi trời tối. Ông xà ích cho ngựa ăn thóc, uống nước. Thành lấy liềm, sọt đi cắt cỏ cho ngựa. Cả nhóm lái kéo ngựa nhàn:

- Ồ! Cậu ấm... sao cậu ấm lại đi làm cái việc...

Ông xà ích giằng lấy cái liềm trên tay Thành. Thành phải nói rõ ràng:

- Tuy là học trò, con nhà quan, nhưng từ lúc còn bé, ở nhà với bà ngoại, tôi đã quen những việc như thế này.

- Quý hóa quá! Quý hóa quá trời! - Những người lái kéo xuýt xoa tấm tắc. - Nhà quan nào cũng như nhà cậu thì cánh dân đen hân là đỡ khổ đôi ba phần!

Qua một đêm ngủ bên đèo Mây, Tất Thành thấy sáng khoái như ở quê nhà. Ngồi trên xe ngựa lắc lư, gập ghềnh mà đầu óc anh vẫn chưa hết bàng khuâng về giấc mơ về quê nhà đêm qua. Hình ảnh những người thân ở quê nhà bịn rịn trong tâm hồn anh...

Con ngựa ô kéo cỗ xe lên đèo Hải Vân, chân choãi về sau, toàn thân rướn lên phía trước, cái đầu lắc lư, bộ bờm đen mượt phấp phồng, cổ dăm dấp mồ hôi. Thành thương con ngựa kéo nặng:

- Có lẽ ta xuống bớt, đẩy xe đỡ cho ngựa một chút.

- Khỏi. - Ông xà ích nói. - Sức ngựa ô khỏe, dai lắm. Kéo chừng này chả thấm tháp gì với sức của nó. Vì lên dốc, nó phải ráng sức chút xíu ạ.

Gặp phải buổi trời mù, đèo Hải Vân chìm trong



mây trắng. Đi trên đèo, chỉ nghe tiếng sóng biển hòa với tiếng gió hú. Mấy bác lái kẹo bần khoăn:

- Tiếc quá, gặp phải hôm trời xấu, cậu ấm không được nhìn thấy mặt biển như lụa, ngọn đèo như tháp đồng đen, mây găm, nắng tơ... Hùng vĩ và thơ mộng lắm, cậu ấm ạ.

Thành đưa mắt ra xa, toàn một màu trắng bồng bênh. Đầu con ngựa như một mũi thuyền rẽ màn mây trắng đi vào cõi thần tiên. Anh bắt đầu cảm thấy lý thú như một chàng hiệp sĩ “chẳng quản gì da ngựa bọc thân”.

Bỗng ngựa hí, nhảy chồm lên, chân đá vào càng xe! Cỗ xe bị đổ về phía sau. Người, đồ đạc trên xe lăn cù cù, ngựa hí vài tiếng yếu đuối, vùng vẫy... Tiếng hổ gầm. Mọi người đã hết bàng hoàng, choàng dậy. Ông xà ích kêu thất thanh:

- Ôi! Trời đất ơi! Hổ vồ ngựa! Ngựa bị hổ móc cổ rồi.

Mọi người xúm đến quanh con ngựa. Con ngựa đã quy xuống, máu đang chảy lênh láng nóng hôi hổi, vết thương ở cổ toang hoác, cuống họng bị đứt lùa thò, bộ bờm đen mượt phủ kín mắt như đang ngủ.

Ông xà ích khóc:

- Khổ thân con ngựa quý của tôi, vì vương càng xe mà bị cạp vồ trộm mới nên cơ sự này! Nếu nó rộng chân thì một cạp chứ mười cạp cũng khó nhỡ được một cái lông đuôi của nó. Ôi! Nó kết bạn với tôi đã gần mười năm rồi. Nó về nhà tôi lúc chưa mọc răng kia mà.

Ông cầm con mác cán dài đi theo vết máu mòng cổ ngựa bị hổ tha. Ai cũng ứa nước mắt, vỗ vỗ bàn tay lên mình ngựa còn đầm mồ hôi. Tất Thành ngồi bên đầu ngựa vuốt mắt cho nó và vuốt bộ bờm mát rượi bàn tay.

Ông xà ích quay về, cầm phập cái mác xuống bên mình ngựa, tay chống nạnh.

- Tôi mà gặp được thì thăng cạp chết tươi hoặc tôi chết chứ chẳng chịu vầy đâu! Hu... hu... hu...

- Ông ôm mặt khóc to.

Anh em lái kéo an ủi:

- Gặp xui (rủi) vầy rồi thì ta liệu việc để còn đi thâu Cửa Hàn kéo tới trên đèo mắt.

Ông xà ích tìm được một trảng cỏ bên thung lũng. Chỉ có một cái cuốc và mấy cái lưỡi mác, họ chuyên tay nhau đào bới. Thành cời áo ngoài, xắn quần quá gối khuôn đá, hót đất lên. Đào được một cái hố dài, sâu để lọt vừa thi hài ngựa, ông xà ích lồng sợi dây thừng ngang mình ngựa, mọi người xúm vào cùng kéo. Ông xà ích nước mắt ngấn nước mắt dài, nhờ Thành:

- Cậu ẵm vắn những hòn đá ra xa và chặn bằng các gốc cây để ông Mã đỡ xây xát, đỡ đau.

Ông xà ích e cậu ẵm Thành chưa thông cảm về cách gọi tôn kính của ông, ông phân trần:

- Cậu ẵm ơi, cái giống ngựa lúc còn sống thì làm thân tôi tớ cho người, khi chết hóa thành thần Mã, châu nơi đền đài thờ vương, thờ đế.

- Cháu có hiểu phần nào cái điều ấy, chú ạ.

Ngôi mộ con ngựa được vun cao và xếp đá xung quanh. Ông xà ích quỳ trước mộ, khấn:



- Thưa ông Mã! Người xưa dạy: “Con trâu là đầu cơ nghiệp. Con ngựa là vựa tiền”. Lúc ông còn sống, ông đã gò lưng làm lụng nuôi cả nhà tôi. Chẳng may ông bị lâm nạn giữa truông, giữa đèo nên chúng tôi mai táng ông quá sơ sài, xin vong linh ông mở lượng hải hà cho chúng tôi được phần nhờ. Xin hứa với ông chuyển đi kinh đô tới, chúng tôi sẽ có lễ bạc lòng thành tạ trước mộ ông.

Nguyễn Tất Thành cùng đứng với các ông lái kéo một hàng ngang trước mộ “ông Mã”, vái năm vái. Anh nao nao như lúc đứng trước ngôi mộ người thân. Mọi người xếp sắp lại đồ đoàn vào xe. Trời đã trưa. Sương tan. Mây trắng trôi trên đỉnh núi. Biển trải xanh xa dưới chân đèo thăm thẳm. Thành cảm thấy ngơ ngác trước biển cả núi cao này.

Ông xà ích giọng cứng rắn:

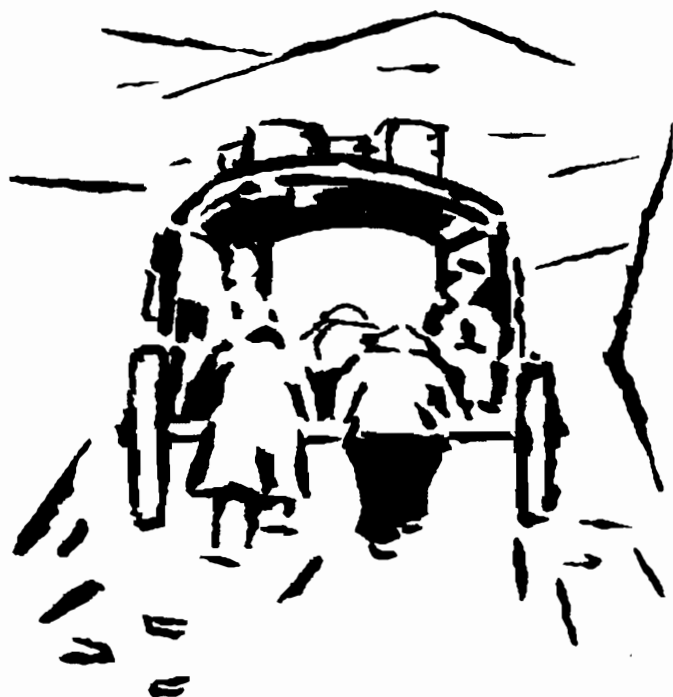
- Từ đây đến Liên Chiểu không còn xa nữa. Từ Liên Chiểu đến Nam Ô độ một dặm và về Cửa Hàn còn hơn hai dặm nữa. Về thấu tỉnh lỵ Quảng Nghĩa còn những ba mươi tám dặm kia.

- Chúng ta xếp đặt cách đi sao cho tiện bây giờ? - Một ông lái kéo hỏi.

Ông xà ích nói:

- Một người cầm cang, hai người đẩy xe, hai người nữa nghỉ trên xe, rồi lại thay nhau người đẩy, người nghỉ. Riêng cậu ấm Thành cứ nghỉ ở trên xe. Vô tới Cửa Hàn ta tìm xe quen để gởi cậu đi nhờ về Quảng Nghĩa.

- Các chú ơi! - Thành nói - Các chú đã nhận ghép cháu vào cùng một chuyến đi đường dài



ngày. Mọi việc may, rủi xảy ra dọc đường, cháu cũng được chia phần, cùng gánh chịu như mấy chú vậy.

- Cậu ăm có cái bụng tốt ấy, bây tui biết - Ông xà ích nói. - Bây tui thương chú học trò, tay yếu



chân mềm mà làm cái việc đào đất cát gỗ, tội nghiệp quá ta!

- Cháu đã chịu đựng những nỗi khổ quen rồi, các chú ạ...

- Vậy thì - mấy ông lái hồ hời nói - ta đi nào! Đi!...

Thành hai chân choãi ra sau, người vươn lên trước, tay dun xe bước đi giữa âm vang biển cả và gió hú đèo Mây.

*

* *

Vào thầu thị xã Quảng Ngãi, Tất Thành ở lại đây mấy ngày vì thấm mệt qua chuyến đi đường dài. Những người lái kẹo mạch nha rất kính nể vốn học và mẫn tính siêng năng, đức hiền từ của Tất Thành, đã tha thiết mời anh ở lại dạy cho các con, cháu của họ học. Anh từ chối: “Cháu còn ít tuổi, cần phải đi đây đi đó để lượm lặt những điều hay lẽ phải thành cái vốn, lúc đó có đi dạy học hay làm việc gì mới thật sự có ích, các chú ạ”.

Những ngày lưu lại thị xã Quảng Ngãi cũng như đi qua Quảng Nam, Nguyễn Tất Thành nghe được nhiều tiếng dân kêu than. Lời nguyện rủa thực dân Pháp, oán thán bọn tay sai buôn dân bán nước, chẳng những Thành nghe được khá nhiều mà anh còn nghe được những tiếng dân ngợi ca, thương tiếc các ông nghề, ông cử, ông tú, ông đồ... đã bị chém giết, tù đầy vì nghĩa lớn. Tại Quảng Ngãi người ta bàn tán nhiều nhất là vụ dân

nổi dậy đốt nhà tên đại việt gian Nguyễn Thân. Khắp các ngã đường, nơi chợ búa, trong quán trọ, cửa hàng nước... họ kể về lòng thương dân, tinh thần tiết tháo của quan Trần Văn Phổ (cha Trần Phú) làm tri huyện Đức Phổ. Ông không chịu hợp tác với tên công sứ Đô-đê đàn áp nhân dân nổi dậy chống sưu cao thuế nặng. Nó hứa sẽ thăng chức tri phủ cho ông. Nhưng ông đã mắng vào mặt tên Đô-đê. Nó dọa sẽ cách chức ông nếu ông không mộ phu, đưa lính đi theo nó về các làng trong huyện "làm nhiệm vụ". Ông đã chống lại và đã thất cổ tự tử tại công đường. Vợ ông là bà Hoàng Thị Cát đã bông bế các con đến cửa Tây thị xã Quảng Ngãi, dựng quán bán nước chè kiếm sống...

Rời Quảng Ngãi, Thành đi vào Bình Định. Anh đi với phường tuồng Vinh Thanh huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, quê của quan thượng thư Đào Tấn. Phường được mời ra diễn tại thị xã Quảng Ngãi và giúp cho phường tuồng ở đây dựng vở "Hoàng Phi Hổ quá quan" của Đào Tấn.

Thành đến xem đoàn tuồng ở quê quan Đào Tấn diễn vở của Đào Tấn với một tình cảm sâu nặng, thầm kín. Anh ngồi xem tuồng, nhưng trong đầu anh thỉnh thoảng lại xuất hiện những hình ảnh quan Đào Tấn cùng đàm đạo với cha mình trong căn nhà nho nhỏ ở thành nội, kinh đô Huế.

Đêm hát đã tan, Nguyễn Tấn Thành dùng dằng không dứt ra về được. Người đi xem hát về đã



văn, phường tuồng đã thay áo xong, anh ngẫm nghĩ một lúc rồi mạnh dạn đến gặp ông trùm phường:

- Thưa ông, cháu xin gặp người vừa sắm vai Hoàng Phi Hổ ạ.

Ông trùm phường nhìn Thành ngờ vực:

- Cậu gặp có việc gì?

- Thưa ông, cháu từ ngoài xứ Nghệ vô đây. Cháu thường được nghe các bậc cha chú ca tụng tuồng Bình Định. Nay cháu được xem phường tuồng của quê hương quan Đào Tấn, quả là “danh bất hư truyền”(1).

Ông trùm phường vẻ cảm động:

- Đa tạ về những lời phẩm bình của cậu.

- Riêng có một chỗ trong vai Hoàng Phi Hổ, cháu muốn nói ra điều trộm nghĩ của cháu mà e có sự thất thố, khác nào “đánh trống qua nhà sấm”.

- Cậu đã từ xứ Nghệ vô đây, lại có lòng hạ cố tới coi phường chúng tôi hát mà còn cho lời châu ngọc nữa thì đó là ơn tri ngộ, chúng tôi ghi nhớ mãi.

- Được như vậy, thưa ông, cháu mạnh dạn xin tỏ bày: Người đóng vai Hoàng Phi Hổ cũng như tất cả các vai trong vở tuồng đều giỏi bộ, hát hay. Cháu được nghe cha cháu thường đàm đạo với bạn: Diễn tuồng mà chỉ có hát hay, điệu bộ kém và ngược lại, thì chẳng khác chi người bán thân

(1) Tiếng đồn không sai.

bất toại⁽¹⁾. Bởi vì diễn tuồng là công việc chạm trở hình ảnh người đời ở trên sân khấu, làm rõ từng cử chỉ, phong độ, tánh cách, lời ăn tiếng nói của nhân vật. Lại còn phải trạm trở cái hồn vãn của người viết vở diễn trong từng câu, từng lời với bao nhiêu thần sắc: hi, nộ, lạc, ai, ái, ố, dục⁽²⁾, tức là bảy cái tính ở trong con người ta. Cháu thấy phường hát của ông đã thành đạt được những điều ấy. Người đóng đạt nhất là vai Hoàng Phi Hổ. Nhưng, vai Hoàng Phi Hổ còn gượng một chỗ khá quan hệ, đó là điệu cười chưa thật đúng tâm trạng nhân vật. (Ông trùm phường tuồng ngược nhìn Tất Thành, mắt lấp lánh niềm vui thán phục). Cháu cho là - Tất Thành nói - việc chạm trở tính cách nhân vật Hoàng Phi Hổ là điều không dễ, mà khó nhất là lúc ông ta cười, một cái cười đầm nước mắt. Vì Hoàng Phi Hổ là người đã nhiều phen vào sinh ra tử, dốc hết tâm sức thờ vua, nguyện suốt đời trọn đạo trung quân. Nào ngờ vua Trụ lại làm nhục vợ mình. Cái khó xử cho Hoàng Phi Hổ là: Có dám chống lại vua để bảo vệ danh dự vợ chồng mình không? Mà chống lại vua là chống một niềm tin, một cơ đồ mình đã đổ máu hy sinh vì nó, và như vậy liệu có mang tiếng với thiên hạ, mình là kẻ phản phúc không? Hoàng Phi Hổ với tâm trạng ấy cho nên hát lên hai tiếng “phản Trụ” rồi cười, Hoàng Phi Hổ cười ai? Phải

(1) Bại liệt mất một nửa người không hoạt động được

(2) Mừng, giận, vui, buồn, yêu, ghét, ham muốn

thấy Hoàng Phi Hổ cười cả cái chế độ nhà Tru, một chế độ đã dày công xây đắp vững bền từ mấy đời, nay sụp đổ chỉ vì một sắc đẹp, vì một người đàn bà. Hoàng Phi Hổ còn cười mình đã mù quáng, hy sinh cả đời mình một cách vô nghĩa! Theo cháu, người sắm vai Hoàng Phi Hổ phải tạo nên một tiếng cười lột tả được cái tâm trạng này.

Ông trùm phường tuồng ôm choàng lấy vai Nguyễn Tất Thành lắc lắc:

- Đúng cậu là... Cậu là thầy tuồng rồi!

- Không dám. - Tất Thành đáp. - Thưa ông, cháu chỉ là người khán giả nhỏ thôi ạ.

Ông trùm phường tuồng lại vỗ vai thân mật:

- Xin cậu cho biết quý danh?

- Dạ, cháu là Nguyễn Tất Thành ạ.

- Cậu còn trẻ mà đã tinh tường nghệ thuật tuồng khiến tôi phải sửng sốt. - Giọng ông bồi hồi: - Lúc sinh thời thầy tuồng của chúng tôi, quan Đào Tấn thường nói với chúng tôi: “Người xứ Nghệ rất mê tuồng và thường thức rất tinh tường”. Thầy còn nhắc tên những người bạn của thầy như quan đốc học Đặng Nguyên Cẩn, quan phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, ông giải nguyên Phan Bội Châu...

- Thưa ông, cha cháu là phó bảng Nguyễn Sinh Sắc ạ.

- Ô! Trời đất! Cậu... là con quan phó bảng Sắc! Hèn chi! Hiện thời quan phó bảng đang ngồi ghế tri huyện tại Bình Khê, trong tỉnh chúng tôi.

- Dạ. Cháu vô thăm cha cháu đây ạ.

- Ô... chà chà, còn chi bằng. Chúng tôi mời cậu ấm cùng đi vô với phường chúng tôi. Được vậy thì vinh hạnh cho chúng tôi lắm lắm.

*

* *

Thành bước vào cửa huyện đường Bình Khê lúc chiều tà. Quan huyện Nguyễn Sinh Huy và vài người lính lệ đang làm vườn. Người lính nhìn thấy khách lạ, nói:

- Bẩm quan, có thư sinh nào... trông lạ kia ạ?

Quan huyện Huy nhìn lên, ngạc nhiên:

- À! - Ông nghiêm nét mặt, nói với lính trong lúc đi về phía Thành: - Người con thứ của ta.

Thành chấp tay:

- Con chào cha. Cha có được khỏe không, thưa cha?

- Ừ, rất khỏe.

Mấy người lính chạy đến:

- Kính chào cậu ấm!

- Xin chào cậu ấm đến thăm quan lớn!

Tất Thành đáp lại rất lễ phép với những người lính hầu của cha mình.

Đám lính xuống nhà bếp lo cơm nước. Quan huyện Huy dẫn con về phòng riêng của mình. Ông ngồi đối diện với con ở ghế tràng kỷ. Ông hỏi lạnh lùng:

- Con đi đâu mà qua đây?

- Dạ, con đến với cha ạ.

- Anh đến với tôi để làm gì?

- Con đến thăm cha để rồi... con đi...



Nét mặt ông đã ảm lại và thoáng cười tươi:

- Được. Cha tưởng con đi theo cha thì đáng buồn. Con phải tự tìm ra cho mình một hướng đi, một con đường. Đời cha không có con đường, chỉ có một ngõ cụt. Cha đã không làm được điều mình hằng ước nguyện: vì Tổ quốc mà ngã giữa trận tiền, vì công bằng mà rơi đầu trước đám cường quyền bạo ngược. Cha đành chịu phạt: chỉ đoán hận trường⁽¹⁾.

- Nhớ lời cha dặn con hồi năm ngoái, nay con định đến Phan Thiết, trao phong thư của cha tới ông Hồ Tá Bang. Con sẽ xin được dạy học ở trường Dục Thanh một thời gian, cha ạ.

- Phải. Con cứ mạnh dạn làm, một khi lòng đã quyết. Con đã đến tuổi tráng niên rồi. Nhớ là: “Kỳ ấu giả duy phụ mẫu sở hữu chi thân, kỳ tráng giả duy quốc gia sở hữu chi thân, kỳ lão giả duy hậu thế sở quan trọng chi thân⁽²⁾”.

Hai cha con cùng sưởi ấm cho nhau trong đêm trên đất Tây Sơn, quê hương người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ.

Sáng hôm sau, ông Sắc ra huyện đường xử một vụ kiện đã kéo dài cả ngày hôm qua vẫn chưa xong. Anh Thành nhờ một anh lính huyện, người ấp Tây Sơn đưa đi thăm miền đất tự nghĩa “áo vải cờ đào”. Lúc trở về mặt trời đã tròn bóng. Thành

(1) Chi nhỏ hân dài.

(2) Đại ý: Lúc ta còn thơ ấu thì thuộc quyền cha mẹ, lúc ta lớn lên thuộc về đất nước, lúc về già lại phải dành cho lớp người sau là quan trọng nhất.

thấy gương mặt cha đanh như thép lạnh. Anh chưa rõ nguyên do mà lòng cứ thổn thức với nỗi cô đơn của cha.

Anh lính lệ bung cơm lên và lễ phép mời hai cha con quan huyện:

- Bẩm quan lớn và cậu ấm mời cơm ạ!

Thành để cha ngồi vào bàn ăn trước. Anh ngạc nhiên thấy cha tự tay mở lồng bàn và nghiêm giọng như hỏi cung phạm nhân:

- Món tôm he bữa qua còn khá nhiều sao không...

Anh lính lúng túng thưa:

- Bẩm quan lớn! Con sợ ý đây không kỹ để mèo ăn hết cả rồi ạ.

Ông huyện Sắc đặt mạnh tay gần như ném cái lồng bàn xuống phản ngồi, hỏi:

- Mèo ăn vụng thì hết một con hai con, sao lại hết nhả từng ấy con tôm he to gần bằng cổ tay?

Mất Thành tối sầm lại! Anh thảm nghĩ: Từ ngày còn sống dưới nách cha chưa bao giờ thấy cha để ý đến miếng ăn, sao bây giờ...? Chẳng lẽ cái “quan tham ô lại” cũng nhiễm vào cha mình?

Anh lính hầu mặt xanh như lá, nói líu cả lưỡi:

- Bẩm quan lớn! Có đèn trời soi tỏ cho con. Chỉ có mèo ăn thôi ạ!

Ông huyện Sắc đập mạnh tay xuống bàn, quát:

- Ta sẽ tra cứu đến nơi. Anh ăn tôm mà đổ cho mèo thì trực hồi bản quán ngay.

Người lính hầu quỳ xuống đất khấu đầu, tay vái:



- Bẩm quan lớn! Con ăn tôm ạ. Xin quan lớn rộng lượng hải hà cho con...!

Thành hai tay ôm mặt quay đi. Nhưng ông Sắc đã cúi xuống nâng anh lính hầu đứng dậy, giọng ông thấm nước mắt:

- Tôi xin lỗi. Tôi xin lỗi anh. Mèo không ăn mất tôm, anh cũng không ăn mất tôm đâu. Đĩa tôm he vẫn còn nguyên vẹn tôi đang giấu ở tủ hồ sơ. Tôi thử anh để mà nghiệm ra việc xử vụ án suốt hai ngày mà bị can vẫn chưa chịu nhận “tội”. Lúc tôi phải dùng bàn tay đập bàn hăm dọa, truy bức thì bị can liền “thú tội”! Tôi e rằng họ bị oan!

Ông quay lại nói với Thành, giọng xúc động:

- Làm quan dầu có giữ mình trong sạch cũng không tránh được hết lỗi lầm. Chỉ một lần gieo oan thì cũng phải ba đời mình chịu oán. Sẽ thất đức con ạ. Thôi... đi đi... con! Nước mắt con đi tìm nước... Sớm muộn rồi cha cũng sẽ là nạn nhân chứ không thể là kẻ sát nhân trên cái ghế quan trường này!...

22

Dấu chân Nguyễn Tất Thành in xuống đất cực nam Trung Bộ. Dưới ánh nắng thiêu, bóng anh nghiêng nghiêng bên bóng những tháp Chăm tràn trụi.

Trên đường đi vào, tình cờ Thành gặp người

bạn cũ, Phạm Gia Cẩn từ Bình Thuận trở về Nghệ An. Thành viết vội thư gửi về quê cho chị Thanh và anh cả Khiêm. Anh kể khá tỉ mỉ những chuyện xảy ra trên dọc đường vào của mình. Anh miêu tả về cuộc sống cô đơn và sự chán chường việc quan của cha. Và Thành tâm sự trong thư: "...Em đã nhận một chân dạy học tại trường Dục Thanh ở Phan Thiết. Trường này có các lớp tư, lớp ba, lớp nhì và lớp nhất. Học trò được học ba thứ chữ: quốc ngữ, chữ Tây, chữ nho. Các môn sử ký, địa dư, cách trí, toán pháp, toán đố... đều được soạn dạy theo mục đích của trường: mở mang trí thức cho học trò, đào luyện họ thành người ích nước, lợi nhà... Em nhận dạy chữ Tây cho lớp nhì, dạy sử ký, địa dư cho lớp nhất. Em được nhận vô dạy trường này là có sự giúp đỡ của ông Hồ Tá Bang, bạn thân của cha. Ông là tổng lý công ty Liên Thành thương quán chuyên sản xuất nước mắm. Công ty này là do các ông Trần Quý Cáp, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn... kêu gọi các nhà hàng tâm hàng sản góp vốn kinh doanh để xây đắp cho công cuộc mở mang dân trí, dân sinh. Các cụ Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh, Hồ Tá Bang, Nguyễn Hiệt Chi, Trần Lệ Chất, Ngô Văn Nương là sáng lập viên Liên Thành. Trường Dục Thanh do công ty Liên Thành thương quán bảo trợ...". Cuối thư, Thành dặn chị gái và anh trai: "Trường Dục Thanh là một cung trên con đường em đi... Em sẽ ở lại đây một thời gian để rồi đi tiếp vô Sài Gòn..."

*

* *

Cửa biển Phan Thiết hình cánh cung. Ban mai vắng lặng. Những con dãi tràng kiến nhả xe cát. Sương mù bay lang thang từ xa khơi vào các xóm dân chài. Một vài con thuyền, bè mảng già nua nằm trơ trên bãi cát. Nhìn biển cả, thầy Thành bồi hồi nhớ về kỷ niệm cùng anh Khiêm theo cha mẹ vào kinh đô Huế, lúc lên đỉnh đèo Ngang, lần đầu thấy biển mà tưởng là cái ao. Giờ đây anh đã lớn khôn lại thấy biển mênh mông quá, muốn đi xa, đi tìm chân lý, tìm lẽ sống công bằng, nhưng vượt biển cách nào đây?

Anh băng khuâng trước cảnh biển trời hùng vĩ. Bỗng tiếng trống trường từ trong phố âm vang, ngân dài theo tiếng sóng. Anh dõng gót, bước về phía tiếng trống gọi. Từng dấu chân anh in mịn màng trên cát trắng phau.

Giữa khu vườn rộng có một dãy nhà dài, chia nhiều ngăn, lợp ngói “vẩy rồng”. Bốn phía nhà không thung che. Trước khi dùng làm trường học, đây thường gọi là nhà “thào bạt”. Trước lối vào “thào bạt”, một cái cổng cao, vững chãi, trên đó đặt tám biển dài và dài suốt trên hai trụ đứng, khắc chữ quốc ngữ: Trường Dục Thanh. Hai bên khắc tên trường bằng hai thứ chữ: chữ Hán và chữ Pháp.

Ngay trước trường có một cái ao khá rộng. Cây gừa cổ thụ, cành vươn dài ra giữa ao. Từng chùm

rẽ trên cành rủ xuống ao như bộ râu dài phủ phê... Góc cây giữa sù sì ngay cạnh bến đá xây nhiều bậc. Học trò thường xuống ao rửa chân trước lúc vào cổng trường.

Thầy giáo Nguyễn Tất Thành bận bộ dài trắng, cổ đứng, đi guốc gỗ mộc, ôm cặp da bò màu vàng





cam, bước khoan thai vào lớp. Cả lớp học đón thầy với một không khí ấm cúng, trật tự và lễ phép. Thầy Thành nở một nụ cười tươi, nhìn các em âu yếm, nói:

- Thầy chúc các trò ngoan, học giỏi.

Cả lớp đáp lại:

- Chúng con vâng lời thầy...

Cả lớp hướng mắt về thầy và thầy Thành giọng ấm áp điểm danh. Sau đó thầy viết lên góc bảng đen: Sĩ số: 38. Hiện diện: 38. Khiếm diện: 0. Thầy từ trên bục đi xuống. Đến cạnh em Lê Trung Liệt, thầy ân cần hỏi:

- Bữa nay ở nhà chắc có chuyện chi... Thầy thấy trò không được vui?

- Dạ, thưa thầy, má con bệnh nặng. Đêm qua má con trở bệnh. Con lo má con không qua khỏi! Mà... ba con lại đang đi vắng nước mắm, đi xa lắm.

Thầy Thành chớp chớp mắt nhớ về một thời thơ ấu của mình ở thành nội Huế. Giọng thầy buồn buồn:

- Nhà có đủ tiền thuốc thang cho má không?

- Thưa thầy, má con bệnh nặng, kéo dài, con nghe mấy anh chị của con biểu: "Hết kiệt vốn liếng trong nhà rồi". Sáng nay anh trai của con đang đi cầm đồ để có tiền chạy chữa cho má con, thưa thầy...

- Tan học, trò đưa thầy về thăm má của trò.

Thầy vừa được lĩnh tiền giảng phí. (Em Liệt xúc động bật lên tiếng khóc). Trò đừng buồn phiền!
- Thầy Thành an ủi. - Thầy đã từng nhận được tình thương của nhiều người chia sẻ. Thầy được chia sẻ với em chút tình ngày hôm nay là sự nhớ ơn của thầy đối với những người đã chia sẻ với thầy lúc tối lửa tắt đèn.

Thầy Thành đưa mắt nhìn khắp lớp:

- Sau buổi học, có trò nào muốn đến thăm mẹ của trò Liệt không?

Cả lớp đồng thanh:

- Thưa thầy, có ạ.

Thầy Thành đi lên bục, vẻ mặt vẫn còn phảng phất buồn. Thầy nói:

- Hôm nay chúng ta học bài sử ký: Hùng Vương dựng nước, đời Hồng Bàng. - Thầy cầm viên phấn viết lên bảng đen đầu đề bài lịch sử. Nét chữ của thầy thanh như dáng người thầy. - Hồng Bàng là thời kỳ mở đầu của mười tám đời vua Hùng. Công lớn nhất của các vua Hùng là dựng nước.

Các em lắng cả tâm trí theo dòng ánh sáng của thầy giáo Thành đang truyền bá. Giọng thầy giảng bài ấm và âm vang: “truyện tích “Con Rồng cháu Tiên” là sự thể hiện niềm tự hào về giống nòi người Việt Nam của tổ tiên ta”.

Trong khi giảng bài, thầy thường hỏi:

- Thầy nổi tiếng Nghệ, chưa sửa hết được thổ



âm, thổ ngữ, các trò nghe có được rõ không?

- Thừa thầy, rõ ạ.

- Các trò có hiểu được những điều thầy giảng không?

- Chúng con hiểu được ạ.

Một em học sinh lớn tuổi nhất lớp đứng lên xin phép:

- Thừa thầy, con xin thầy được phép hỏi ạ.

- Trò mạnh dạn hỏi vậy là tốt.

- Thừa thầy, tích Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ đẻ một bọc trứng, nở ra trăm con, một nửa theo cha xuống bể, một nửa theo mẹ lên ngàn, chuyện hoang đường ấy có nghĩa chi, thưa thầy?

Thầy Thành xuống bục, đi qua đi lại trước lớp, mắt mờ màng, giọng tha thiết:

- ... Các truyền thuyết thường tưởng tượng hoang đường, vì nó bắt nguồn từ trong đời sống xã hội con người thời còn hoang sơ, nhưng truyện nào cũng đều có ý nghĩa giáo dục. Cái bọc ấy chính là lòng mẹ. Chung một lòng mẹ, nghĩa là cùng một nòi giống. Vì vậy mà dân ta có hai tiếng nghe rất thiêng liêng, đó là - thầy Thành viết chữ hoa - Đồng Bào. Có nghĩa là cùng bọc, cùng một dòng máu.

Thầy Thành lại hỏi:

- Các trò rõ chưa?

- Dạ, rõ rồi ạ.

- Còn sự tích một nửa số người đi lên ngàn,

một nửa số người đi xuống bể, nó nói lên người Việt mình đã trải bao mưa nắng, người đi phương này, kẻ đi nơi kia để khai phá, mở mang bờ cõi, dựng xây đất nước. Nước Việt Nam ta được như ngày nay ta đừng quên công lao của bao đời đã đổ mồ hôi và máu. Người ta thường nói: “Tình Tổ quốc, nghĩa đồng bào” là từ gốc tích ấy. - Giọng thầy đọc trầm bổng thiết tha:

Sông sâu nước chảy nặng dòng.

Lòng ta có khác chi lòng mình đâu.

Dầu nam, dầu bắc mặc dầu,

Cùng chung Tổ quốc, cùng sâu Nước Non.

Cả lớp nhất không một em nào động tay, động chân, lắng hồn đón nhận từng lời thầy như đêm dày được ánh sáng soi vào.

Cuối bài, thầy dặn:

- Các trò ạ! Chữ là mắt. Người không có chữ coi như bị mù vậy. Hời còn nhỏ, thầy thường được nghe cha, mẹ, ông bà ngoại của thầy nói về cái chữ tối hệ trọng đến vậy. Mà nó hệ trọng thật. Không có chữ, con người ta bé nhỏ trước tất cả dưới gầm trời này, và người không có chữ sẽ mãi mãi là vật sai khiến, vật hy sinh của bọn thống trị. Cho nên, các trò được ngồi học là phải tự hỏi mình: Học chữ để nên người, giúp dân cứu nước hay để được vinh thân phì gia?

Trống ra chơi điểm từng tiếng. Bóng nắng xao động theo chân của đám học trò chạy nhảy tung tăng trên sân trường.

Nắng trưa trải dài trên con đường xanh xa.



Thầy giáo Nguyễn Tất Thành từ nhà em Lê Trung Liệt đi ra phố. Đám học trò theo thầy tới thăm mẹ bạn Liệt đã tản về các ngã đường. Thầy Thành đi về phía bờ sông Cà Ty gần chợ. Một tiếng đàn bầu của người hát rong cất lên ai oán. Thầy Thành khựng lại. Không định dừng lại nghe đàn nhưng thấy cái thau đựng tiền của người hát rong chưa có một đồng nào, thầy Thành lần trong túi lấy ít tiền còn lại biếu người hát rong. Thấy ông giáo trẻ cho tiền người hát rong, mấy người luống tuổi đang đứng nghe và cả người đi ngang qua lần lượt bỏ vào thau những đồng tiền kẽm, đồng hào trắng... Nhìn vào thau đã có cái ăn cảm hơi cho người mù hát rong, thầy Thành cảm thấy lòng mình âm ỉm và bước đi nhẹ gót chân hơn. Nhưng dòng suy nghĩ của thầy trĩu nặng về hình ảnh ông Xẩm ở quê nhà. Và những năm tháng lớn lên, thầy nghiệm thấy điều ông Xẩm nói càng có lý: “Mắt mù không đáng sợ bằng mắt sáng mà tim mù”. Bởi lẽ, người ta bị mù mắt thì khổ trăm đường, ai cũng có thể ăn hiếp được. Nhưng kẻ mắt sáng mà tim mù thì sẽ đem lại những tai họa ghê sợ cho bao người! Mà ở trên đời này, cái bọn mắt sáng mà tim mù đâu có ít?

*

* *

Lại một mùa hè nữa đến với thầy giáo Nguyễn Tất Thành. Nước da của thầy đã nhuộm nắng miền cực nam Trung Bộ.

Một buổi trưa. Thầy giáo Thành ngồi đọc sách. Tiếng chim ngoài vườn xanh um tùm vọng vào. Lòng bồn chồn, ngồi không yên, thầy cầm trên tay cuốn sách, dạo bước quanh “Ngọa du sào”⁽¹⁾. Nhìn qua bên kia vườn cụ Nguyễn Thông, thầy thấy một em bé đang trèo khế hái trộm quả, một em đứng dưới “canh gác”. Thầy chau mày, mỉm cười: Trò Tây và trò Phùng rồi. Hai trò to đầu này chẳng chịu ngủ trưa, lên đi hái trộm khế. Bà ấm Lội biết được thì rầy to!

Thầy Thành gấp cuốn sách lại, khoan thai đi sang vườn khế. Từ Trường Phùng thấy thầy giáo Thành vội vàng đưa ngón tay lên miệng định “báo động” cho Nguyễn Thành Tây đang ở trên cây, nhưng thầy Thành đã khoát tay ngăn lại. Phùng đứng khép nép vào gốc cây, sợ hãi. Thầy Thành đến gần, nói nhỏ nhẹ:

- Bạn Thành Tây của trò đang ở trên cao, trò đừng làm vậy mà bạn ấy hốt hoảng nhảy đại xuống lỡ gãy chân gãy tay, rõ chứ trò?

- Dà... à. - Từ Trường Phùng đã hết sợ hãi vì thầy Thành không mắng một lời nào. Thầy còn dặn: “Ráng đợi cho trò Tây xuống đất rồi hãy đến”.

Nguyễn Thành Tây từ trên cành cao bước xuống với hai túi áo đựng khế đầy căng. Vừa đặt chân xuống đất, trò Tây đã thấy thầy giáo Thành

(1) Ngôi nhà của nhà thơ yêu nước Nguyễn Thông. Nhà thơ vì cái nhà của mình như tổ chim yến là nơi nằm chơi, ngâm thơ bình văn với các bạn đồng chí đồng tâm.



đi tới, chân em đứng không vững, mặt tái mét, mắt nhắm chờ mấy cái bộp tai của thầy. Song, một tiếng nói ấm áp:

- Trò ngồi xuống chỗ có bóng mát kéo mồi chân.

Nguyễn Thành Tây thở phào nhẹ nhõm, hai mắt em mở to, nhìn thầy giáo Thành e ấp một niềm cảm kích, biết ơn.

Thầy Thành ngồi giữa hai người học trò bên gốc cây khế. Thầy ôn tồn hỏi:

- Trò Phùng hay trò Tây bày ra chuyện đi lấy trộm khế?

- Dạ thưa thầy, con ạ.

- Dạ, thưa thầy cả con nữa ạ.

- Thầy biết việc này là cả hai trò rồi, nhưng thầy muốn hỏi rõ trò nào đã nêu ra trước?

- Thưa thầy, con ạ. Chính con đã rủ bạn Phùng ạ.

Thầy Thành đặt tay lên vai Nguyễn Thành Tây, nét cười thoáng trên môi, thầy nhìn tập sách cuộn tròn cặp trong nách Tây hỏi thân mật:

- Trò có cuốn sách chi đó mà lại cuộn tổ sâu vô nách vậy?

Tây lấy cuốn sách từ nách ra, hơi luống cuống. Phùng nhìn Tây nháy mắt, cười. Tây nói:

- Thưa thầy, sách thơ Lục Vân Tiên ạ.

- Trò đã đọc được tới đâu rồi?

- Thưa thầy, con vừa mới đọc được ít thôi ạ.

- Đọc đến dòng nào chỉ thầy coi.

- Đây ạ. "Trai thì trung hiếu làm đầu".

- Trò có hiểu nội dung câu thơ này không?
- Con hiểu được phần nào ạ.
- Trò nói cho thầy và bạn Phùng nghe điều trò hiểu đi nào.

- Dạ. “Trung hiếu làm đầu” có nghĩa là trung thành với vua, hiếu thảo với cha mẹ.

Thầy Thành quay hỏi Phùng:

- Trò thấy bạn Tây giải thích vậy đã đúng chưa?

- Thưa thầy, con cũng hiểu như bạn Tây ạ.

- Các trò hiểu chữ trung, chữ hiếu như vậy là đúng, nhưng còn cạn, còn hẹp. Ta phải hiểu rộng hơn. Ấy là lòng trung thành với Tổ quốc, lòng hiếu thảo với cha mẹ, với đồng bào... Bởi vì mỗi người chúng ta sống trong một rường mối liên quan từ trong gia đình ra tới họ hàng, làng nước. Các trò phải ôn lại bài học “Vua Hùng dựng nước” mà thầy đã giảng ở lớp. - Thầy Thành nhìn vào hai túi áo Nguyễn Thành Tây đựng dây khế:
- Hai trò rủ nhau đi lấy trộm khế là phạm lỗi gì?

Cả hai em mặt đỏ bừng, đáp:

- Chúng con lấy trộm của người khác là không hiếu thảo với đồng bào ạ.

- Biết việc làm sai, phạm lỗi thì nên xử trí thế nào?

- Thưa thầy, từ nay chúng con không bao giờ làm như vậy nữa ạ.

- Phạm lỗi, dám nhận lỗi và sửa chữa lỗi lầm là một nhân cách, là biết đạo làm người. Giờ thì thầy



đưa hai trò đến nhận lỗi gia đình thầy ảm Lợi. Mặc dầu không một ai trong nhà thầy ảm Lợi biết việc này, nhưng ta có lỗi, lương tâm ta thúc giục ta sửa lỗi.

Nguyễn Thành Tây bưng một mũ khế, cả ba thầy trò đi dưới vườn cây mát rượi tiếng ve sầu. Thấy hai cậu học trò mặt buồn xiu, thầy Thành động viên:

- Các trò có thích chơi ve sầu không?
- Chúng con thích ve sầu lắm, thầy ạ.
- Các trò thấy ở ve sầu có tính gì đặc biệt nào?

Nguyễn Thành Tây giọng nghịch ngợm:

- Thưa thầy, giống ve sầu chống đối việc bắt nó bằng cách dái một bãi vào tay ạ.

Cả ba thầy trò cười thoải mái. Từ Trường Phùng nhận xét:

- Thưa thầy, ve sầu có đặc tính kêu dai suốt cả mùa hè ạ.

Thầy Thành tươi cười:

- Các trò có con mắt quan sát, tốt lắm. Riêng thầy thấy giống ve sầu còn có một tính riêng biệt, rất là thú vị, đó là tính hay “xấu hổ”, cứ úp mặt vào thân cây mà than vãn cả mùa hè.

Tiếng cười khúc khích của ba thầy trò Nguyễn Tất Thành hòa vào âm thanh ve sầu bông bênh theo gió xanh sắc biển xa...

*

* *

Cơn mưa đầu mùa đến miền cực nam bất chợt,

ngần ngúi. Đất khát. Nước mưa ít như nước đái vè sâu, chẳng thấm tháp gì.

Các thầy giáo và học trò trường Dục Thanh phải gò lưng khiêng nước ao tưới cho hàng cây trồng quanh sân, vườn trường. Các ông Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh, Hồ Tá Bang, Nguyễn Hiệt Chi, Trần Lệ Chất, Ngô Văn Nhượng, sáu vị sáng lập công ty Liên Thành và “Hội đồng bảo trợ” trường Dục Thanh đến thăm một buổi “lao động chân hưng trường ốc”. Cả sáu ông đều ngạc nhiên: thầy giáo Nguyễn Tất Thành, con trai quan phó bảng Nguyễn Sinh Huy, mà gánh nước đi dẹo như người gánh cá tươi chạy chợ trưa vậy. Những cô gái con các nhà có chân trong công ty Liên Thành cùng “nhìn trộm” thầy giáo Thành gánh nước tưới cây. Bà Hồ Tá Bang với con mắt người mẹ hàng kén rẻ thì nhìn thầy Thành “người mảnh khảnh, da trắng, môi đỏ như gái cấm cung, ăn không gấp nặng đũa mà gánh gồng chất nặng đầy vai! Lại còn trí khôn trước tuổi...”

Từ ngoài vườn trường về, thầy giáo Thành ngồi nghỉ bên thềm, hai mắt mơ màng dõi theo đàn bò câu đang bịn rịn trên sân, bóng cây in xuống sân như mảnh gấm hoa đen. Thầy lại bồi hồi nhớ về một buổi sáng tiễn cha từ Huế đi Bình Khê, đàn bò câu và những bóng cây trên sân lưu luyến theo người...

Ông già đầu bếp rón rén đến bên thầy:

- Mời thầy vô nhà xơi cơm ạ.



- Cảm ơn chú Tám.

Thầy Thành ngồi vào bàn ăn. Ông già đầu bếp nhấc chiếc lồng bàn đưa xuống nhà dưới. Trước mặt thầy, chiếc mâm thau bóng loáng, đôi đĩa son, cái bát kiểu đặt bên những món ăn thanh đạm: đĩa cá kho, tôm rim mặn với thịt và bát canh rau.

Thầy Thành vừa xới cơm vào bát, ông già đầu bếp bước vào:

- Thừa, có người lạ đến tìm thầy ạ.

Hai mắt thầy Thành ánh lên vẻ ngạc nhiên:

- Nhờ chú Tám mời ông vô giùm cho, được chứ chú Tám?

- Hay là thầy... - Ông già Tám ngập ngừng nói - thầy cứ việc cơm nước đằng hoàng, tôi sẽ mời ông ta vô nhà dưới ngồi đợi ạ.

- Chắc ông ta từ xa đến... để người ta đợi mình lâu, không nỡ, chú Tám ạ.

Một người quần áo vá chằm, cầm cái nón che nắng trước đầu gối, rón ra rón rén đi theo ông già Tám. Thầy Thành từ trong nhà bước ra, đơn đả hỏi:

- Mời ông vô. Ghế đây, mời ông ngồi tự nhiên.

Ông khách thờ phào nhẹ nhõm khi thấy người thầy giáo trẻ măng, con quan mà cư xử với ông niềm nở, quý mến chứ không coi khinh ông rách rưới, thất thiếu đi kiếm ăn. Ông ngồi xuống mép ghế. Thầy Thành hỏi:

- Ông từ đâu đến và có việc chi cần gặp tôi ạ?

- Bẩm cậu ằm...

- Xin ông đừng bầm, - thầy Thành nói - ông cứ nói bình thường. Tôi chỉ bằng tuổi em út của ông thôi.

- Thừa cậu ấm, con từ ngoài huyện Bình Khê vô đây. Có thư của quan huyện gửi đến cậu ấm đây ạ.

Thầy giáo Thành đỡ phong thư, nhác thấy hai bàn tay ông khách quặt quẹo, nhưng không tiện hỏi, mới hơi mím lại kìm sự xúc động. Thầy nói:

- Ông từ xa đến đây, gặp bữa, xin mời ông cùng xơi cơm với tôi.

- Dạ, bầm cậu ấm, cậu nhân đức quá!

Thầy Thành đi xuống nhà dưới, lúc trở lên có cả ông già Tám mang lên theo đĩa bát, mấy món ăn thêm. Ông khách vẫn còn sợ sệt, con mắt đói khát nhưng không dám gấp mạnh dạn. Thầy Thành vừa gấp lên bát cho khách vừa phân trần:

- Ông cứ ăn tự nhiên. Ăn nhiều thức ăn. Ở Phan Thiết đây chẳng thiếu cá tôm đâu. Tôi vốn ăn ít đã thành thói quen rồi. Ông đừng vì tôi ăn ít mà e ngại...

Sau bữa cơm, ông khách ngồi uống nước ở bàn trà. Thầy Thành tựa tràng kỷ xem thư của cha gửi đến. Dáng thầy ngồi đọc thư cha rất kính cẩn, hai nét mày luôn chuyển động và lá thư trần trở trên bàn tay. Thầy lại cầm phong thư của cha gửi ông Hồ Tá Bang: "Hàn sĩ Nguyễn Sinh Huy kính thư Hồ Tá Bang tiên sinh".

Thầy Thành bước đến bàn trà, giọng chân thành:

- Tôi sẽ trao thư của cha tôi tận tay ông Hồ Tá Bang. Tôi cũng sẽ thưa chuyện giúp ông với ông Hồ để ông được vào làm công trong công ty Liên Thành như cha tôi dặn trong thư.

- Bẩm cậu! - Người khách cảm động nói líu cả lưỡi. - Phúc phận chó nhà con rồi! - Ông chìa hai bàn tay tạt nguyên: - Cậu ấm coi, kiếp làm người của con vầy đây!

- Bàn tay ông sao vậy?

- Bẩm cậu ấm, - ông vẫn quen thưa bẩm - vì con không có tiền nộp thuế. Đám hào lý ở xã con tịch thu bò cày của con. Con chống cự, bị họ bắt giam và họ lấy giẻ tẩm dầu lạc quần vào hai bàn tay con rồi châm lửa đốt mới nên nông nỗi này.

Thầy giáo Thành hai tay ôm lấy đầu, mắt như có màng mây che tối lại, bàn chân thầy xê dịch trên nền nhà. Tiếng ông khách kể như những giọt nước mắt nhỏ xuống đều đều:

- Bọn hào lý áp giải con lên huyện và vu cho con “tội đào ngạch, khoét vách ăn trộm của nhà giàu, bị người ta bắt và chịu hình phạt tẩm dầu đốt đôi bàn tay đạo tặc”. Nhưng, quan tri huyện Nguyễn Sinh Huy đã như một ngọn đèn trời soi tỏ được nỗi oan khốc của con. Quan đã cấp cho con một tờ phóng thích: “Vô tội bất can, miễn chấp”. Con về nhà được ít lâu thì vợ và hai đứa con đều chết trôi! Con định đi sang làng khác kiếm sống nhưng hào lý không cấp thẻ thuế thân cho con. Con lại đánh đặng lên quan huyện xin được quan che chở. Thiệt là phước bầy đời để lại cho con.

Quan lớn không một tí ngần ngại chi, quan viết thư đưa cho con, cho con tiên ăn đường và dặn: “Anh cầm thư này đi vô Phan Thiết. Con trai tôi đang dạy học ở trường Dục Thanh. Anh phải đi thật xa như vậy mới có thể yên thân được. Vì tôi sẽ không còn ngồi ghế tri huyện này nữa mô”. Quan còn nói: “Làm quan theo thời thì mất phúc đức to. Tôi sẽ đi cắt thuốc chữa bệnh giúp dân là phải hơn cả...”

Thầy giáo Thành vuốt lại mái tóc, đứng dậy, nói:

- Mời ông, ta sang văn phòng của công ty Liên Thành. Ông Hồ Tá Bang giờ này thường ở bên đó.

Hai người bước ra sân. Sương chiều ngoài cửa bể như những tấm lụa trắng và phơn phớt hồng bay vào thành phố hoàng hôn...

*

* *

Một ngày chủ nhật.

Nước thủy triều ròng kiệt. Cửa bể Phan Thiết trải một màu nâu bầm. Bãi biển lùi rộng ra xa. Từng đàn chim biển lên phơi nắng, xòe những đôi cánh trắng phau giữa thềm cát mịn màng. Những con còng, dã tràng lên dày như mắt sàng.

Thầy giáo Nguyễn Tất Thành đưa học trò đi chơi biển, học tập ngoài trời. Thầy mặc áo sơ-mi cộc tay, quần soóc đều màu trắng, đội mũ cốt bần lợp vải quét phấn trắng, chân đi giày băng-túp. Đám học trò con trai cũng mặc đồng phục như

thầy giáo. Hai cô nữ sinh mặc áo dài màu trắng...

Ra khỏi phố, thầy trò leo lên những động cát. Trèo lên được hai ba bước lại tuột xuống một bước. Nhiều em lên được ngọn động, níu tay nhau ngồi bệt xuống, cát chuỗi tuột xuống chân, dốc, các em cười khoái chí. Hai cô nữ sinh thì mãi mê tìm các vỏ sò vỏ ốc có hình thù và màu sắc vân dạng kỳ thú...

Thầy Thành bâng khuâng nhìn biển nước ròng, bờ xa nắng trải những cồn cát, nương dâu liền một dải chân trời. Thầy cảm nhận những cánh buồm mọc thẳng trên nền biển xanh có sức kêu gọi con người đứng dậy mà đi tới. Thầy gọi học trò đến ngồi xung quanh trên động cát có bóng cây cổ thụ. Thầy hỏi:

- Các trò có biết tại sao người dân chài lại trồng các loại cây cao to, có rễ sâu, tán rộng trên bờ biển không?

- Thưa thầy, để có bóng mát họ ngồi chơi như thầy trò ta đang ngồi ạ. Một em khác nói:

- Họ trồng cây to trước cửa bể để lấy gỗ đóng thuyền, làm chèo, làm lái ạ...

Thầy Thành cười. Các em nhìn nhau cười khúc khích. Thầy ôn tồn nói:

- Các trò nói có phần đúng. Nhưng các trò phải hiểu là loại gỗ dùng đóng thuyền, làm chèo, làm lái phải là loại gỗ ít ngấm nước, nhẹ mà dẻo mới được. Còn những cây người ta trồng trước cửa bể là cốt để làm "cột tiêu" cho thuyền bè lúc trở về bến.

Thầy chỉ tay ra phía xa khơi:

- Các trò có thích những cánh bướm đi khơi kia không?

Trò Nguyễn Thành Tây vế nghịch ngợm:

- Thưa thầy, nhường hai bạn “quần thoa” vốn có nhiều cao kiến nói về cảm tưởng cánh bướm trên biển ạ.

Hai cô nữ sinh mặt đỏ dừ, tay cầm con ốc chông vẽ vẽ trên cát. Đám con trai cười, nháy nháy mắt nhau. Thầy Thành gõ gõ lên đầu em Tây:

- Lại trêu chọc bạn, thầy sẽ phạt ngồi nhà như lần đi chơi núi mới rồi đó nghe.

Nguyễn Thành Tây cười tủm tỉm. Cả đám học trò đua nhau nói những cảm nghĩ của mình về cánh bướm trên biển cả. Có em đã tưởng tượng:

- Thưa thầy, con thấy biển là một trang vở lớn mà bướm là chữ “A”.

Một em khác nói tranh:

- Cánh bướm là dấu than (!) trên trang vở biển nữa, thưa thầy...

Thầy Thành cười:

- Các trò ạ, người ta ví:

*Chí làm trai tựa cánh bướm biển cả,
Tám lòng già như cây lớn quê hương*

Nghe thầy Thành đọc hai câu thơ, các em hết nhìn ra biển lại ngược trông lên ngọn cây. Thầy nói, vế đầy tin tưởng:

- Thầy vừa qua tuổi thiếu niên, thầy đọc cho các trò nghe một bài thơ mà thầy đã thuộc cách



đây vài năm.

Có em hỏi:

- Chúng em chép vào các-nê (sổ tay) có được không, thưa thầy?

- Được. - Thầy đọc chậm chậm:

Hú hồn thiếu niên

Ngồi ngẫm chuyện năm châu trên trái đất,

Sóng văn minh đồn dập nổi phong trào.

Kìa như ai người thì khôn, sức thì mạnh,
đất thì rộng, của thì nhiều,

Trời há lẽ riêng chi một cõi!

Sao ta cứ dā mạn quen thói,

Khom thân nô mà luôn cúi dưới cường
quyền?

Hú ba hồn các chú thiếu niên!...

Một ông lão vai vắt tấm lưới từ trong xóm chài đi ra, theo sau ông là đám trẻ con không áo, không quần, lấm lem đất cát.

Thầy Thành nói nhỏ với các em:

- Lúc khác thầy sẽ đọc tiếp cho các trò nghe những bài thơ, bài ca mới mà thầy đã thuộc. Giờ thầy trò mình đến bắt chuyện với ngư dân, họ sẽ kể cho nghe vô số chuyện lạ trên biển...

Nhìn thấy thầy Thành, ông lão giơ tay quá đầu, nói oang oang:

- Ô! Ô! Thầy giáo ở trong phố. Chào thầy.

- Cháu chào cụ. Hôm nay biển lặng mà cụ nghỉ nhà, hả cụ?

- Ờ... ờ... Đáng lẽ đã ở ngoài khơi, biển bữa nay lặng như ao. Nhưng vàng lưới bọn tui bị mập và cá nóc nó cắn, nhiều tấm rách quá trời, phải nghỉ

đến mấy ngày vá víu đã, thầy giáo ạ.

Mấy đứa trẻ đứng đằng xa nhìn đám học trò áo quần trắng đẹp, vẻ thèm khát, không dám đến gần. Thầy Thành hỏi ông lão:

- Cháu định đưa học trò vô xóm để các cụ, các ông nói cho nghe những chuyện đi khơi, về lộng, tháo động, vượt bão ạ.

- Trong xóm bữa này hồng có ai ở nhà đâu. Những ông cùng thuyền với tui cũng đang đi mỗi người một việc. Chỉ còn tui vừa vá lưới, vừa ra coi thuyền, chờ nước ròng đưa thuyền xuống theo. - Ông nhìn ra phía xa, nói: - Để hôm biển động, mời thầy đến xóm chài bày tui, muốn nghe mấy cũng được. Chuyện đi biển kể mấy ngày, mấy tháng cũng chẳng hết, thầy ạ.

Ông già đi thủng thỉnh xuống thuyền. Thầy Thành dẫn đám học trò đi lại chỗ mấy đứa bé trần trùng trục ngồi bệt dưới cát. Thấy người lạ, mấy đứa nhỏ sợ, vùng ra khỏi cát, chạy lùi từng bước, có hai em nhỏ tuổi nhất đứng im nhìn... Thầy Thành cười, nói:

- Chẳng ai làm gì các em đâu mà các em sợ. Các em đến đây, thầy và các anh, các chị cho kẹo.

Mấy em lớn máy máy bàn tay mềm mại, đám trẻ trở lại gần bên thầy Thành và các anh chị học sinh...

Thầy Thành đưa gói kẹo cho hai nữ sinh phát cho các em. Thầy đứng nhìn mấy em gầy ốm bé nhỏ nhất trong đám trẻ. Thầy hỏi:

- Em bé này chắc nhà đói lắm, phải không?



- Thừa, nhà nó đói, đói dữ, má nó vừa mới chết a.

Thầy Thành sập mi mắt xuống, lông mày rung rung. Thầy ngồi thụp xuống, bế xốc em bé lên vai. Nó hơi hốt, hai chân chuôi chuôi, lấm cả vạt áo trắng trước ngực áo thầy. Thầy dỗ dành:

- Về nhà em... thầy sẽ cho em nhiều kẹo mìn.

Thầy Thành bế em bé mồ côi cùng với các em học trò đi theo đám trẻ về xóm chài.

Khi qua giếng khơi, thầy đặt em bé mồ côi xuống. Mượn được một số gạo, thầy và trò múc nước tắm cho đám trẻ. Hai nữ sinh cuốn gọn tà áo dài quanh người, múc nước gội cho em bé nhất.

Thầy Thành vừa kỳ cọ cho các em, vừa dặn:

- Ngày ngày các em phải tắm cho sạch. Ăn uống đã khổ, người lại bẩn thì không lớn, không khỏe mạnh được. Ba má bận đi làm chài, đánh lưới thì em lớn tắm cho em nhỏ. Ở cùng xóm phải giúp đỡ nhau...

Một số bà con trong xóm thấy chuyện lạ chạy ra, nói bô lô ba la một chập: "Trời đất! Trời đất!... Mấy thầy, mấy cậu, mấy cô tốt bụng... tốt bụng quá lận! Có đời thuở mô người trên tỉnh sang trọng lại xuống cái xóm nghèo nước mặn này... Cho con nít kêu, tắm gội cho chúng nữa nhớ! Hiếm thấy! Hiếm thấy trên trần gian đó nghe..."

Bà cụ già móm mém nhìn những vết lấm lem trên áo thầy Thành, cụ cười, một nụ cười héo hắt chỉ còn lợi. Cụ cầm một miếng trầu, đặt vào thành giếng, trở sống dao dần dần. Thầy Thành đỡ lấy

tay cụ:

- Để cháu nhai giùm cụ, già kiểu này đã không mềm mà ăn lại lạt lẽo.

Bà cụ ngạc nhiên, hai mắt nhìn thầy Thành chăm chăm:

- Răng thầy trắng ngọc, trắng ngà mà thầy rành cả việc nhai trầu?

- Cháu thường nhai trầu cho bà ngoại của cháu, cụ ạ.

- Thầy thương trẻ, quý già. Lạ lùng lắm! Ước chi ông quan đầu triều, đức vua đầu nước có lòng thương người như thầy thì cánh dân đen bầy tui được mát mắt đôi ba phần!

Thầy Thành chấp tay xá xá bà cụ và những người xóm chài.

Trên đường về, thầy Thành nói với học trò:

- Các trò thấy đó, bà cụ sống trên cửa bể này đã rụng hết răng mà cũng không sắm nổi chiếc cối giã trầu! Cảnh dân mình khổ vậy đó. Thầy đi từ ngoài xứ Nghệ vô đây, nơi nào thầy cũng thấy người dân sống làm than, tối tăm, nhục nhằn! Thầy nghĩ là chúng ta học cái chữ để biết được điều hay lẽ phải trên đời và theo thầy, trước hết là học để biết và làm được những việc ích nước lợi dân...

Từ trong xóm chài cất lên tiếng vọng đưa và tiếng ru con:

*Sớm nam rồi đến chiều nồm,
Anh đi để lại biển buồn cho em...*



23

Thị xã Phan Thiết tắm nắng hoàng hôn. Cửa biển phơn phớt hồng. Chân trời tây như đám cháy lớn. Những đám mây ngũ sắc trải đều khắp bầu trời. Từng đàn dang sải cánh bay ngang trời như những mũi tên khổng lồ xía về hướng tây. Những đám trẻ con nô đùa dưới sân, nhìn lên trời bắt chước đàn chim dang, nắm tay nhau nhảy lò cò, hát líu lo:

Dang dang dứ dứ

Cánh nù nù nhau

Bay thật là mau

Qua trời qua bể.

Thầy giáo Thành đi dạo phố một mình, mắt lắng sâu những điều đang thầm nghĩ... Nhìn đám trẻ nhỏ nháy nhót hát ca, thầy Thành thấy niềm vui của các em lan vào lòng mình dịu dịu. Thầy cố lưu lại niềm vui nho nhỏ ấy trên dọc đường đi dạo ban chiều.

Bên bến sông. Thuyền đậu san sát, gôi mũi lên bờ. Có những con thuyền vừa cập bến, hoàng hôn nhuộm thắm cánh buồm. Thầy Thành đưa mắt quan sát từng con thuyền từ các phương xa tới ăn nước mắm Phan Thiết. Thuyền từ Sài Gòn, Gia Định, Sa Đéc, An Giang, Huế, Hà Nội... cập bến.

Thầy Thành dừng bước trước mũi những con thuyền từ Sài Gòn ra. Trên thuyền vắng vẻ, mọi người đã đi chơi phố, chỉ còn lại một người gác thuyền. Thầy Thành dạo bước dọc theo bờ sông,

nhưng mắt vẫn đoái trông về những con thuyền đã trải qua muôn trùng sóng nước vừa ghé bến nghỉ ngơi.

Người gác thuyền nhìn lên bờ thấy thầy giáo Thành thì ngờ ngợ như đã được gặp ở đâu rồi. Anh ta nhảy lên bờ, chạy theo thầy Thành:

- Thưa... thưa thầy... thầy ký!

Thầy Thành ngoái về sau, dừng bước:

- Anh gọi ai?

- Thưa thầy ký... tôi trông thầy quen lắm, hình như đã được gặp thầy ở một chỗ mô rồi.

- Tôi dạy học ở đây. Tôi không phải là thầy ký, thầy thông.

- Dạ... dạ, thưa thầy giáo, thầy dạy trường Dục Thanh à? Ô! Quý hóa quá. Thầy dạy học ở trường của các nhà hàng tâm hàng sản.

- Anh gọi tôi có chuyện gì không?

- Dạ... bẩm thầy...

- Ấy chết! - Thầy Thành đỡ lời. - Anh đừng thưa bẩm, tôi với anh đâu có khác gì nhau.

- Thưa thầy giáo, tui là phu khuân vác bến cảng Nhà Rồng. Thỉnh thoảng mới đi một chuyến ra đây ăn nước mắm. Tôi nhìn thầy rất quen mà chưa nhớ ra được.

Hai người bước dọc bờ sông. Trăng rằm ửng lên màu hoa mướp. Dòng sông loang loáng ánh bạc. Người phu thuyền thỉnh thoảng nhìn thầy Thành như để tìm kiếm nhớ lại một kỷ niệm xa xôi. Anh dè dặt hỏi:

- Thầy cỡ ra Huế lần mô không?



- Tôi đã học ở Huế.
- Rửa thì - người phu thuyền xoa xoa hai bàn tay - thầy học ở Huế năm mớ hề?
- Tôi ở Huế khá lâu. Tôi mới xa Huế cuối 1908

vô đây.

Người phu thuyền dừng bước, hai tay ôm chầm lấy cánh tay thầy giáo Thành:

- Thầy giáo ơi! Đúng là đây rồi! Tui đã không lầm. Thầy là người đã cứu tui lúc bị bọn lính Tây đánh đập đau. - Anh vén tóc: - Đây nè, vết sẹo ở góc trán nè, tôi quên rằng được người học trò đã xé áo của mình băng bó cứu tui... Đúng thầy là ân nhân của tui.

Thầy Thành đã nhớ ra người bị khủng bố trong cuộc xuống đường đấu tranh ở Huế hiện đang đi bên cạnh, nhưng thầy vẫn giữ thái độ bình thản. Thầy nói:

- Gặp cảnh ấy, với bất cứ ai còn nhớ nghĩa đồng bào thì đều xắn tay vào cùng chia sẻ. Cho nên, anh đừng coi người đã làm việc đó là ân nhân của mình...

- Thầy là người quân tử "thi ân bất cầu báo". Phần tui người được cứu giúp thì phải biết nhớ ơn, nhớ cả đời mình. - Anh chân thành và khẩn khoản: - May mắn cho tui được gặp lại thầy tại chỗ nè. Xin mời thầy quá bộ xuống thuyền tui để được hầu chuyện với thầy cho thỏa cái bụng của tui. Hiện thời dưới thuyền không có ai cả.

Thầy Thành bấy lâu ở Phan Thiết mà lòng đang ấp ủ một dịp đi thẳng vào Sài Gòn. Đây là cơ hội hiếm có. Thầy vui vẻ xuống thuyền và thân mật dặn:

- Tôi đã dự định đi vô Sài Gòn, rất muốn biết hiện tình trong đó ra sao. Nhưng anh đừng vội nói với ai việc tôi sẽ đi vô trông nhá.



- Thầy giáo cứ vững tin ở cái bụng tui. - Anh chỉ tay vào ngực mình. - Tư Lê nì đã một lần đổ máu bên cầu Tràng Tiền, thầy là đáng cứu khổ cứu nạn của tui từ lúc đó...

Hai người ngồi trên sạp ở khoang lái. Mũi thuyền vẫn gổi lên bờ sông. Bóng cây in xuống dòng sông vàng ngời ngời. Tư Lê lấy ra một chai rượu và hai chiếc chén con, cầm trên tay chén rượu sóng sánh ánh trăng, giọng xúc động:

- Thầy giáo ạ. Cái phận tui khổ nhục từ tám bé. Mẹ cha nghèo, có được ít sào ruộng, lệnh quan trên xuống trưng mua để xây công sở chi đó, họ cho được một ít tiền. Cha tui đưa vợ con ra kinh thành kiếm sống. Chưa tìm được việc làm, cha tui ngộ bệnh chết. Mẹ tui với hai bàn tay trắng, lại một nách hai con, sống vất vưởng ở giữa nơi kẻ chợ... Tui phải đi mần mướn từ lúc mới mười bốn tuổi. Hôm tui theo những người đi đòi bỏ xấu, bỏ thuế ở Huế là vừa tròn mười tám tuổi thôi. Và sau lần bị khủng bố ấy, tui phải trốn vô tận Sài Gòn để kiếm ăn và tránh bọn cò tầm nã. Mẹ và em gái tui ở lại Huế, thầy ạ...

Thầy Thành đặt bàn tay trên miệng chén rượu, đầu hơi cúi, tiếng nói buồn bã:

- Dưới cái gầm trời nước Nam mình sao toàn là cảnh đau khổ...

- Thầy giáo ơi! Ông trời cũng run rủi cho tui được gặp thầy. "Một lời thành bạn tương tri, một ngày nên nghĩa xương tủy trăm năm". Vậy xin thầy uống với tui một ly rượu lạt mừng cho cái

phận tui còn cố phước.

Thầy Thành nâng chén rượu, nói:

- Tôi không biết uống rượu. Gặp anh, quý mến tình anh, tôi uống với anh chén rượu dưới trăng đêm nay. - Thầy Thành đặt chén rượu xuống, tựa tay lên be thuyền, nói chậm rãi: - Anh Tư đã nói đến tình bạn tương tri, vậy tôi xin nói thật điều tôi đang ấp ủ.

- Trời đất! - Tư Lê thốt lên. - Thầy giáo hãy tin Tư Lê ní mà!

- Tôi tin nên mới ngỏ ý với anh là: buổi gặp nhau này tôi muốn kết bạn với anh và sẽ cùng anh vô cảng Nhà Rồng làm thợ.

- Trời trời! - Tư Lê nhồm người như muốn nhảy lên. Nhưng anh lại sững sờ: - Thầy là người có học thức rộng, làm nghề sang trọng, nhân hạ, được mọi người trọng vọng, tội chi mà dân thân vô đám cu li bầy tui?

- Tôi nghĩ là mình không thể nào tìm riêng cho mình một đời sống vương giả, trong lúc người dân xứ mình đang sống lam lũ, tối như đêm dày như đất, roi quan người ta trút xuống đầu, gậy quan người Tây nện xuống lưng và còn hàng trăm thứ áp bức, đè nén khác chòng chất lên thân họ.

- Tr... ời! - Tư Lê ôm chầm lấy thầy giáo Thành. - Tui xin rước thầy về với cánh thợ thuyền này! Cánh thợ xóm tui chơi được, thầy giáo ạ. - Anh nâng chén rượu vàng trăng: - Thầy ít uống thì cạn với tui ly này nữa, ta mừng cho tình đời thợ của ta bắt đầu...



- Từ giờ khắc này anh đừng gọi tôi là thầy giáo mà gọi tôi bằng tên thôi. Tên tôi là Thành, Nguyễn Tất Thành.

- Thầy đã cho phép vậy, tui sướng cái bụng quá. Nhưng thầy vốn là bậc đàn anh của tui.

Thầy Thành lắc đầu:

- Là bạn.

Tư Lê vẫn sôi nổi:

- Tui là thứ tư, muốn được gọi thầy là anh Ba. Anh Ba của tui, anh Ba của xóm thợ nay mai...

- Tôi nhận cái tên mà anh đã đặt cho. Nhưng tôi vẫn là bạn ngang hàng với anh chứ đừng xếp sắp ngòi thứ kè trên người dưới nó kỳ lắm.

Tư Lê giọng xúc động:

- “Một khi lòng đến với lòng, dù chênh dù lệch vẫn không nè hà”, anh Ba ạ...

Trăng đã ghé về tây. Những người đi chơi phố đã lác đác trở về thuyền. Tư Lê tiễn anh Ba lên bờ. Trăng in bóng anh Ba thấp thoáng xa dần.

*

* *

Tiếng trống trường Dục Thanh ngân trong sương sớm. Chim hải âu sải cánh trên cửa bể mù xa.

Học trò hăm hở vào các lớp. Từ trong phòng “từ hàn”, thầy hiệu trưởng Nguyễn Quý Anh ngạc nhiên hỏi:

- Thầy Thành bữa nay đến muộn? Lạ quá! Chắc thầy mệt.

Một thầy giáo đỡ lời:

- Chắc là thầy có việc chi đó chứ chiều qua thầy vừa đến chơi, thăm hỏi gia đình các ông trong hội đồng quản trị công ty kia mà?

- Phải rồi. - Nguyễn Quý Anh nói. - Bữa qua, thầy Thành cũng chơi khá lâu ở bên nhà tôi lúc chập chiều. Thầy còn bàn với tôi việc lập thư viện của trường để học trò có nhiều sách đọc. Sau đó thầy sang bác Lợi vừa đi công cán ở Mũi Né về.

Các thầy giáo đều đến đông đủ trong phòng thầy hiệu trưởng, ai cũng ngỡ ngàng trước việc vắng thầy Thành.

Học trò ở các lớp cũng bắt đầu xôn xao:

- Thầy Thành đi đâu từ đêm qua?

- Thầy Thành bị ốm chắc?

- Thầy Thành gặp chuyện chi không lành?

Vừa lúc đó, ông Hồ Tá Bang đến, vẻ mặt buồn buồn. Ông đi thẳng vào phòng thầy Nguyễn Quý Anh. Các thầy giáo đứng xúm xít quanh ông, dọc hành lang; ngoài sân cỏ, học trò tụm năm tụm ba nhìn nhau, vẻ mặt em nào cũng ngỡ ngàng.

Ông Hồ Tá Bang nói thông thả:

- Mới tức thời tôi được tin người nhà cho hay, sáng nay thầy Thành không đến phòng trà dùng trà và ăn điểm tâm. Tôi định ninh thầy hiệu trưởng và các thầy đã biết được thầy Thành có việc phải đi?

Thầy Cửa bán khoán nói:

- Gần đây tôi thấy thầy Thành tư lự nhiều, thầy thường đàm đạo hiện tình đất nước với các ông Nguyễn Huệ Chi, Trần Lệ Chất. Tôi thỉnh thoảng cũng dự nghe.

- Tôi cũng ngỡ ngợ cái điều mà thầy Của nhận xét: thầy Thành gần đây có một tâm sự khác với lúc thầy mới đến trường. Lúc nào thầy có chút thì giờ là bàn đến chuyện: có con đường nào cứu được nước nhà thoát khỏi vòng nô lệ?

Ông Hồ Tá Bang định nói thêm điều gì thì ông già Tám, người chăm lo cơm nước cho thầy Thành, cầm hai phong thư chạy đến, vẻ mặt ngơ ngác:

- Các thầy ơi! Thầy Thành để thư lại trong phòng đây ạ.

Mọi người đồn cả về phía ông già Tám.

- Thầy Thành để thư ở chỗ nào? - Thầy hiệu trưởng hỏi.

- Thưa... tui lật gối lên thấy hai phong thư, tui không biết chữ, nhưng dám chắc là thư thầy Thành để lại, tui cầm chạy vội tới đây...

Thầy hiệu trưởng đọc to lá thư của thầy Thành gửi lại Ban bảo trợ trường và các thầy giáo của trường. Mọi người ngồi lặng nghe.

Thầy hiệu trưởng Nguyễn Quý Anh nói:

- Việc thầy Nguyễn Tất Thành rời trường Dục Thanh ra đi theo tiếng gọi của lý tưởng, đó là điều vui lớn chứ chẳng có gì để chúng ta phải băn khoăn.

Ông Hồ Tá Bang nói:

- Cái chậu thủy tinh nuôi được con cá vàng, không thể nuôi được giống cá còn. Chiếc lồng sơn nuôi chim họa mi, chim hoàng yến, không thể nuôi được chim đại bàng. Trường Dục Thanh của chúng ta không thể là nơi luyện chí anh hùng của thầy Nguyễn Tất Thành. Tôi đã cảm chắc cái điều ấy ngay từ những ngày đầu cạo ấm Thành bước chân tới đây...

- Để các trò khỏi phải chờ sốt ruột, tôi muốn mời Hồ tiên sinh công bố phong thư thầy Thành để lại cho học trò.

Tiếp lời thầy hiệu trưởng, mọi người đôn mắt về ông Hồ Tá Bang.

- Phải rồi. Mời tiên sinh, mời tiên sinh tuyên đọc (đọc) cho các trò nghe...

Học sinh từ các lớp đã xếp hàng tề chỉnh trên sân trường. Ông Hồ Tá Bang đứng trên thềm cao, phía sau ông là các thầy giáo. Ông nói:

- Các trò nhớ bình tâm, tĩnh trí để nghe cho rõ rành những lời thầy Nguyễn Tất Thành để lại cho các trò trước lúc ra đi.

Mắt các em mở to chớp chớp, đợi chờ. Giọng ông Hồ Tá Bang sáng và ấm:

Các trò thân yêu! Thầy biết là các trò rất yêu mến thầy. Nhưng thầy không thể ở lại trường Dục Thanh dài hơn nữa, dạy thêm cho các trò những bài học, kể thêm những câu chuyện cổ tích, chuyện đời xưa cho các trò nghe. Thầy phải đi, đi rất xa. Ước mơ một ngày mai nước nhà độc lập tự do kêu gọi thầy dẫn

bước ra đi. Cho nên thầy để lại lời từ già mà không tiện gặp đầy đủ các em trước lúc lên đường! (Trong hàng ngũ các em có nhiều tiếng thút thít. Ông Hô Tá Bang giọng đọc cũng nghẹn ngào). Thầy ra đi nhưng lòng vẫn hằng mong các em là những trò giỏi của trường, con ngoan của gia đình, ra đường biết kính người già, nhường em nhỏ, yêu quý mọi người...

Các trò thương mến, thầy đi xa, lòng vẫn nhớ, vẫn gần các trò. Thầy đã không kịp mua sách, thầy để lại hai đồng bạc góp vào quỹ thư viện trường Dục Thanh của chúng ta.

Chúc các trò tấn tới!

Hồn nước gọi chúng ta lên phía trước!

Ngày... tháng 10 năm 1910

Nguyễn Tất Thành

Ông Hô Tá Bang và các thầy giáo bồi hời nhìn học trò. Học trò mắt ướt nhìn ngẩn ngơ bốn phía kiếm tìm...

Những áng mây nhuộm nắng ban mai bay ra biển xa xăm.

III - TUỔI HAI MƯƠI

24

Thuyền chở hàng của Tư Lê từ Phan Thiết trở về Sài Gòn lúc đêm khuya. Mặt sông loang loáng bóng đèn, thành phố đèn điện sáng như sao sa. Anh Ba ngơ ngàng hỏi:

- Đèn để sáng suốt đêm khắp các phố phường hả anh Tư?

- Dà... đèn đường thấp từ chạng vạng đến sáng ngày hôm sau đó, anh Ba.

- Thảo nào mà trên các báo họ không ngớt khoe: “Xứ Nam Kỳ trực trị” của nước Đại Pháp và “Sài Gòn là thành phố văn minh chẳng kém thành phố của các nước trên thế giới”.

- Tôi chưa được ra Hà Nội nên không rõ ở ngoài mở mang cỡ nào, chứ Huế vô đây thì Sài Gòn là thành phố Tây hóa số một, anh Ba ạ. Sớm mai về nhà chú già Đờn, sau đó tôi đưa anh đi coi phố. Giờ anh chọn ngủ lấy một lúc kéo mệt, nghe anh Ba.

Đêm mùa khô, nằm trên sông nước Sài Gòn, anh Ba cảm thấy mát dịu như nằm trước cửa bể Phan Thiết đêm hè. Anh không có cảm giác một chút nào cái khí hậu mùa đông. Sang tháng mười, ở ngoài xứ Nghệ dịp này đã rét, gió đông bắc tràn về. Anh ngẫm về những lời Tư Lê nói: Sài Gòn



không có thời tiết bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, mà chỉ có mùa mưa và mùa khô...

Một đêm khô qua đi nhanh chóng. Một Sài Gòn tràn trụi, ồn ào bày ra và choán hết tầm mắt anh Ba. Trên lối về nhà ông già Đờn, Tư Lê đưa anh Ba qua bến cảng Nhà Rồng. Một sự xôn xao mới dấy lên trong tâm trí lúc anh Ba nhìn thấy những con tàu viễn dương sừng sững đậu trước cửa sông, nhả khói trắng lên bầu trời. Anh Ba nín lấy bàn tay Tư Lê, dừng lại ngắm những con tàu mà anh cảm thấy như từng dây phớ nổi nổi nhau dằng dặc dài. Đằng mũi, sau lái con tàu hai cột buồm cao ngất nghểu, những dây chằng như bộ rễ cây đa cổ thụ cắm xuống đất sâu. Giữa tàu đột khởi lên một hình khối giống như một tòa nhà nhiều tầng mà nóc của nó là cái tháp chuông.

Anh Ba giọng băng khuâng:

- Loại tàu cá mập này tuồn vào bụng nó vô số là người, là của, anh Tư nhỉ.

Tư Lê chỉ tay khắp cảng:

- Anh Ba coi, mọi sản vật ở xứ mình đều được đưa về đây để tuồn vô cái bao tử (dạ dày) loài cá mập ấy đó.

Anh Ba nhú cặp lông mày, trước mắt anh hình ảnh những người thợ già, thợ trẻ, phụ nữ, trẻ em đông như kiến cỏ, quần áo bê bết đất cát, mồ hôi tràn qua mặt, đầm đìa xuống cổ cháy đen, và trên lưng họ những kiện hàng cao chát ngất.

Anh cảm thấy xót xa lúc một ông lão quần chiếc khăn rằn, bộ râu sém nắng dài xuống ngực, cả đến cặp lông mày cũng bị nắng tấp vàng hươm,

mắt ông như muốn lồi ra mỗi lần ông gò lưng kéo chiếc xe bò chất đầy những bao bì căng như bụng bò chứa. Một thiếu phụ khoảng ngoài ba mươi tuổi đẩy sau xe ông lão. Vấp phải một đoạn dây xích, bánh xe bị kênh nghiêng, một bao bì trên nóc xe lăn bịch xuống đất, đứt dây khâu, gạo đổ vung ra. Người thiếu phụ la: “Bể bao rồi, ba ơi!” Hai cha con ông lão hốt vội gạo vào bao. Anh Ba và Tư Lê cũng chạy đến giúp một tay. Người thiếu phụ má ửng đỏ, mắt e thẹn không dám nhìn thẳng hai người lạ giúp đỡ cha con mình. Ông lão vừa chăm bàn tay hốt gạo, vừa nói:

- Ổn hai thầy quá. Thầy Hai coi nì... - Ông vừa nói vừa chỉ tay về phía con tàu: - Mẹ chúng nó! Gạo xứ mình, chúng nó hốt về nước chúng nó.

Một gã cao lớn, cầm gậy song uốn cong cổ hạc, mặt hầm hầm sấn đến, nói giọng Bắc:

- Đồ chó đẻ! Đồ chó đẻ! Chúng mày làm ăn thế này, ông sẽ cúp lương, đừng có kêu oan.

Người thiếu phụ phản trần:

- Lỡ ra chớ ai muốn vầy mà thầy Hai la lối dữ vậy?

Tên cai giờ gậy dọa:

- Lỡ lỡ cái tổ cha chúng mày.

Người thiếu phụ lùi lùi, lưng tựa vào xe, đầu đụng phải đồng bao, búi tóc bị sổ xuống, dải khăn rằn rơi lòa xòa quanh vai. Ông lão mím chặt môi, tay nắm, nhìn chăm chăm vào mặt tên cai. Anh Ba, Tư Lê cũng phẫn uất đứng sát bên ông lão. Tên cai hạ tay roi xuống, vẻ gờm mặt ông lão. Ông giờ hai cánh tay lực lưỡng ra trước mặt, bấp



thịt cuộn lên như sóng lượn, ông gần từng tiếng:

- Tụi qua⁽¹⁾ có phải chết thì cũng hết nhục, hết cái kiếp làm thân con bò. Các người ức hiếp quá lắm. Con giun xéo lắm phải quăn chớ.

Tên cai nhìn ông lão và liếc mắt qua anh Ba, Tư Lê, về tên mặt. Có một tốp thợ khuôn vác đang tới. Hấn sợ, im lặng bỏ đi.

Anh Ba, Tư Lê giúp cha con ông già cột kín bao gạo chất lên xe rồi mới đi. Hai cha con ông lão vừa nói: “Đa tạ hai thầy” vừa nhìn anh Ba với vẻ ngờ ngợ vì một thanh niên tuấn tú, quần áo sang trọng mà lại “lạc bước” vào bến cảng này.

Anh Ba đi bên cạnh Tư Lê, nói:

- Anh Tư thấy chưa? Phải cứng đầu như ông già thì bọn cây quyền cây thế mới chùn tay ăn hiếp, anh Tư ạ.

- Cả đến bọn chủ Tây cũng nể mặt anh em phu cảng Nhà Ròng này chứ không dám hống hách như ở những nơi khác, anh Ba ạ.

Ra khỏi bến cảng, đi trên đoạn đường hành lang hình cánh cung, anh Ba băn khoăn hỏi:

- Sao không gọi là cảng Sài Gòn mà lại đặt tên là Bến Nhà Ròng, hả anh Tư?

Tư Lê vỗ vai anh Ba, chỉ lên nóc ngôi nhà lợp ngói vảy rồng. Trên nóc nhà có hai con rồng châu mặt trời đắp bằng xi măng. Tư Lê giải thích:

- Đi trên bộ hoặc đi đường thủy, lúc gần vào bến, người ta nhìn thấy ngay ngôi nhà trên nóc có

(1) Đại từ nhân xưng của người lớn tuổi hơn.

hình hai con rồng: Do vậy mà có tên là Bến Nhà Rồng, anh Ba ạ.

Anh Ba mỉm cười nhìn về Nhà Rồng: một đôi cu gáy từ trên ngọn cây dừa vừa chợp cánh lao xuống đậu lên đầu rồng giữa nóc nhà ám màu thời gian...

Qua những bãi rác sinh lầy, con đường vào xóm càng vào sâu càng quanh co, gấp khúc, có nhiều nhánh rẽ hai bên như cái xương cá. Ở đầu một ngã tư, có mấy hàng xén, hàng quà... Đằng sau các cửa tiệm nho nhỏ ấy là những túp lều gối nhau như bát úp. Anh Ba hơi ngỡ ngàng với cái “thế giới hang chuột” này. Anh Tư Lê vui vẻ:

- Cây mận (cây doi) kia rồi. Nhà chú Út có cây mận bự làm cột tiêu cho cánh thợ đi về không thể lạc được.

Anh Ba nghiêng nghiêng nhìn vào ngôi nhà nép gọn dưới bóng cây doi. Anh lần nhớ lại lời giới thiệu của Tư Lê về cuộc sống “gà trống nuôi con” của cha con ông già Đờn.

Chẳng mấy ai rõ tên ông già là gì mà chỉ quen gọi bằng tên người con gái út là Huệ. Nghe nói, ông là một người giàu có ở miền châu thổ sông Tiền, vì thua kiện bị phá sản. Vợ chết, hai người con trai cũng bị chết bệnh liên tiếp trong mấy năm. Ông buồn phiền bỏ quê nhà, đưa con gái út lên sinh sống ở Bến Nhà Rồng. Vì ông đờn hay, anh em thợ gọi luôn là ông già Đờn. Ông làm phu khuân vác. Cô Út Huệ lo việc cơm nước cho ông và nấu cơm giúp cho một số công nhân không có gia đình. Thỉnh thoảng cô Út Huệ cũng ra cảng



nhận việc làm công nhật với cha.

Anh Ba theo Tư Lê bước qua rãnh, rẽ vào cái ngõ hun hút như ống áo. Anh đứng khựng lại lắng nghe tiếng đàn nhị từ trong mái nhà tranh bay ra réo rắt. Tư Lê nói khẽ:

- Ông già Đồn đồn đó anh Ba. Lúc ông già đồn là lúc ruột gan ông bời hơi, nước mắt thường đọng ngập bờ mi. Gặp lúc đó, đừng chào hỏi chi vì ông đang nhập thần vô cây đàn. Tôi đã thừa chuyện anh với ông và Út Huệ rồi.

Hai người bước vào nhà. Ông già Đồn ngồi xếp bằng trên cái sập gỗ, tay đang nắn nốt cung đàn, mắt lơ đãng nhìn và gật đầu đáp lễ anh Ba. Dưới nền nhà trải chiếc chiếu mộc, mấy anh thợ trẻ đang nằm gối đầu lên nhau, lưng trần đen như da chum. Họ đang ngậm trên môi điệu thuốc tổ sâu. Thấy Tư Lê đưa khách về, mặc dầu đã được báo trước, họ vẫn nhìn anh Ba với con mắt lạ lùng. Hai anh thợ ngồi dậy, tựa lưng vào vách, mắt vẫn nhìn anh Ba. Họ ngạc nhiên về một anh da, tóc, mặt mày, chân tay và áo quần thuộc lớp người “ăn trắng mặc trơn” mà lại lạc loài vào xóm thợ này! Nhưng có đôi mắt sáng, nhìn hiền và ấm áp làm cho lòng họ cảm thấy dễ mến và dễ gần. Út Huệ đang thổi cơm dưới bếp lấp ló nhìn lên nhà.

Tư Lê đến cửa bếp, nói nhỏ:

- Cô Út cho anh Ba và tôi ăn cơm nghe.

- Thầy Ba, - Út Huệ thì thầm - thầy Ba học thức, kiểng trai quá trời mà... mà vô đây chịu nổi sao, anh Tư?

- Vậy mới là một người hiếm thấy chớ, cô Út.

Anh Ba vừa bắt chuyện với ba anh thợ vừa lắng vào trái tim mình tiếng đàn và lời ca của ông già Đờn: *Kéo neo... kéo neo tàu chạy... Gạt nước mắt... nước mắt tiễn đưa... Thương người đi... người đi muôn trùng sóng vô...*

Ông già buông lời ca, tay đàn, ngồi thừ và nhìn đau đáu ra ngõ hẻm. Ông treo cây đàn lên và ngồi xuống bên anh Ba. Ông đặt bàn tay rám nắng vào vai anh Ba, nói tiếng chắc nịch:

- Ủa! Thầy Ba Nghệ⁽¹⁾ đã về thấu đây ta!

- Dạ, cháu về với anh Tư từ ban nãy mà chú. Vì chú đang say đàn. - Anh Ba nói.

- Anh ba muốn thưa chuyện với chú - Tư Lê nói - nhưng chú còn đỡ tay đờn, ảnh chưa dám trò chuyện...

- Ồ... phải rồi. Thầy Ba là người tai mất nên biết trọng thú vui của người khác. Bấy nhiêu đó đủ để qua đây tôn kính rồi đó!

- Thưa chú, - anh Ba nói - cháu đã được anh Tư Lê cho biết về tấm lòng chú và cô Út cũng như tình của anh chị em xóm thợ, do đó cháu tìm đường từ ngoài miền Trung vô đây.

Ông già đỡ lời ngay:

- Khôi... khỏi dài dòng nghe thầy Ba. Thầy Ba đã từng là ơn nhen (ân nhân) của Tư Lê thì thầy Ba sẽ dám xả thân cứu những người khổ đau khác. Thầy Ba là hạng người "Lục Vân Tiên" rồi.

Ông già Đờn ca luôn một đoạn thơ Lục Vân Tiên:

... *Vân Tiên ghé lại bên đàng,*

(1) Cách gọi thân mật: anh Ba người Nghệ An

Bể cây làm gậy nhấm làn xôi vó.

Kêu rằng: Bớ đảng hung đồ!

Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân...

...

Dứt khúc ca, ông già Đờn ôm choàng anh Ba vào vòng tay, mắt ông ánh lên niềm xúc động:

- Khỏi phải bày tỏ gì mà bấy nhiêu câu Lục Vân Tiên đã nói đủ cái lòng của người già này đối với thầy Ba. Thầy Ba về đây với tụi tui. Chặt nhà, rộng bụng mà...

- Chú Út ơi! - Anh Ba xúc động - Chú đừng gọi cháu là thầy. Chú hãy coi cháu như anh Tư, như các anh đã ở trong nhà chú.

- Rồi... rồi..., được rồi. Đã nghĩ về nhau như vậy thì già này gọi thầy là anh Ba, hoặc gọi là anh Ba Nghệ, đều một nghĩa trọng cả mà. Út... à! - Ông già gọi con gái.

Từ dưới bếp, Út Huệ thưa dịu dàng:

- Dạ... ạ! Ba gọi con có việc chi, thưa ba?

- Con làm cơm lâu vậy?

- Xong rồi, thưa ba. Nhưng con đợi ba đờn hết bài đã mà.

- Trời đất! Con nhỏ này hồng sáng ý chi trội hà. Bữa này có anh Ba về, cần ăn cơm sớm để ảnh nghỉ ngơi chút rồi còn đi coi phong kiểng Sài Gòn chớ...

Tiếng ông già chìm đi giữa tiếng nói ồn ồn của anh em thợ.

*

* *

Anh Ba đội cái mũ nan to vành và đi đôi dép bằng lốp xe kéo của ông già Đờn. Út Huệ ở trong bếp ngó ra, mỉm cười vì vóc người học trò của anh Ba chẳng ăn nhập với cái thứ dép, mũ “cu li” của ba mình. Ông già và đám thợ trẻ thì khoái chá cười:

- Coi bộ ngon hén!

Anh Ba cười hơi ngượng ngập:

- Ở Sài Gòn có nhiều xưởng máy không hả anh Tư?

- Sài Gòn là đất “Nam Kỳ trực trị”, coi như một tỉnh của nước Pháp, cho nên được tự do nhiều thứ. Vì vậy mà ngành công nghệ ở Sài Gòn đã dựng lên nhiều xưởng máy, nhưng là của người Tây, chứ của người Việt mình chưa có.

- Là những xưởng gì đó anh Tư?

- Tui hông rành hết Sài Gòn, chỉ quanh quanh miệt sông này, nên biết có xưởng Ba Son, xưởng Xi-mác, xưởng Pha-xi, xưởng Xít...

- Các xưởng ấy chế tạo những máy móc gì. Anh Tư có biết không?

- Tất cả các xưởng chỉ làm cái việc sửa chữa, chứ đâu chế tạo ra nổi máy móc. Như Ba Son thì sửa chữa tàu nhà binh, xưởng Xi-mác ở bên kia sông, sửa chữa các tàu loại bụi, vượt đại dương. Còn xưởng Pha-xi sửa chữa các tàu loại nhỏ. Riêng cái xưởng Xít chuyên sửa xe hơi.

- Chúng mình xin vào làm thợ ở xưởng Ba Son, có khó lắm không anh Tư?

- Đâu cỡ được, anh Ba. Muốn vô đó phải là



lính thợ, hoặc đã học ở trường Bá nghệ được kén chọn làm lính thủy, chứ đâu có dễ, anh Ba.

Anh Ba nhìn vào quân cảng, lắc đầu. Hai người thùng thỉnh đi qua các phố trung tâm Sài Gòn. Tư Lê nói nhỏ:

- Vô tiệm giải khát, ăn kem cho mát rồi hăng đi, anh Ba.

Anh Ba hơi ngỡ ngàng, hỏi:

- Kem là món ăn có đắt lắm không mà chúng mình vào tiệm, hả anh Tư?

- Một thứ giải khát bình dân nhứt, anh Ba ạ. Chỉ cần một cắc (hào) thì hai anh em mình ăn đến phát rét lên.

Anh Ba vẫn chưa rõ món kem là loại thức ăn gì mà rẻ vậy, lại ăn nhiều thì “phát rét lên”.

Bước vào cửa hàng giải khát, anh Ba hơi choáng ngợp trước cảnh đông đúc, nhiều người mặc đồ sang trọng xen lẫn với vô số người lao động mình trần, quài đùi, chân đất, khăn rằn vắt vai, ngồi cò đậu trên mặt ghế ăn những cốc kem, que kem hơi bốc trắng. Anh định nhìn món ăn còn bốc hơi này hẳn là nóng sốt. Trong lúc đợi cô hầu bàn đem kem đến, anh Ba hơi ngạc nhiên nhìn lên trần nhà, nói nhỏ:

- Cái máy gió quay tít quá anh Tư nhỉ?

Tư Lê cười:

- Quạt máy đó anh Ba. Còn gọi là quạt trần nữa.

- Ồ! Phải rồi. Tôi đọc sách Pháp thấy tả về những cái quạt trần, quạt bàn, nhưng bây giờ mới

nhìn thấy nó. - Anh lại ngược nhìn quạt trần, nói:
- Thế này thì văn minh hơn các thứ quạt hầu ở
chốn cung đình và ở các nhà quan...

Cô hầu bàn bưng khay kem cốc đến. Anh Ba
cũng cảm thấy lạ mắt về bộ áo choàng trắng, mũ
trắng, tất tay trắng của người con gái hầu bàn.
Anh đưa mắt nhìn cách ăn của Tư Lê. Anh cảm
thìa con xúc một miếng, hơi kem bốc lên thơm
phức. Anh thụt lưỡi đặt thìa kem xuống, mắt chớp
lia lia.

- Chà! Lạnh cóng cả miệng, anh Tư ơi!

Tư Lê che miệng và cố nén cơn cười bất ngờ.

- Anh cứ ăn đi, chỉ lạnh một miếng đầu. - Tư
Lê nói. - Ăn miếng đầu thì cảm thấy lạnh, còn sau
nữa là cái mát thấu khắp người mà, anh Ba.

Anh Ba ăn nhón nhén. Anh gật gật đầu: “Á!
Thì ra đây là cờ-rem (crème), một món ăn rất
thông thường của người Pháp mà tôi đã gặp trong
sách”.

Thưởng thức xong món kem, ra khỏi cửa hàng
giải khát, anh Ba nói với Tư Lê:

- Đúng là trăm nghe không bằng một thấy, anh
Tư ạ. Học và đọc sách mà không được nhìn tận
mắt, bắt tận tay thì chỉ mới là biết cổ một nửa
thôi. Cho nên, một số ông quan đại thần đi sang
Pháp về nói có thứ đèn chúc ngược xuống mà dầu
không đổ ra, người ngồi trên xe hai bánh đạp, lái
đi bon bon mà không ngã, vua Tự Đức cho là đi
xa về nói láo, khép tội “khí quân” (đối vua) cũng
là điều không đáng trách, phải không anh Tư?

- Đời là cái bể. - Tư Lê đáp. - Ai biết hết được mọi việc trên đời đâu, anh Ba.

Hai người lại im lặng đi và quan sát. Bàn chân chưa quen cọ xát với thứ dép lốp xe cao su, anh Ba thỉnh thoảng phải cúi xuống sửa lại dép.

Tư Lê đưa anh Ba đến xem những công trình của người Pháp xây dựng. Anh Ba trầm ngâm nhìn tòa nhà thờ Đức Bà và đi qua đi lại khá lâu quanh khu tòa án đồ sộ. Anh Ba và Tư Lê rảo bước đến dinh thống đốc, qua tòa đô chính... Anh hỏi Tư Lê:

- Anh Tư ở Sài Gòn đã lâu, thường đi qua những tòa nhà đồ sộ này, có khi nào anh để bụng coi việc người Pháp họ xây dựng lên những thứ đó với mục đích gì không?

Tư Lê hơi bối rối. Anh ngược nhìn tòa nhà cao như tìm kiếm cái điều anh Ba hỏi nằm đâu trên đó. Anh nói như than vãn:

- Trời... đất... quỷ thần ơi! Anh Ba hỏi thằng em này cái điều tối hệ trọng ấy thì chết chớ trả lời sao nổi - Tư Lê chùng giọng: - Hồi tui mới vô Sài Gòn, cũng đi xem kiếng phố với chú Út và thằng Sáu Đen. Sáu Đen là cái cha chười thề giữa bữa ăn đã bị chú Út rầy hấn một chập hồi mai đó anh Ba.

- Minh nhớ rồi. - Anh Ba nói.

- Anh biết không, - Tư Lê nói - lần đầu tiên Sáu Đen trông thấy tòa thống đốc, ngợp mắt đã thốt lên: "Cha trời! Người Tây họ cất nhà nguy nga vậy, Sài Gòn mình đẹp tuyệt trần rồi". Chú Út ục

luôn một quả đấm vào vai Sáu Đen và mắng liên: “Mày nói gì mà ngu quá vậy Sáu? Họ cất nhà, xây dinh thự là để họ ở mà cai trị, mà đề đầu cỡi cổ dân mình chứ đâu phải để làm đẹp cho thành phố mình”.

Anh Ba nắm chặt tay Tư Lê:

- Anh Tư ơi! Anh nói bấy nhiêu... mà cũng chỉ bấy nhiêu đã đủ. Nói như cụ Nguyễn Du: “Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri”. Chúng ta xem từng ấy công trình mở đầu của người Pháp tại Sài Gòn, ta thấy: Năm 1877 họ xây dựng nhà thờ Đức Bà. Năm 1881 họ xây dựng tòa án. Năm 1885 họ xây dựng dinh thống đốc. Năm 1900 họ xây dựng tòa đô chính. Rõ ràng, người Pháp đến xứ mình, việc xây dựng đầu tiên không phải là những công trình phúc lợi cho dân mà là nhà thờ, nơi gom phần linh hồn, thứ đến là xây tòa án để trừng phạt thể xác dân mình, và xây nơi đầu não của bộ máy cai trị.

- Ở ở... - Tư Lê đắc ý - Anh Ba chữ nhiều có khác. Với con mắt còn bỡ ngỡ, anh chỉ nhìn qua một lượt các công trình mà đã đọc thấu tận mưu đồ của chánh phủ đối với “xứ Nam Kỳ trực trị” này. Thực tình, biết bao người hằng ngày đi qua đi lại nhà thờ, tòa án... nhưng để mấy ai đã nhìn nhận ra được cái bề trong của nó, anh Ba?

Trời về chiều. Đường phố càng đông đúc. Các tiệm ăn hội tụ đủ những hạng người. Anh Ba vẫn chưa hết ngỡ ngàng với Sài Gòn: Người Hoa nhiều nhan nhản! Tiệm ăn, tiệm giải khát, hiệu

thuốc bắc, hàng tấm, hàng xén, hàng vàng bạc, nhà thầu, khách sạn, nhà trọ và cả những thứ hàng rong đủ các tiếng rao nghe chẳng hiểu nổi. Anh Tư Lê cứ phải làm cái công việc “thông ngôn” lại cho anh Ba trên dọc lối đi qua.

Trên đường về qua đôn Tây, mà người Sài Gòn gọi là bót Ca-ti-na, anh Ba và Tư Lê bàng hoàng nhìn thấy những tên cảnh sát Tây, cảnh sát ta lôi về đôn hai người bị trói cánh khuỷu, máu bê bết từ đầu xuống chân, không còn đi nổi nữa. Anh Ba nghe những người qua đường hỏi nhau:

- Hai người có tội gì mà họ hành hạ ghê gớm vậy?

- Về tội ăn cắp, bị bắt ở chợ Bến Thành.

- Hổng biết có thiệt là ăn cắp không, chỉ nghe hô lên: “Kẻ cắp! Kẻ cắp...” là cả trăm người xúm lại đánh kẻ đó. Rồi mả tà ập tới lập công vậy đó.

Không dám nhìn hai nạn nhân, anh Ba kéo tay Tư Lê quay về xóm thợ. Anh nói nhỏ với Tư Lê, giọng ghen ngào: “Kẻ ăn cướp cả giang sơn mình, cướp cả nòi giống mình thì chẳng thấy ai hô hào đứng lên đánh đuổi!”

25

Từ những ngày đầu đến Sài Gòn, anh Ba luôn luôn tìm hướng đi ra một phương trời xa khác để thực hiện ước mơ lớn, nhưng anh vẫn canh cánh

bên lòng việc đi tìm gặp cha. Anh định ninh cha mình đã rời huyện đường Bình Khê vào Sài Gòn từ ngày anh còn dạy học ở Phan Thiết.

Một ngày chủ nhật, anh tìm đến nhà Diệp Văn Kỳ, người bạn chí thân từ tuổi tóc trái đào ở Huế. Diệp Văn Kỳ bàng hoàng khi gặp lại Nguyễn Tất Thành và thốt lên:

- Ô! Ai như... anh Thành! Anh Nguyễn Tất Thành!

- Thành đây. Kỳ đã không nhận được ra mình kia à?

- Trời... đất! - Diệp Văn Kỳ dài giọng. - Nếu hồng có hai con mắt sáng như sao thì đã làm anh là một cha cu li rồi! Chứ ai đây dọa anh mà dữ vậy?

- Minh. Minh tự nguyện đến với cuộc sống này.

- Không hiểu nổi! Thầy, một bậc đại khoa, bỏ quan trường, làm ông lang đi lang thang ở các hiệu thuốc bắc. Anh, một cậu ấm con quan, một học trò của “Thiên đường trường học” Huế, một thầy giáo trường Dục Thanh, tự nguyện làm “cu li” để rồi đi đến đâu?

- Đi đến chân trời mơ ước. - Anh Ba vừa cười vừa nói.

Diệp Văn Kỳ cũng bật cười theo, nhưng vẫn chưa hết ngạc nhiên:

- Cái chân trời mơ ước! Mơ ước của anh để rồi làm một đức Chúa hay đức Phật của thời đại mới hay sao mà anh phải đổi giá tu luyện đắt dữ vậy?

- Làm người trung chính ở giữa cái thế gian này còn chưa ăn nhằm gì hưởng hồ mơ làm một thứ siêu nhân nào đó vô nghĩa anh ạ.

Qua cái phút bất ngờ, Diệp Văn Kỳ bình tâm lại:

- Anh Tất Thành à. Với tình bạn thiêng liêng, Kỳ hỏi thiệt, thâm tâm anh đã dứt việc học, quyết đi làm nghề thì tôi sẽ lo liệu được nơi làm đáng để anh đua tài chứ không thể chịu cái bề anh đi làm “cu li” vậy được. Nhất là... thầy, thầy mà biết anh tự dày dọ mình kiểu này, lòng thầy buồn phiền biết chừng nào...

- Không sao đâu, anh Kỳ ạ. Cha tôi đã từng dạy anh em tôi: “Ở đời nghề nào cũng tốt, không có nghề xấu mà có người xấu, có người tốt. Ông quan tham những của dân là kẻ bất nhân. Người lật phận bón ruộng, người đốt than trên ngàn kiếm sống đều là những người lương thiện”. Tôi muốn được gặp cha, thăm sức khỏe và chuyện trò với cha ít phút, anh ạ.

- Được rồi. Ở đây dùng cơm trưa xong tôi đưa anh đến chỗ thầy ở. Giờ này thầy còn khá bận với đám khách đến xin thầy bắt mạch, cho toa (đơn thuốc).

- Tôi vừa ăn cơm xong. Hôm khác tại mình sẽ vui “tẩy trần” một bữa với nhau mà.

Kỳ phúi phúi bụi trên vai áo cho anh Ba, giọng trêu mếu:

- Hiện thời anh ở đâu vậy, anh Thành?

- Tôi ở xóm thợ, gần Bến Nhà Rồng. Ở mà... vô đây tôi không còn gọi tên Thành nữa. Gọi là

Ba, nghe thuận hơn.

- Phải rồi. Người trong này ưa gọi bằng thứ hơn là gọi tên lót ở, anh Ba ạ. - Kỳ như chợt nhớ ra: - Ở này, anh là con thứ ba của thầy thì phải gọi là Tư chứ?

- Tôi nhận kết nghĩa anh em với một anh thợ ở Bến Nhà Rồng. Anh là Tư, tôn tôi lên là Ba, anh Hai ạ. - Anh Ba gọi thân mật Diệp Văn Kỳ.

- Hì hì... - Kỳ cười giòn. - Ai đã gặp anh là dính như thép gần đá nam châm vậy. Ngay cái ngày còn chơi trong sân cỏ thành nội Huế, hề văng anh là cả buổi chơi ấy tẻ ngắt. Anh còn nhớ có đạo Công tôn nữ Huệ Minh đã ghen tị với tôi vì được anh kết thân hơn không?

Anh Ba cười:

- Cái thời trẻ con ấy sao nhiều thú vị và trôi qua mau ghê. Ngày chúng mình gặp nhau lần đầu, mới đó mà đã mười bốn mười lăm năm rồi!

- Gần đây - Kỳ hỏi - anh Ba có gặp Công tôn nữ Huệ Minh không?

- Lúc còn nô đùa trên sân, cùng đuổi bắt chuồn chuồn, bắt bướm ngoài vườn nó khác với khi đã là cô gái có bao nhiêu bức tường ngăn cách! Hơn thế, Huệ Minh là hàng công tôn, chúng mình phải biết dừng bước trước những bậc thềm chênh lệch, anh Hai ạ.

Hai người im lặng, cùng hồi tưởng về một thời thơ ấu trong thành nội. Kỳ tâm sự:

- Ba má tôi đã muốn cột tôi vô cái “xiềng” gia thất, anh Ba ơi!



- Chắc hai bác... “nhắm” Hạnh cho anh, phải không?

- Trời đất! Anh Ba tài quá ta!

- Có gì là tài. Ngày còn ở kinh đô Huế, mỗi lần tụ này đến chơi đảng nhà anh, hai bác khen Hạnh hết lời. Còn anh thì ba má của Hạnh cứng quá trời mà!

- Anh Ba nè, - Kỳ dè dặt - hoàn cảnh của tôi, việc lập gia đình sớm hay muộn cũng chỉ là theo lẽ thông thường. Còn anh... tôi rất xót xa mỗi bận trông thấy thầy sống vất vưởng một mình. Cha tôi đã nhiều lần mời thầy về dạy học, nhiều người đã nghe danh tiếng của thầy. Nhưng thầy chối từ. Thầy thích đi lang thang đến các hiệu thuốc Phúc Sinh Đường, Tam Thiên Đường, Thiện Phúc Đường... để coi mạch cho các con bệnh. Ai đưa cho thầy bao nhiêu tùy lòng. Mà thầy cũng chỉ lấy đủ tiền ăn của ngày hôm đó, còn ai đến sau thầy chỉ coi mạch giùm. Người ta đồn: “Quan phó bảng Huy sống như chim, nay ăn trái cây ở rừng này, mai ăn ở rừng khác, không để dành của cải cho ngày sau...” Cảnh tình của thầy như vậy, thiết tưởng anh phải lập gia đình sớm để thầy...

- Chết chửa! Không ngờ, - anh Ba vẻ ngạc nhiên - không ngờ anh Hai mà cũng nghĩ rằng cha tôi đợi con cái lập gia đình để có nơi nương tựa?

- Nè anh Ba! - Kỳ siết chặt tay anh Ba. - Tôi hiểu nhơn cách của thầy, của anh lắm chớ. Địa vị, tiền tài, thầy coi các thứ đó là đồ bỏ đi. Thầy đã từng dạy:

Nhân sinh nhược đại mộng

Thế sự như phù vân

Uy thế bất túc thị

Xảo hiểm đồ tự hại

Giới chi! Giới chi!(1).

- Sao anh còn khuyên tôi lập gia đình sớm?

- Tôi biết không có một thứ sức mạnh nào ngăn nổi chí hải hồ của anh. Cho nên tôi bàn với anh cái kế lấy vợ để có người thay anh săn sóc cha già thì anh mới yên cái bụng mà lo việc lớn được.

- Thiệt không ngờ... thiệt không ngờ - anh Ba ôm lấy vai Kỳ vừa cười nói, vừa lắc lay - anh xui đại tôi đi làm cái việc dã man ấy.

- Trời... đất... quỷ thần ơi! Sao lại coi việc lập gia đình là “làm cái việc dã man”, anh Ba?

- Lấy vợ thì phải làm tròn cái nghĩa, cái tình chồng vợ chứ lại bắt người ta thay mình gánh vác mọi việc để mình rảnh chân bay nhảy! Làm như vậy là cột một người con gái vào cái cửa buồng nhà mình. Dã man quá chứ, anh Hai!

- Thì ông già bà già tôi cứ biểu tôi: “Muốn học lên các lớp trên hay đi du học đều được hết. Nhưng phải cưới vợ cho có đôi có lứa đã”. Bà già tôi còn nói: “Con trai có vợ như con thuyền có bến”. Tỉ như:

(1) Đời người như giấc mộng lớn

Việc đời tựa mây trôi

Uy thế không đủ để cậy

Gian trá là tự hại mình

Rắn đấy! Rắn đấy!



*... Anh lấy em về lo liệu trăm đường
Để anh buôn bán trẩy trường tung hoành.
Cha mẹ già em sẵn sóc thay anh...*

Anh Ba giọng nghiêm, buồn buồn:

- Quan niệm về đường hôn nhân của các cụ, ta coi trọng, nó thuộc về thời đại của các cụ. Nhưng, chúng mình phải biết chọn lựa cái gì hay thì học, chứ không thể nào lại làm theo cái cũ kỹ của ngàn xưa ấy được.

- Anh Ba đã nói đến vậy, tôi càng chịu cái sự nhìn xa, trông rộng của anh. Vậy ra anh... - Kỳ chùng giọng - anh đi tìm gặp thầy là chỉ cốt để thăm sức khỏe của thầy?

- Cha tôi mong tôi đi xa, làm nên việc ích nước lợi nhà. Người không ưa con cái bằng lòng với cuộc sống nhỏ hẹp, Người càng ghét sự bịn rịn, sự yếu đuối trong tình cảm. Dù vậy, tôi còn ở đây ngày nào là còn tìm đến thăm cha, anh Hai ạ.

- Thầy không ở một chỗ nhất định. Nơi thầy thường lui tới nghỉ ngơi, là chùa và lữ quán⁽¹⁾ Nam Đồng Hương ở đường A-mi-ran Cuốc-bê. Anh đợi lúc chiều tối đến những nơi đó, đừng đến tiệm thuốc bắc gặp thầy, không tiện lắm.

- Tôi cũng nghĩ thế...

*

* *

(1) Quán trọ

Thành phố lên đèn. Những người không gia đình, đủ hạng tuổi, nằm, ngồi trên hè phố ngổn ngang, nhếch nhác. Một vài người giành chỗ tốt đang cãi nhau om sòm. Có người nằm gối đầu lên một khúc gỗ thường kê hàng, chân gác vắt vẻo lên thùng hàng, ca một giọng ca buồn nẫu ruột...

Anh Ba rẽ vào con đường Cuốc-bê. Hai ba cô gái từ trong bóng tối, dưới mái hiên đi ra đón mời: “Em mời thầy Hai... mời thầy Hai vô chỗ em... Xài tốt mà hổng mắc tiền... Đi với em nghe thầy Hai...” Anh Ba ớn xương sống suốt co chân chạy khỏi đám gái giang hồ. Nhưng thấy có nhiều người đi qua đi lại, anh trấn tĩnh được và lẳng lẳng bước đến lữ quán Nam Đồng Hương.

Một ông lão ngồi coi hàng ngay trước cửa thấy anh Ba ăn mặc quần áo đặc sệt dân “cu-li”, liền xua tay:

- Quan phó bảng tối nay không về đây nghỉ. Chắc chú mày đến mời quan đi coi mạch cho người bệnh hả?

- Dạ, không ạ. Cháu đến thăm sức khỏe của ông phó bảng Huy thôi ạ.

- Chú mày quen quan phó bảng à?

- Vâng ạ.

- Tối mới hãy đến nghe. Tao sẽ thừa trước với quan phó bảng cho. À! Mà tên chú mày là gì?

- Tên cháu là Thành ạ.

- Làm thợ ở hãng nào đó?

- Dạ... cháu làm ở Bến Nhà Rồng ạ.

- Khá hăng. Trông người như học trò mà chịu



chơi cái nghề phu bốc vác là có chí anh hùng đó chứ.

- Cháu cảm ơn ông, cháu xin đi ạ.

- Rồi... Rồi. Tối mời đến đây gặp quan phó bảng Huy, heng.

Cả đêm nhớ cha, anh Ba trần trọc cho tới sáng hôm sau. Anh không đợi tối mới đến lữ quán Nam Đồng Hương tìm cha. Anh nghỉ việc buổi sáng, đi thẳng đến hiệu thuốc bắc Tam Thiên Đường, tại đường Đét-xpa-nhơ (d'Espagne). Anh đi đã khá sớm mà lúc tới nơi, người bệnh đợi xin đơn thuốc trước cửa hiệu thuốc đã đông rồi. Anh Ba đứng khuất trong đám người bệnh, ông phó bảng Huy mãi xem mạch, không thấy được người con trai thứ hiện đã có mặt ở bên ông. Hai mắt anh cứ muốn trào lệ khi nhìn thấy hình hài cha tiêu tụy, chiếc áo năm thân sờn vai, vá hai miếng ở cùi chỏ, quần tai tượng⁽¹⁾ chỉ dài quá gối, chiếc khăn rằn cũ vắt qua vai. Ông ngồi ở cái ghế đầu, bên cạnh là chiếc bàn đọc nhỏ, để nghiên mực, giấy bút. Ông xem mạch xong quay sang phía bàn viết đơn thuốc; bệnh nhân tự đưa đơn vào quầy hàng cân thuốc, thanh toán tiền với chủ hiệu Tam Thiên Đường.

Anh Ba đợi một lúc lâu lâu, nhân khi người đến khám bệnh đã vãn, anh bước đến bên cha. Ông phó bảng Huy nhìn lên. Anh Ba xúc động:

- Cha! Cha!

(1) Kiểu quần cạp rộng, có hai má như tai voi để thắt thay dây rút

- Thành... Thành đó à! - Ông đứng dậy. - Con vô đây từ bao giờ?

- Thưa cha, con mới vô ạ.

Ông chỉ tay về chiếc ghế mà bệnh nhân thường ngồi để ông xem mạch:

- Con ngồi xuống đó!

Anh Ba nhắc ghế chếch sang bên cạnh cha và ngồi xuống. Anh vẫn còn chưa hết xúc động, giọng còn hơi run:

- Bấy lâu sức khỏe của cha... có được...

- Con đừng bận tâm về cha. Cha mong đợi ở con những điều khác chứ không phải mong đợi sự săn sóc của con. - Ông hỏi đột ngột: - Hôm nay con đi đâu mà ghé lại đây?

Mắt anh Ba rơm rớm lệ:

- Con đi tìm cha ạ.

- Nước mắt, con lo tìm đường cứu nước. Con tìm cha lúc này chẳng có nghĩa lý gì.

Anh Ba hai mắt lấp lánh nỗi đau nhìn mái đầu cha đã ngả màu tiêu muối:

- Thưa cha, con không bao giờ dám sao lãng lời cha dạy, cha ạ.

Anh Ba định nói thêm với cha về dự định những công việc của mình thì một ông già mặc bộ đồ lụa tơ tằm màu mỡ gà rộng thùng thình, chống gậy trúc bước đến, lễ độ thưa:

- Bẩm quan lớn!

Ông phó bảng ngạc nhiên nói:

- Tôi còn đợi quan tài chứ có còn đâu cái quan



lớn, quan bé nữa mà quý ông thừa với bẩm.

Anh Ba đứng lên nhường ghế cho ông khách.
Ông phó bảng chìa tay mời:

- Xin quý ông ngồi tạm.

Ông già vẫn giữ lễ phép:

- Bẩm quan! Đã là quan thanh liêm thì dù chỉ ngồi ở ghế quan trường một ngày cũng để lại tiếng thơm trong lòng dân mãi mãi không hề phai. Kẻ tham nhũng thì dù đang ngồi trên nóc nhà quan, dân đã hạ xuống gót giày đi giữa thế gian. Với lòng kính mộ quan phó bảng cho nên kẻ lẩn thẩn này mới dám nói những lời sỗ sàng ấy.

- Thưa quý ông, - quan phó bảng Huy sửa lại cổ áo, nói - xin hẹn ông sáng hôm sau tới đây tôi sẽ xem lại mạch và trừ đơn, giờ thì tôi đang có chút việc bàn với con trai tôi.

Ông già nhìn anh Ba:

-Ồ! Chào cậu ấm.

- Cháu không dám. Cháu đã chào cụ ban nãy ạ.

- Anh Ba đáp lại.

Ông già nói khoan thai:

- Thưa quan phó bảng, tôi đến yết kiến quan xin được biết nhà để đưa chút lễ bạc lòng thành đến tạ ơn quan đã chữa cho tôi, con gái tôi khỏi bệnh.

- Cảm ơn ông đã có tấm lòng nghĩ đến tôi. Nhưng, xin ông miễn cho kẻ hàn sĩ này cái việc lễ lạt ấy. Nước mất, tôi đâu còn nhà nữa! Cha con tôi sống nay đây mai đó, ông ạ.

Nghe cha nói với ông già, anh Ba hơi cúi đầu, bàn chân anh gí mũi dép xuống đất, hai mắt anh nhiều lên những tia đom đóm muôn màu.

Ánh nắng xẻ dài đường phố. Bóng cây in xuống bên đường nơi anh Ba đứng.

26

Ba người ra khỏi ngõ hẻm, Út Huệ nói với cha:

- Xem chợ Tết, đừng để anh Ba đi bộ, cha ạ.

- Ừ. Tao cũng đã nghĩ cái việc đó. Con gọi xe tay đến, mau đi!

Anh Ba vẽ bản khoán:

- Đừng gọi xe nữa, cô Út ạ. Ta đi bộ lên phố, đâu có xa là bao.

- Hừ, - ông già Huệ giục con gái - cứ gọi xe, Út! Lội bộ lên tới phố Sạc-nè⁽¹⁾, phố Mặc - Má-hồng⁽²⁾ bỏ hơi tai rồi còn sức đâu mà đi coi kiểng Tết?

- Mình là dân thợ mà ngồi xe cho người khác kéo, coi bộ kỳ quá, chú Út ạ!

- Dề. - Ông già phát bàn tay lên vai anh Ba. - Gì mà câu nệ vậy Ba? Cả tháng, cả năm chúng mình đã làm tội tở. Lúc năm cùng, tháng tận này chúng mình lên ngôi ông chủ, bà chủ ngồi xe dạo

(1) Phố Nguyễn Huệ bây giờ

(2) Đường trước nhà thờ Đức Bà



phổ mới vui chớ! - Ông già hạ giọng: - Có kẻ còn dám chơi “nhứt dạ đế vương” cơ mà.

Anh Ba đành cười trừ. Ba người cùng bước lên xe ngồi: ông già và anh Ba ngồi trong thùng xe, cô Út Huệ ngồi dưới sàn, nơi để chân của hai người ngồi trên. Lần đầu tiên ngồi trên xe kéo, anh Ba cảm thấy ngỡ ngàng. Ông già dặn:

- Lên tới chợ Bến Thành, Út đi sắm đồ rồi về trước. Còn cha với anh Ba mày đi dạo xem bông (hoa), xem cây kiểng ở Sặc-nè, Mặc-Má-hồng đó nghe.

Út Huệ trước lúc nhập vào dòng người bên chợ Bến Thành còn dặn với cha:

- Đưa anh Ba đi coi bông Tết, ba nhớ về sớm kẻo ảnh mệt và con đợi cơm đó, nghe ba...

Anh rất đổi ngạc nhiên giữa ngày giáp Tết mà nóng nực, mồ hôi như mỡ rán. Mắt anh ngợp trước những “núi” trái cây dọc chợ Bến Thành. Anh không ngờ về mùa đông, ngày Tết mà lại có nhiều dưa hấu như mùa hạ ngoài Bắc. Anh Ba tấm tắc:

- Chà... chà... trái cây cứ như củi lứt ấy. Vào đây cháu mới thấy được sự giàu có của đất Lục tỉnh, chú Út ạ.

- Sản vật của Lục tỉnh đưa về đây mới chỉ một phần thôi. Có dịp chú đưa cháu đi thăm miền châu thổ của Cửu Long Giang, cháu sẽ sướng cái mắt, mát cái bụng về một vùng đất đai giàu có của Tổ quốc mình. Tiếc là... tiếc là - ông già giọng bồi hồi - ở trên đời này hổng có được sự

công bằng, nên chỉ giữa nơi của cải như núi vẫn có nhiều người phải chạy ăn từng bữa, cháu ạ.

- Dạ, - anh Ba giọng hồi tưởng - cha cháu thường nói cái điều chú vừa nói với các ông quan to mà cháu nghe lỏm hồi nhỏ: “Công bằng viễn lộ hà xứ thị”.

- Quan phó bằng thân sanh của cháu nói vậy là cháu còn tin ở trên đời còn có công bằng, nhưng đến đó đường quá xa không biết nơi nào mà tìm.

- Cháu cũng nghĩ thế. Dù có xa mấy, chúng ta cũng phải tìm, phải xây dựng nên một xã hội công bằng, chú Út ạ.

- Hì hì... - Ông già cười và phát lên vai anh Ba ầu yếm. - Những đầu óc nhiều chữ thường tưởng tượng ra các thứ thiên đàng mê hoặc lòng người, cháu ạ. Chú cứ gẫm cái điều cần cặn đã thấy là: Nước lớn nuốt nước bé. Kẻ mạnh ức hiếp người yếu. Giống như bầy cá dưới sông dưới biển, như bầy thú trên rừng trên núi ấy...

Anh Ba định trao đổi thêm với ông già Đồn, nhưng không khí đường phố ngày Tết đã choán lấy anh. Những chậu cảnh với hàng trăm loại cây có dáng điệu dị kỳ và các thứ hoa Tết hút tầm mắt anh không rời nổi chúng...

Ông già Đồn chưa rõ anh Ba thích chơi hoa gì trong dịp Tết. Ông ước hỏi:

- Cháu có ưa cắm cành mai ở bàn thờ Tết không?

- Tết năm nào nhà cháu cũng có một cành đào phớt cắm lọ để trên bàn thờ và một cành mai để ở án thư, nơi cha cháu khai bút đầu năm, chú ạ.



- Trong này hông có cành đào. Chú cháu mình rước một cành mai về cho vui nhà ngày Tết, nghe cháu.

- Cháu cũng đang cố tìm một cành mai mà đâu thấy, chú?

- Trời... đất... ời! -. Ông già kéo dài giọng, chỉ tay về phía hàng hoa ngay trước mặt anh Ba. - Bông mai đây nè, kia kìa, vàng ngợp mắt mà cháu biểu hông có.

- Cháu muốn tìm thứ mai khác, loại hoa mai vàng này cháu đâu còn lạ, thưa chú.

- Chứ từ nãy giờ cháu nói về loại bông mai nào?

- Dạ... mai trắng. Ngoài quê cháu, hoa mai trắng chứ thứ mai vàng này thì ở Huế rất nhiều, chú ạ.

- Hóa ra chú cháu mình có lúc trò chuyện với nhau mà cứ như Tây nói với Tàu ấy hề. Hì... hì...

Cả hai người cùng cười. Ông già Đồn mua một cành mai chỉ chút những nụ chúm chím sắc vàng. Anh Ba đón cành mai từ trên tay ông già và nâng niu đưa về xóm thợ lúc thời gian chao đưa gấp gáp của ngày cuối năm...

Ba ngày Tết, những nỗi buồn về cuộc sống xóm thợ cứ đọng mãi trong tâm trí anh Ba: quanh năm họ ăn đói, mặc rách, làm đâu tất mạt tối dành được đồng tiền, bát gạo thì dồn cả vào mâm cỗ ngày Tết. Làm mâm cỗ cốt để thi thố, còn ăn thì ít mà thiêu thối đổ đi không thương tiếc. Thậm chí họ đi vay nợ, nhận khoán việc lĩnh tiền trước để có nhiều tiền chuốc rượu uống như uống nước.

Và suốt ngày đêm họ đăm đuổi vào canh bạc đỏ đen.

Sáu Đen, Chín Mập chỉ ăn cỗ tối ba mươi ở nhà ông già Đờn, còn suốt mấy ngày Tết, cả hai người vui đầu trong sòng bạc. Anh Tư Lê thì ăn ít miếng, cùng anh Ba giúp Út Huệ dọn dẹp rồi ra cảng làm bốn tiếng, tiền công được gấp ba lần ngày thường, món tiền anh Tư Lê sẽ gửi thêm về Huệ giúp mẹ chống đói giềng hai. Ông già Đờn ghét cái tệ cờ bạc, ông vui đầu vào ngón đàn để quên mọi đắng cay. Ông chỉ kiêng đàn đêm giao thừa và sáng mồng một. Ông đi mừng tuổi, chúc Tết những người thân buổi chiều mồng một, còn nữa là vừa uống rượu vừa đàn. Ngón đàn say bao nhiêu, ông uống rượu vào nhiều bấy nhiêu và nước mắt lại đổ dài thấm ướt ngực ông.

Cô Út Huệ suốt mấy ngày trong bếp. Mặc dầu cha và các anh thợ “không gia đình” nương nấu trong nhà mình ăn chẳng là bao, cô vẫn phải làm cỗ ngày hai lượt cúng mẹ và gia tiên. Những lúc ông già vừa đàn vừa uống rượu vừa khóc, Út Huệ nước mắt hoen trên má, giọng khản khản:

- Năm mới xin ba đừng đờn những bài buồn, ba đừng khóc mà xui cả năm, ba ơi!

- Cuộc đời này có gì vui mà con ngăn ba đờn bài buồn, đừng khóc, hử con gái cưng của ba?

- Thưa ba, đời đã nhiều khổ đau thì nên “bán buồn mua vui” như lời anh Ba nói hôm mới tới nhà mình ấy ba.

- Ủ ừ. Con muốn vậy thì cha đờn và ca cho con nghe câu ví von của anh Ba này nói.



Ông vận lại dây đàn. Lời ca và tiếng đàn du nhau theo gió sớm trong ngõ hẻm: *Măng... đang... nấu... cá... ngạnh... nguồn... Đến... đây... ta... phải... bán... buồn... mua... vui...*

Lời ca, tay đàn dứt, ông già nâng ly rượu nhấp từng hớp nhỏ, mắt đắm lệ nhìn ra ngõ hẻm tối thui. Út Huệ tay nhào bột làm bánh, mắt đắm chiêu, má lúm đồng tiền như dấu chấm phẩy ẩn hiện, gợi dây trên làn môi hồng một nụ băng khuâng về câu ca dao của anh Ba mà cha mình đã thuộc lâu và ca theo điệu hò Đồng Tháp.

Anh Ba ngồi bên cạnh mai sắc vàng rực rỡ. Anh xốn xang lòng về ngón đàn của ông già Đờn. Tay anh vẫn lục tìm trong chồng báo cũ, báo mới của Diệp Văn Kỳ đưa anh đọc dịp Tết. Anh hớn hở, mắt lấp lánh niềm vui đọc đi đọc lại mục quảng cáo trong báo: “Hãng tàu Nhà Rồng không chạy đường Sài Gòn - Ma-ni nữa mà chạy đường Sài Gòn - Tua-ran - Hải Phòng - Xanh-ga-po - Cô-lông-bô - Gi-bu-ti - Po Xa-ít - Mác-xây - Boóc-đô - Lơ Ha-vơ-rơ - Đoong-kéc”. Anh cuộn trang báo, cầm trong tay, mắt nhìn xa xăm. Ông già lại lên dây đàn ca tiếp:

Rồng chầu ngoài Huế... Ngựa tể Đờn Nai... Nước sông trong sao lại chảy hoài... Thương người nho sĩ... lạc loài... đến đây...

Anh Ba sững sờ về câu ca của ông già Đờn. Anh chạnh lòng bỗng nhớ về cố hương, nhớ ông già Xẩm mù hai mắt đã ca bài về Đức ông trước mặt Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý lúc tiễn cha của anh vào Huế học thi đại khoa. Lời bài về

ấy lúc này cứ văng vẳng trong tâm trí anh cùng với lời ca của ông già Đồn.

*

* *

Tiết xuân mà nắng như dội lửa khắp mặt đất. Bến cảng Nhà Rồng bụi bay la đà như làn khói mỏng. Hơi nóng bốc hầm hập. Người, hàng, xe cộ tập nập trên bến, dưới tàu. Nhiều dòng người khuôn vác hàng từ kho xuống tàu, dài như đàn kiến dời tổ chạy lụt.

Sáu Đen và Chín Mập tiếp tục vác món hàng bốc dở của ngày hôm trước ở sân kho Hai. Ở sân kho Bốn, ông già Đồn lưng trần, đầu quấn khăn rằn, đứng thế chân chèo, một tay nắm đai, một tay đỡ giữa thân bao bì, ông nhún người về trước, lấy đà nâng gọn cả khối hàng nặng lên ngang tầm vai mình. Anh Tư Lê ghé vai đón lấy bao hàng nặng trĩu trên tay ông già, công đi xếp lên xe bò. Út Huệ ghé lưng tiếp vào đón lấy bao hàng ở tay cha. Anh Ba như bị tối mặt lại trước cái bao hàng quá lớn đè lên lưng Út Huệ mảnh mai! Anh rất mến phục Út Huệ; từ một cô bé con nhà giàu được cha mẹ nâng như nâng trứng, húng như húng hoa, vì gia đình sa sút, thân phận Út Huệ đã trượt theo với số phận của mẹ cha, nhưng Út Huệ đã cùng cha đứng vững đáng Con Người giữa cuộc đời khổ ải.

Đến lượt anh Ba, khoác ngoài tấm bao bì cũ, anh ghé lưng dưới tầm tay của ông già Đồn. Tư Lê



mỉm cười khích lệ nhưng không giấu hết vẻ ái ngại cho anh Ba.

Ông già Đồn vác bao bì lên vai mình lại đặt xuống đất, vỗ vỗ bàn tay lên lưng anh Ba:

- Thiệt tình chú... chú cảm cảnh cho cái lưng học trò của cháu!

- Dẫu sao - anh Ba nói - cháu vẫn là con trai, sức dài vai rộng mà chú. Cháu làm tới tới rồi cũng quen “ăn no vác nặng” như anh Tư Lê, anh Sáu Đen, anh Chín Mập, chú Út ạ.

Ông già Đồn lại vác bao tải đầy đặt lên lưng anh Ba, nói:

- Thầy cháu tự làm khổ mình. Thà như cánh này, dứa bị cướp ruộng, dứa bị thất cơ lỡ bước phải bỏ quê nhà ra đây chịu cảnh đầu lem dít lọ này.

Anh Ba đi hơi liêu xiêu những bước ban đầu. Út Huệ toan chạy lại đỡ giúp anh một tay. Nhưng anh Ba đã giữ được thăng bằng và bước đi vững chãi. Ông già nhìn theo anh Ba, mỉm cười tin tưởng. Tư Lê thở phào nhẹ nhõm. Út Huệ lưng na một khối hàng to hơn sức vóc của mình, đi bên cạnh anh Ba. Mắt cô ánh lên niềm xao xuyến, nhìn thấy những vệt mồ hôi đầm ướt trán, tràn qua mặt, qua cổ và thấm ra lưng áo anh Ba. Cô càng xót xa thấy từng giọt mồ hôi trên trán nhỏ xuống mu bàn chân anh đang bị rộp lên vì đôi dép “cu-li”.

Trời về chiều, mặt sông Sài Gòn loang loáng vàng. Bụi khói quánh quện nắng chiều màu tro. Đám người như bầy cá quẫy trong dòng nước đục

lờ. Cha con ông già Đồn và Tư Lê nhoad người đun chiếc xe bò chát ngất hàng do anh Ba đang tập cầm cang lè lết trước cửa sông hướng ra đại dương mù mịt...

Đem cuối xuân trôi nhanh qua cảng Nhà Rồng.

Nắng lại xối nóng xuống khắp mọi nơi. Con sông Sài Gòn khác nào giống quái vật đang trườn dưới nắng, mà cửa cảng là mồm của nó đang há hốc đợi nuốt mồi đưa tới.

Một nhóm thợ lực lưỡng, có cả Sáu Đen, Chín Mập đang ken tay vào quay tời trước bến. Mặt họ đánh lạnh và những bắp thịt cánh tay nổi lên như sóng cuộn.

Anh Ba người ướt mồ hôi, lưng cồng kiện hàng cao. Mỗi bước anh đi, bàn chân chèo các ngón ra ngoài đế dép cao su. Đằng sau anh là ông già Đồn, Tư Lê. Đi trước anh là Út Huệ. Nhưng mắt anh vẫn hướng về những con tàu sắp rời bến ra đại dương... Chẳng may cái quai dép móc vào ngón chân trở bị tuột, mũi dép gập trái xuống đường, anh bị ngã. Hú vía! Cái thùng hàng trên lưng anh văng ra một bên. Anh nằm sóng soài trên mặt đất. Ông già Đồn hét hoảng:

- Trời đất! Ba... Ba...!

Tư Lê, Út Huệ đặt vọi kiện hàng xuống, chạy đến anh Ba. Tư Lê lại vấp ngã... Tóc Út Huệ sỏ xuống, bày lòa xòa ra đằng sau. Hai mắt như hai chiếc lá đào non sương đậu long lanh. Cô gọi liú cả lưỡi:

- Anh B... a sao vậy?... Anh Ba!

Ông già giọng bình tĩnh:

- Đừng rồi lên Út.

Ông già bế anh Ba vào chỗ bóng mát. Mắt anh hoa đom đóm. Ông già và Tư Lê vội mở khuy áo anh, rồi xoa ngực, nắn bóp tay chân anh. Út Huệ



dốc cả chai nước nguội vào tấm khăn rằn đắp lên trán anh Ba. Mái tóc dài từ đầu Út Huệ như dòng suối đổ xuống mặt anh Ba. Ông già cau mày rầy con gái:

- Mày vô ý, quá vậy Út. Con gái phải gọn cái tóc cái khăn chớ.

Út Huệ bối rối, phân trần:

- Dạ, con đâu còn khăn cột tóc nữa ba?

Anh Ba mở choàng mắt. Bất chợt anh có cảm giác gương mặt Út Huệ như một búp sen từ đầm sen quê nhà hiện đến.

Ông già bảo Huệ:

- Anh Ba mày đỡ đỡ rồi đó, con về trước lo cơm nước, còn mười thùng hàng tụi tao ở lại hót gọn rồi về sau...

Sương chiều buông xuống từ bên Thủ Thiêm trắng đục mái rừng. Tiếng còi tàu rung rinh sông nước.

Đứng lên, chưa hết choáng váng, anh Ba đi còn phải vịn vai Tư Lê trên đường về xóm thợ. Mắt anh vẫn ngoái nhìn đắm đắm về phía những con tàu viễn dương với bao hy vọng xa xăm...

Đêm xóm thợ ngọt ngào. Anh Ba đau người ề ề và nóng bức không ngủ được, trần trọc... Tiếng trẻ con khóc thét, khóc nhè, khóc mớ... Tiếng người già ho khù khụ, kéo dài từng hơi.



Tiếng quạt muỗi phành phạch và giọng chửi đồng về cái nóng bức trời không gió, phố không điện: “Nóng thấy mồ mà trời giữ gió để rồi làm bão tố hại người. Còn cái thằng chủ sở điện nó giữ điện để cung phụng cho bọn quan to, cho bọn đầu hói bụng bự rục mỡ ở trên các phố lớn chứ nó đâu có động lòng về cái cảnh sống của đám người ở cái xóm như ổ chuột này!...”.

Anh Ba cảm nhận lời chửi độc ấy không quá đáng. Cái bọn ở biệt thự có vườn cây râm mát, có sân cỏ rộng, không bụi bặm, không tiếng ồn lại còn quạt trần, quạt bàn... Còn đám dân nghèo thì chui rúc, nhận đủ các thứ bẩn thỉu tối tăm...

Anh Ba dậy sớm. Anh uống với ông già Đờn hết ấm trà. Anh Tư Lê, Sáu Đen và Chín Mập không thích uống trà - cả ngày làm ngoài cảng, tối về họ uống một chén rượu say li bì, ngủ sớm. Những hôm lĩnh lương thì Sáu Đen, Chín Mập lại rủ nhau lăn vào sông bạc.

Sáng nay, ông già Đờn, Tư Lê, Sáu Đen, Chín Mập tiếp tục ra cảng. Út Huệ nhận tiền của anh em thợ vừa lĩnh lương, cô ở nhà đóng gạo và mua sắm một bữa ngon hơn thường ngày.

Anh Ba tranh thủ lúc trong người còn mệt, đi vào phố, tìm đến các ki-ốt⁽¹⁾ báo để đọc những

(1) Quán (bản sách báo)

quảng cáo, mục rao vặt và đến những ngã ba, ngã tư, thường gọi là bùng binh, cũng để xem các quảng cáo... Anh sốt ruột, tìm cách đi ra nước ngoài càng sớm càng tốt.

Anh đi phố mà lòng rung rung về câu nói với cha của Út Huệ! “Con đâu còn khăn cột tóc nữa ba?”. Anh nhẩm lại món tiền dành dụm để lúc đi xa sẽ phải cần đến. Anh ghé vào cửa hiệu tạp hóa, mua một khăn rằn, một cặp khăn mùi soa. Anh thấy lòng mình hé lên một niềm vui nho nhỏ: Út Huệ sẽ có hai vuông khăn để thay đổi buộc tóc và tắm khăn rằn trùm đầu che nắng.

Anh còn mua thêm một bộ dây nhự và cái vĩ. Anh thương ông già Đồn mỗi lần lên dây nhự phải lựa đoạn dây tơ không có nút nối và cái cần rung đã nứt dọc, ông phải lấy sợi đồng thau mảnh bó nén lại. Anh tự nhủ: Mình có quà cho cha con chú già Đồn mà chẳng có chút gì cho số anh em thợ ăn cùng mâm, ngủ cùng giường, không đành lòng chút nào. Anh bước khoan thai đến quầy bán rượu mua hai chai Cô-nhắc. Anh cười thầm: Nói như chú Út Đồn cũng có lý: “Cả tháng cả năm đã làm cu li, vậy thì chúng mình cũng có lúc xài sang như ông chủ được lắm chứ”.

Trên đường về, anh Ba đi qua nhà sở cảnh. Nhiều công nhân đến lĩnh lương đứng rải rác dọc



via hè, trong các quán nước. Cha con ông già kéo xe bị rơi bao gạo mả anh gặp hôm mới đến đây cũng đang đứng thần thờ ở một góc đường. Người con gái hỏi cha, về thất vọng:

- Họ cúp lương, ta sống bằng gì, hả cha?

Ông già lắc đầu:

- Mẹ chúng nó. Chúng nó cúp lương chứ chẳng cúp được cái đầu này đâu mà sợ. Ta còn đầu, còn tay thì ta không thể chết đói ở trên mảnh đất này đâu, con ạ.

Anh Ba bước đến bên ông già, đặt vào bàn tay ông món tiền:

- Bác cầm tiêu tạm trong lúc gặp khốn khó. Gọi là của ít lòng nhiều, bác ạ. Ông già cầm lấy tay anh Ba. Người con gái của ông mắt rưng rưng lệ nhìn anh. Ông già bị xúc động mạnh, giọng hơi lạc đi:

- Cậu là ai? Tên gọi...? Ở miền nào đến đây mà tốt bụng vậy?

- Dạ, thưa bác, là dân thợ với nhau thì phải biết thương nhau...

- Ồ! - Ông già gật đầu - Là... là dân thợ với nhau... Ồ! Cảm ơn cháu. Cháu đúng là người trẻ mặt mà không non dạ.

Anh cúi chào hai cha con ông già, bước đi vội vã. Cha con ông già đứng tần ngần nhìn theo anh.

Anh Ba đi vào đầu ngõ thì Sáu Đen đi làm về

chạy tới ôm choàng lấy anh:

- Trời đất ơi! Anh Ba sắm lễ để tết ai mà sang quá ta?

- Đâu có chuyện đó. Mình mua chút quà biếu cha con chú Út gọi là cái tình bấy lâu nay mình ăn ở trong nhà. Còn đây, - anh giờ hai chai Cô-nhắc lên - chúng mình sẽ nhậu với nhau tối nay, được chứ?

Sáu Đen nét mặt trở nên nghiêm trang, giọng chân thành:

- Anh Ba nè... (anh Ba hơi nghiêng đầu, đón nghe) Thiệt tình từ... từ cái ngày anh đến ở với cánh này, kể cả cha con chú Út Đồn đến tên đầu bò là tui đều... đều nể anh như nể ông nội vậy đó.

Anh Ba khoát tay:

- Ấy chết! Đâu có gì mà đẹp lời cho nhau quá. Chúng mình sống với nhau chưa được là bao, nhưng anh em đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong buổi đầu vào đời thợ...

Hai người đi khuất dần vào xóm.

Đêm yên tĩnh. Con đường ngõ hẻm mờ mờ ánh sáng từ ngoài cảng hắt vào. Bóng một vài người đi chậm rãi cất lên mấy tiếng rao rời rạc, nghe xa vắng:

- Lục... lục... tào... xaá... đêê.

- Tắm... tắm... quất... tờ... rần... tắm... quất... tờ... rần...

Trong nhà, ông già Đồn đang vừa uống rượu, vừa thay dây đàn. Ngồi quay quần bên ông già là

đám thợ trẻ, mỗi người có một kiểu ngồi không ai giống ai. Nhưng mặt người nào cũng có một nét vui giống nhau. Họ uống rượu của anh Ba mua về và nhắm với món thịt bò khô, cá lóc (cá quả) nướng trui quán rau sống do bàn tay khéo léo của Út Huệ chăm chút.

Ông già Đồn thấm hương men ngà ngà say, ông sửa lại tư thế ngồi, cầm đàn so dây... Giọng ông âm, trầm:

- Được. Thầy cháu đã lựa được bộ dây và bộ vĩ đàn vừa ý chú lắm. Được. Thầy cháu được đủ điều. - Ông nâng ly rượu lên, mái tóc rung rung: - Nào, các bạn thợ trẻ, tụi mình cùng cạn ly rượu “lộc” của một người thợ mà ai cũng coi là bậc “hiền nhân ẩn sĩ”.

- Xin chú Út và anh em đừng bao giờ coi tôi là người ngoài giới thợ thuyền.

- Chúc mừng anh Ba. - Đám thợ trẻ và ông già Đồn cầm ly rượu cùng nói rộn ràng. - Chúc anh Ba của chúng ta vai vác nổi cả sơn hà, chân đi vững giữa đời không vấp ngã... Hê... Hê...

Không khí vui như ngày Tết.

Út Huệ ở trong buồng, ngồi trước ánh đèn, lật qua lật lại những vuông khăn, ngắm từng đường sọc, mép viền. Cô cột gọn tóc sau gáy, trùm tấm khăn rằn lên đầu, ngắm vào gương, cười. Cô như bên lên với người trong gương, gí ngón tay trở vào lúm đồng tiền trên má mình, nheo mắt tự “chê” mình. Phút chốc cô áp cả tấm khăn lên

ngực, mắt thần thờ lảng nghe tiếng tim mình hòa cùng tiếng đàn của cha: ... *Kéo neo... kéo... neo... tàu... chạy... Gạt... nước... mắt... tiễn... đưa... Thương người... người... đi... muôn... trùng... .. sóng... vô...*

Tối hôm sau. Con mưa đầu mùa dữ dội mà mau tạnh. Con đường hẻm nước lênh láng. Bầu trời trong như gương lau bóng loáng khảm đầy ngọc, kim cương.

Ông già Đờn ngâm cái tẩu thuốc, khói ri rỉ nhả ra từng sợi trắng mỏng mảnh. Ông đang vót đũa bằng những thanh tre già.

Anh Ba ngồi đọc sách giọng đều đều cho Tư Lê nghe. Út Huệ ở trong bếp, dọn dẹp luôn tay, tai vẫn lắng đọng từng tiếng mới lạ từ anh Ba truyền đến. Thỉnh thoảng Út Huệ chau mày, khó chịu về cái âm thanh những đồng tiền va vào nhau trong bộ bát đĩa của nhóm đánh bạc ở góc nhà. Sáu Đen và Chín Mập ngồi chen chúc vào đám con bạc. Họ ngồi xôm như cò đậu lúc bị mưa. Mặt người nào cũng chằm chằm hướng vào cái bát úp lên cái đĩa, trong đó có bốn đồng tiền được sơn một mặt trắng bằng vôi. Cứ mỗi lần người “cầm cái” của sòng bạc bung đĩa bát xóc một chập, đặt xuống chiếu thì mắt mọi người đều ánh lên sự tính toán, ăn thua, tay không yên: bứt tóc, sờ tai, gãi gáy. Họ móc tiền trong túi ra đặt xuống chiếu. Rồi những tiếng “chăn”, “lẻ” được xướng lên ồm ồm.

Anh Bưng đọc, đang giảng cho Tư Lê nghe



một câu trong sách. Bỗng một tiếng “choảng”, bát đĩa bị ném xuống nền nhà vỡ tan làm nhiều mảnh, cả bốn đồng tiền văng đi đâu mất. Lão “cầm cái” văng tục: “Đù... mẹ vào chơi nữa. Đồ con heo! Đồ con heo ráo...”.

Ông già Đồn ngừng tay vót, đảo mắt về phía chiếu bạc. Út Huệ dưới bếp chạy lên, về mặt ngao ngán, quay trở vào. Đám con bạc nắm tay trợn mắt, sừng sộ đứng lên chực ẩu đả. Anh Tư Lê chạy đến giữ lấy tay Chín Mập. Sáu Đen chửi tục:

- Đồ chó! Đồ ăn gian! Đồ mặt nạc đóm dày!...

Ông già Đồn nặng giọng:

- Tụi bây hồng còn ra trò lối chi nữa. Đúng là cờ gian bạc lận, táng tận lương tâm...

Nghe tiếng ông già nói, đám con bạc đã khựng lại nhưng mắt họ còn như bốc lửa. Anh Ba đến ngồi vào giữa đám thợ, nói từ tốn:

- Chúng mình cùng cảnh người đói khát với nhau. - Bàn tay anh Ba vỗ vỗ trên vai áo vá Chín Mập. Mặt mọi người dịu xuống, có người gục đầu xuống vòng tay bó gối. Anh Ba vẫn giọng buồn buồn: - Còn có kiếp người nào khổ hơn kiếp đời thợ chúng mình? Ông chủ người Tây, ông chủ người Nam và các thầy đốc, thầy cai đè nén, hành hạ chúng mình. Chúng mình làm việc gò xương sống, vẹo xương sườn, mà còn bị đòn roi, đá dít, bạt tai chẳng khác gì thân trâu ngựa. Vậy mà miếng ăn, cái mặc, nơi ở của chúng mình thử hỏi có hơn kiếp còn vật là bao nhiêu!

- Hơn con vật được đôi đũa lúc ăn. - Sáu Đen nói chen vào.

Anh Ba nhấn giọng rõ từng tiếng:

- Chúng mình khổ cực vậy đó. Sao lại không thương nhau, đùm bọc lấy nhau mà còn làm khổ lẫn nhau, lao vào nạn cờ bạc, cướp giật nết của nhau đồng lương khốn nạn?

Một anh thợ đã đứng tuổi, mặt lầm lì:

- Không đánh bạc thì làm cóc gì cho hết những cái buổi tối này?

Mọi người quắc mắt giận dữ nhìn anh chàng văng tục. Sáu Đen đứng phất dậy, giơ nắm đấm, nhưng anh Ba đã kéo tay anh ta ngồi xuống. Sáu Đen chưa hết nóng:

- Tổng cổ cái đồ con heo ra khỏi nhà này.

- Sao các cậu cứ ưa nói cực súc với nhau như vậy? - Tư Lê gắt.

Út Huệ từ dưới bếp nhìn lên phía anh Ba, vẻ ngượng ngập. Ông già Đờn giọng khoan thai:

- Từ nãy tao hổng buồn nói với tụi bây vì tao nể anh Ba Nghê đang ngồi ở đây. Mà tao có nói cũng bằng thừa. Một lời nói của anh Ba là một gói vàng mà tụi bây hổng hiểu chi trội. Thiệt là “Cầm đờn mà gãy tai trâu. Gãy bao nhiêu lại thêm đau tiếng đờn”.

Anh Ba ôn tồn:

- Tôi nghe anh em nói: không có việc gì làm cho hết những buổi tối, ngày chủ nhật rảnh rỗi, do đó sinh ra đánh bạc, vùi đầu vào nhậu nhẹt. - Anh



nhìn từng gương mặt nặng trĩu, lăm lì, nói: - Nếu anh em muốn những cái giờ vô vị ấy trở thành có ý nghĩa, tôi vui lòng dạy chữ cho anh em học.

- Thiệt vậy, anh Ba? - Sáu Đen vui sướng đứng bật dậy.

Mọi người nhìn anh Ba với những cặp mắt lấp lánh niềm hy vọng, giọng xuýt xoa:

- Chà chà! Được anh Ba chia chữ cho bọn này thì còn gì quý hơn!

Ông già Đờn cười:

- Phải vậy mới có ý nghĩa là được ở gần với người hiền sĩ chứ! “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng” mà.

Út Huệ ngấp ngó trước cửa bếp, hai mắt ánh lên niềm vui thầm kín và hai lúm đồng tiền hiện rõ làm rạng rỡ thêm gương mặt búp sen...

27

Thầy Thành với tên gọi giản dị - anh Ba - mở lớp học. Lớp học không có gì sang trọng cả, chỉ là căn nhà lụp xụp của ông già Đờn nép dưới bóng cây mận. Chính trong căn nhà này, trước đây trái chiếu làm nơi đánh bạc, nhậu nhẹt của anh em thợ thuyền, giờ đã đổi mới: cánh cửa kê làm bàn học, ở vách dựng lên một tấm ván thùng lượm ngoài cang vẽ làm bằng viết.

Tư Lê, Sáu Đen, Chín Mập... ngồi vào lớp học. Út Huệ ngồi riêng một bàn, gần tấm bảng đen. Ông già Đờn cũng nghỉ tay đàn lúc con em mình vào lớp. Ông già lắng nghe thầy giáo giảng bài.

Hôm khai giảng, anh Ba nói rất chân tình với những người học trò xóm thợ:

- Bọn cai trị dân bao giờ cũng định ninh cái điều: “Dân ngu dễ trị, dân trí khó chăn”. Cho nên, hễ ai quan tâm đến việc dân no cơm ấm áo, dân có chữ, dân hiểu biết là chúng triệt ngay. Vừa qua, trên khắp ba miền Trung, Nam, Bắc có các ông nghè, ông cử bị giết hại, bị đi đày Côn Lôn chỉ vì “tội” hô hào dân sinh, dân trí... Dĩ nhiên bọn thống trị phải duy trì cho dân có một mức sống chừng mực để tiếp tục làm ra của cải thì chúng mới đầy túi tham được. Và chúng phải mở trường học đào tạo những người có trình độ để làm tay sai cho chúng. Chúng ta là người thợ phải rõ cái điều ấy để có chí học, có chí làm những công việc ích nước, lợi nhà...

Được anh Ba khai tâm, anh chị em thợ thuyền học rất chóng biết mặt chữ. Anh chú trọng dạy cho anh em phát âm thật đúng từ lúc còn đang tập đánh vần. Và, anh nắn tay cho từng người tập viết chữ thẳng hàng, ngay lối, đủ nét, đều đặn và rõ ràng. Anh cầm bàn tay từng người hướng dẫn cách cầm bút, đưa bút lên nhè nhẹ để nét chữ thoáng, kéo bút xuống nhấn tay để nét đậm, vạch tròn vành các chữ có “bụng” như: a, d, đ, g, o, q..., và cách đánh các dấu đúng vị trí của nó trong



từng chữ. Lần đầu tiên anh cầm tay Út Huệ tập cho cô viết, Út Huệ xúc động, vạch nét nào nghều ngào nét ấy. Nhưng anh vẫn nhẫn nại giúp Út Huệ viết chữ đẹp.

Hằng ngày đi làm ngoài cảng, lúc sinh hoạt trong nhà, giữa anh Ba và anh em thợ đều xưng hô thoải mái “mày mày”, “tao tao”. Nhưng lúc vào lớp học, ai cũng gọi anh Ba bằng thầy giáo. Tư Lê là trưởng lớp mà anh em gọi vui quen miệng: anh sếp lớp. Mỗi lần có bạn vắng mặt trong buổi học, Tư Lê đều đứng khoanh tay trước thầy, nói rõ lý do. Ông già Đồn lòng như trẻ lại khi thấy lớp học ngày một nền nếp, ai cũng hứng thú học và kết quả ngoài cả sự tưởng tượng của ông. Ông vui nhất là đám thợ trẻ trong nhà ông không còn vùi đầu vào canh bạc và ẩu đả nhau vì sự được thua gian lận. Cả đến nhậu nhẹt trong mỗi kỳ lĩnh lương cũng đã giảm nhiều. Ông thấy căn nhà tồi tàn của mình và cả trong đầu óc mình như mở sáng ra mỗi khi tiếng anh em thợ tập đọc những trang sách chữ in mà anh Ba mua ở trên phố về. Anh Ba cũng mua cho ông cuốn truyện thơ “Lục Vân Tiên”. Ông học hết các chữ cái và tập đánh vần. Anh Ba dạy ông tập đọc qua sách “Lục Vân Tiên” mà ông đã thuộc lòng cả hai ngàn hai trăm bốn mươi sáu câu thơ của cuốn truyện này.

Ông tâm sự với anh Ba:

- Chú bắt đầu nhận thấy hình như trong mắt

mình có chữ thì có lòng tự tin hơn và nhìn kẻ có quyền thế mình đỡ sợ hãi. Chú nghĩ vậy, có đúng hông thầy cháu?

- Bọn thống trị, những kẻ sống trên lưng dân, chúng nó muốn độc quyền sự hiểu biết. Chúng nó rất sợ dân có nhiều người biết chữ. Có chữ, đầu óc họ được mở mang, họ nhìn ra sự bất công thì chúng sẽ không ngồi yên trên lưng dân được. Mà chú Út ơi, - anh Ba giọng thủ thủ - khi con người ta đã có học thì cũng sẽ có lòng tự trọng cao và biết sống sao cho đáng sống, biết cư xử giữa người với người, đỡ phần tâm tởi, chú Út ạ.

- Ủ. Có vậy thiệt. Nói đâu xa, ngay ở trong cái nhà trệt này, từ hôm thầy cháu chia chữ cho người “cùng hội cùng thuyền” thì đám Sáu Đen, Chín Mập khác hẳn với ngày chúng nó chưa biết chữ. Ông cha nói đúng thiệt: “Ăn vóc học hay”. Hay thiệt! Cái chữ cho con mắt còn cần hơn cả miếng cơm cho cái miệng vậy.

Chẳng bao lâu lớp học của anh Ba dạy trong nhà ông già Đờn, anh em thợ đến xin học đông không còn chỗ để kê bàn ghế. Và từ trong xóm thợ Bến Nhà Rồng giữa đêm dài nô lệ đã sáng lên một tiếng nói mới: Chữ Anh Ba. Chữ Anh Ba thấp sáng lên trong trái tim những người thợ...

Tháng sáu, 1911.

Hoa điệp thấp chói đỏ từng mảng trời thành phố Sài Gòn. Mặt đường lấm tấm những cánh hoa như xác pháo sau đêm giao thừa.

Anh Ba bước chậm chậm. Những cánh hoa điệp rơi lả tả xuống dấu chân anh. Anh băng khuâng nghĩ về lời hẹn của ông chủ sự cảng Nhà Rồng: “Ngày mùng hai tháng sáu này, tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin từ Tua-ran vào sẽ cập Bến Nhà Rồng, ở lại vài ba ngày và có thể họ tuyển thêm bồi tàu. Tôi hứa sẽ giới thiệu anh với ông thuyền trưởng Lu-i Ê-đu-a Mai-scen...”.

Anh Ba càng băn khoăn, nghĩ ngợi sẽ nói gì với cha lần gặp cuối cùng này. Liệu anh có cảm được nước mắt trước mặt cha lúc anh phải nói lên cái điều “dứt áo ra đi biệt xứ” không?

Đường phố yên tĩnh và êm ả. Anh Ba hơi tần ngần trước cửa lữ quán. Một người đàn ông đã luống tuổi ngồi ngay lối vào cửa quán. Anh vừa bước lên thềm, ông ta hỏi ngay:

- Anh hỏi gì?

- Thưa... tôi xin gặp ông phó bảng Nguyễn Sinh Huy ạ.

Người coi quán nhìn anh Ba từ đầu xuống chân và hơi nhíu mày lúc nhắc thấy anh đi dép “cu li”.

- Anh là ai mà dám gặp quan phó bảng?

- Dà... tôi là con...
- Anh hồng đùa chứ?
- Đâu dám!

Người coi quán lại đảo mắt xuống đôi dép “cu li” dưới chân anh Ba, chưa hết ngỡ vực. Nhưng lúc ông nhìn lên bắt gặp cặp mắt anh Ba sáng long lanh, ông đổi giọng:

- Mời cậu ấm lên lầu. - Ông chỉ tay về lối cầu thang.

Anh Ba vừa đặt chân lên bậc thang gác, ông ta lại chạy tới, vồn vã:

- Cậu ấm lên khỏi thang gác này thì quẹo theo hành lang phía tay trái, đến phòng có chữ Cửu⁽¹⁾ treo trên cửa ra vào, cậu kéo dây chuông, nghe cậu.

Anh Ba cúi đầu cảm tạ và nhẹ nhàng bước lên cầu thang gỗ đen màu sừng. Hành lang hẹp, gỗ nhẵn bóng. Ánh sáng lờ mờ, hành lang như con đường dưới đêm trăng lu. Anh hồi hộp dừng bước trước cửa phòng treo chữ Cửu. Cái dây chuông thông lòng ngang tầm tay. Anh đưa ngón tay trở định kéo dây chuông nhưng thụt lại ngay và anh úp bàn tay hồng đỏ lên vầng trán nóng ran. Anh đứng dựa vào lan can một lát. Vuốt lại mái tóc, anh lại bước đến cửa, mạnh dạn kéo dây chuông rồi lại tới dựa lan can, đợi...

Cánh cửa hé mở. Một ông già bước ra. Hai

(1) Chữ Hàn có nghĩa là số chín



người cùng quan sát lẫn nhau. Anh Ba lễ phép bước đến hỏi trước:

- Thưa bác, xin bác cho cháu được gặp ông phó bảng Nguyễn Sinh Huy.

Ông già nhúu đôi lông mày trắng như hai múi bông, tóc ông xếp làn sóng đồ dài xuống quá ót và bạc phơ. Bộ râu ba chòm rung rinh theo nhịp miệng, ông nói:

- Anh là người có quan hệ chi với quan lớn? - Mắt ông già không ngừng xem xét diện mạo và đôi dép “cu li” dưới chân anh Ba.

Hiểu được thái độ ông già, anh Ba lễ phép thưa:

- Cháu là con quan phó bảng Huy, thưa bác.

- Tr... ời đất! - Ông già rướn cao đôi mày, ngạc nhiên chấp hai tay trước bụng. - Xin lỗi cậu ấm. Tôi dẫu dè cậu là con quan phó bảng Nguyễn Sinh Huy. - Ông bước lại gần anh Ba: - Tôi hồng đeo kiếng nên dẫu có nhìn rõ! - Ông chìa hai tay: - Mời cậu ấm vô ạ.

Anh Ba bước vào phòng. Ông già dẫn anh đến bên chiếc giường con:

- Đây là nơi quan lớn nghỉ. Cậu ấm ngồi tạm. Quan lớn hiện đang dùng trà với ông cử dưới Lục tỉnh lên chơi ngoài phòng khách.

Anh nhìn theo ông già, lắc đầu nói thầm:

- Cha mình đã bỏ cái ghế quan trường như bỏ cái tấm giẻ rách lau chân, nhưng mọi người lại trọng vọng nó ngộp cả mắt. Tội nghiệp!

Ông già trở ra, chìa tay:

- Quan lớn mời cậu vô.

Anh Ba cúi đầu đáp lễ và đi vào sau tấm bình phong.

Phòng trà lữ quán mà ông Huy đang tiếp khách là một gian nhà vuông vức, sàn gỗ đen bóng. Bộ bàn trà kê sát cửa sổ lớn. Ngoài cửa sổ là vườn cây râm mát, bóng trúc ngoắt ngọn vào khung cửa. Hoa ngoài vườn đưa hương vào phòng trà. Ông phó bảng Huy ngồi ở chiếc ghế kê sát cửa sổ. Màu xanh ngoài vườn trúc tỏa vào quanh nơi ông ngồi. Ông cử nhân miền Lục tỉnh ngồi đối diện. Hương chè quện hương vườn xanh đưa vào ngọt cả không gian.

Anh Ba bước vào chấp tay đằng trước cúi chào cha và khách của cha. Anh đứng nghiêm trang, tay vẫn giữ trước ngực. Ông khách chìa tay ra phía trước:

- Mời cậu ấm an tọa.

Anh Ba cúi đầu đáp lễ. Nhưng anh chưa được cha cho phép nên vẫn đứng nguyên vị trí. Ông phó bảng nhìn con, giọng nghiêm mà ấm:

- Quan bác đã cho phép, con ngồi vào ghế.

Anh Ba bưng chiếc ghế lùi xuống một chút, không dám ngồi ngang hàng với những người bề trên mình. Vị khách cảm mến sự lễ phép mẫu mực gia phong của anh. Ông khách ân cần mời anh uống trà. Anh Ba đỡ lấy chén trà trên tay vị khách. Ông phó bảng giới thiệu với bạn:



VĂN

- Cháu là Tất Thành, con thứ ba của tôi.

Ông cử miền Lục tỉnh gặt gù nhưng mắt vẫn ánh lên sự băn khoăn khó hiểu về bộ quần áo vải thô và đôi dép “cu li” nhuộm vẻ phong trần của người thanh niên có khuôn mặt tuấn tú này. Anh Ba hơi bối rối. Ông khách vẫn nhìn anh Ba, và trong mắt ông lộ rõ niềm xúc động khó tả. Ông phó bảng Huy giục con:

- Thành chuyên trà mời quan bác, con!

Anh Ba thay ấm trà cũ. Anh tráng ấm chén qua nước sôi và đang chuyên trà thì khách đã xin cáo lui:

- Xin phép quan bác, tôi còn ở Sài thành sẽ còn tới hầu chuyện quan bác. Giờ này để quan bác và cậu ấm bàn bạc việc nhà.

Ông phó bảng đứng lên, tay chấp trước bụng. Ông cử nhân Lục tỉnh nhìn anh Ba, nói:

- Tôi đã kính mộ quan bác: một đại nhơn, đại đức. Nay tôi càng kính phục quan bác có một người con, đúng như cổ nhơn dạy: “Ty dĩ tự mục, khiêm nhi dĩ quang, tiến đức tu nghiệp”(1).

Ông phó bảng chấp tay xá ông bạn và mỉm cười. Anh Ba hơi bối rối về lời khen mình, anh lễ phép:

- Thưa bác, cháu cũng chỉ học hỏi theo người xưa là “Lập nghiệp thủy ư tu thân” thôi ạ.(2)

(1) Ý: lấy cái sống khổ cực để chèn giữ mình, khiêm tốn thì vinh quang, đức độ cao ắt lập được nghiệp lớn

(2) Việc xây dựng sự nghiệp phải bắt đầu bằng sự rèn luyện bản thân mình.



Ông cử đặt bàn tay lên vai anh Ba, nói giọng cảm phục:

- Cậu ấm ơi! Hậu sinh khả úy. Hậu sinh khả úy. Nhìn thấy cậu, tôi đã nói ngay với quan bác: một con người thành nhân trước khi thành nghiệp...

- Đà không dám, thưa bác, cháu chỉ là...

Anh Ba chưa nói hết điều định nói, ông cử đã chấp tay xá xá đi ra...

*

* *

Không khí trong phòng lặng ngắt. Ông phó bảng Huy vẻ băn khoăn hỏi:

- Sao con vẫn còn quanh quẩn ở đây?

- Thưa cha, con sắp đi xa Tổ quốc. Con gặp cha lần này có lẽ... có lẽ... - Anh Ba rung rung nước mắt.

Ông Huy sắc mặt biến đổi, giọng hơi dịu:

- Con đi xuất dương đến nước nào?

- Dạ, con sang Pháp và có thể còn đi nhiều nước khác nữa để học hỏi...

- Đế quốc Pháp là kẻ thù của Việt Nam mình, sao con lại sang Pháp để mưu việc cứu nước?

- Dạ, thưa cha, con đã giải bày với cha cái điều ấy từ hồi còn ở kinh đô Huế ạ.

- Bấy giờ con hãy còn thơ, vừa qua tuổi vị thành niên. Nay cha muốn biết được điều suy

Sơn Tùng

nghe của con ở tuổi hai mươi.

- Từ ngày con ngồi trên ghế trường Quốc học Huế, con học lịch sử nước Pháp, con chú ý nhiều về cuộc cách mạng 1789. Họ đã lật đổ chế độ vua quan phong kiến. Rồi con đọc sách, tìm thấy ở nước Pháp có tự do, bình đẳng, bác ái. Đặc biệt là coi trọng nhân quyền. Có tổ chức bảo vệ nhân quyền, gọi là Hội Nhân Quyền. Con muốn được nhìn thấy tận mắt cái nước Pháp có nhân quyền lại vừa là nước Pháp đi xâm lược các nước nhỏ yếu khác.

Ông phó bằng chống tay xuống thành ghế, bước đến bên con trai. Anh Ba đứng lên, môi anh mím mím, sợ bật lên tiếng khóc. Ông phó bằng đưa vòng tay khoác vào cổ anh Ba và đứng tựa bên khung cửa sổ ộp bóng trúc xanh. Ông nói:

- Thành à! Bây giờ cha mới thực tin con quyết chí ra đi. Con đi vì một mục đích lớn. Con có thể thực hiện được cái điều mà cha và lớp người như cha phải bỏ tay. Con ơi! (Anh Ba nín chặt cánh tay cha. Nước mắt của hai cha con nhỏ xuống khung cửa). - Ông nói, giọng trầm trầm: - Xưa nay cha vốn ít nói. Với các con, cha càng ít nói nữa. Cha chỉ nói khi thấy không nói không được. Lần này là lần đầu mà cũng có lẽ là lần chót cha nói nhiều với con. Bởi cha con mình gặp nhau lần này, chưa biết rồi đây còn có dịp được gặp lại nữa không? Con đi xa nước, xa cha. Sinh ly có khác gì tử biệt, con! Có khi “nỗi đau tử biệt không

bằng sinh lý”. Nhưng cha khóc lần này không chỉ vì đau buồn mà còn có phần tự hào về con nữa.

- Con biết, con đi xa, cha ở lại đây một mình...

- Đừng, con đừng nghĩ về cuộc sống của cha! - Ông khoát tay, nói cao giọng. - Cha đang tự hào về chí lớn của con. Con phải gạt bỏ những tính toán bé nhỏ, tầm thường. Cha rất vui trong lòng về mục đích con đi tìm độc lập cho nước, tự do cho dân. Nhất là nhân quyền... Con nói tới hai tiếng ấy, cha nghe mà nao nao lòng! Cũng như vừa rồi, ông Diệp Văn Cương nói với cha lúc cùng ông Hồ Tá Bang ngoài Phan Thiết vô thăm các bằng hữu là: Hội Nhân Quyền bên Pháp đòi trả tự do cho ông Phan Chu Trinh. Cha lấy làm lạ vì những tên Pháp ở trên đất chúng ta thật đáng nguyên rủa, sao bên Pháp lại có nhân quyền, có Hội Nhân Quyền bênh vực cho cả người nước thuộc địa của họ. Con đi sang bên đó coi thực sự có nhân quyền không.

- Con cũng rất ngờ về những “nhân quyền”, “tự do”, “bình đẳng”, “bác ái”... e là những cái nhảm đẹp thôi, cha à!

- Có thể là như vậy. Ông Mạnh Tử nói: “Dân vi quý, quân vi khinh”⁽¹⁾ cũng chỉ nói để mà nói chứ chẳng là sự thật ở trên đời này. Nhưng con phải ra thiên hạ xem xem. Cha gẫm thấy từ thuở lập quốc tới giờ ở đất nước mình có rất nhiều vị anh hùng

(1) Dân là quý, vua là thường.

dân tộc chống giặc ngoại xâm, cứu nước vô cùng oanh liệt, mà chưa từng có một vị anh hùng nào vừa cứu được nước thoát vòng nô lệ vừa đem lại tự do hạnh phúc cho nhân dân.

- Quyền lợi nhân dân có phần trong quyền lợi của Tổ quốc rồi cha?

- Tổ quốc, nhân dân tuy một mà là hai, con ạ. Nước độc lập mà chắc gì dân có hạnh phúc, có cơm no, áo ấm hả con⁽¹⁾.

Anh Ba chớp chớp mắt để lắng vào tâm hồn mình lời cha tâm sự. Ông phó bảng vẫn nhìn ra vườn xanh phất phơ bóng trúc, giọng trầm trầm:

- Cha nói với con về bát cơm manh áo và địa vị làm người của lương dân là điều mà cha đã nghĩ nhiều về nó...

Ông nén tiếng thở dài và bá vai con cùng đi quanh phòng. Anh Ba nén xúc động trước cử chỉ đặc biệt của cha mà suốt cả quãng đời niên thiếu anh chưa từng được thấy. Cho nên, anh đi sóng bước với cha mà lòng lâng lâng nghe cha nói như đang trong một giấc mơ:

- Nhân dân ta có một đặc tính quý vô giá, con ạ. Kẻ ngoại bang kéo đến dù là Hán, là Đường, là Tống, là Nguyên, là Minh, là Thanh... bất kể chúng nó mạnh, chúng nó đông mức nào, dân ta

(1) Trong thư gửi cho các Ủy ban nhân dân, Hồ Chủ tịch viết: "Nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì độc lập không có nghĩa lý gì". - "Những năm tháng không thể nào quên" của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trang 80.



vẫn không biết sợ mà lo sao có một đấng mình quân biết đưa họ đi dẹp giặc cứu nước. Một khi giặc ngoại xâm bị quét sạch ra khỏi bờ cõi, các triều đại vua quan muốn đối xử với bất kể chính sách gì, dân mình đều nghe theo. Sống có trên, có dưới một lòng. Cả những khi nước nhà gặp phải ông vua bạo ngược, hoang dâm vô độ, dân mình cũng chỉ có than thầm, oán trộm. Cốt giữ sao đừng để sơ hở cho kẻ thù bên ngoài lợi dụng nhẩy vào cướp nước. Tổ quốc là tài sản thiêng liêng nhất của mọi người dân. Nhân dân mình trung hậu vậy đó. Nhưng nước mình ít có ông vua thương dân, dành cho dân một quyền sống xứng đáng. Lê Lợi, từ một người bình thường ở xứ Thanh, trước cảnh nước mất nhà tan, ngài đã phát cờ tụ nghĩa ở chốn Lam Sơn. Sau ngài vào đứng chân ở đất Nghệ. Dân ta đã từng phò đấng mình quân, nuôi nghĩa quân, một lòng một dạ kháng chiến cứu nước. Nhưng lấy lại được độc lập, Lê Lợi lên ngôi làm Lê Thái Tổ, còn dân ta trước sau vẫn là:

Muôn dân một lũ cơ hàn,

Vua ngồi chễm chệ ngai vàng hiếp dân.

Nếu có được ông vua nhân từ, thỉnh thoảng đi vi hành, ghé thăm nhà dân là quý lắm rồi. Nhưng con ơi: *Vua đến nhà dân vua được tiếng, dân mất buổi cấy.*

Anh Ba rót nước mời cha. Ông phó bằng uống ngụm trà nồng, mắt ông hướng về anh Ba. Ông

nói, về mệt mỏi:

- Cha luôn ngẫm nghĩ đến những gì bất công, nhưng cha, không thể làm được gì hơn. Cha chỉ còn có mong ở con, trút hết nỗi lòng với con như mẹ con đã bóc cái bánh trao tay con vậy. Cha yên tâm thấy con đã biết nhìn vào lịch sử của dân tộc, con biết nghĩ đến sự giải phóng nhân dân trong khi đi tìm đường cứu nước. Cha dặn thêm: Dân Nam ta sống nặng với nghĩa nước tình nhà. Cả làng chung nghe một tiếng trống đình: tiếng trống họp làng, tiếng trống thu thuế, tiếng trống tế thần, tiếng trống hộ đê, tiếng trống có cướp... Cả nhà ăn chung một nồi, đầu đĩa chấm chung một bát nước chấm mặn, ngọt, cay, chua. Khi đi xa đất nước, con hãy nhớ, hãy nghĩ về những điều bình thường ấy, con sẽ thấy trong tâm hồn mình cả một quê hương, cả một dân tộc... Thôi. Cha nói đã có phần nhiều lời, - ông đứng lên - mà cũng chỉ nói được với con lần này thôi. Từ nay con đi... đi vào tương lai. Cha từ đây thuộc về dĩ vãng (Anh Ba ôm mặt khóc). Đừng khóc lúc này, con! Phút quyết định đừng nhỏ lệ. Con nhìn cha xem. Mắt cha chỉ còn lại niềm tin đợi chờ nước độc lập, dân hạnh phúc. Đây - Ông lấy cái ví lặn trong lưng quần tai tượng. Ông nói, giọng khò: - Cha định ninh sẽ có một ngày con ra đi. Cha dành số tiền này để góp vào số lộ phí cho con lên đường. Số tiền tuy ít, nhưng là tiền cha ra vốn cho con... Sống phải có "tiền lưng gạo bị", con ạ.



Anh Ba lau nước mắt, đỡ lấy tay cha. Anh thốt lên:

- Cha!

Ông phó bảng ngăn lại:

- Đừng! Con đừng gọi cha lúc này! Con phải gọi: Tổ quốc! Đồng bào! Đi... đi con!

Những ngọn trúc quân tử ngoài vườn xanh gục đầu vào cửa sổ chiêm ngưỡng hai trái tim thương nước thương dân.

29

Cảng Nhà Rồng mờ mờ ánh đèn. Đêm hè trải dài theo gió. Gió va vào những boong tàu, dây buồm, phát ra những âm thanh hiu hắt hòa trong tiếng sóng vỗ bờ. Mấy con thuyền câu, bè vó như những chấm đen trời lũng đứng trên sông loang loáng ánh đêm. Từ bên Thủ Thiêm, những ngôi sao lạc kẻ từng đường sáng giữa mênh mông.

Anh Ba ngồi kề vai với anh Tư Lê bên bờ sông. Họ im lặng nhìn xuống dòng sông. Anh Ba về thận trọng hỏi Tư Lê:

- Anh Tư này. (Tư Lê xoay người nhìn vào mặt anh Ba). Anh có dám nghĩ đến việc đuổi Tây ra khỏi nước mình không?

- Tôi là người thợ. Nhà tôi có thù với chúng mà, anh Ba!

Hai người lại im lặng. Trước mặt họ một chân trời đen kịt. Anh Ba dè dặt hỏi:

- Anh có giữ kín được không?

- Kín chớ. Ôn sâu nghĩa nặng từ kinh đô Huế. Rượu thề kết nghĩa trên sông Phan Thiết, quên làm sao được, anh Ba.

Bóng tối như loăng ra quanh hai người. Anh Ba thì thầm:

- Nỗi khổ của người dân mất nước, chúng mình đã từng tâm sự nhiều lần. Bây giờ... bây giờ mình đã quyết định đi ra nước ngoài... Mình muốn anh cùng đi.

Tư Lê hơi bối rối. Anh cầm bàn tay anh Ba:

- Đi tới đâu hả anh Ba?

- Sang Pháp và... đi tới các nước văn minh khác. Sau khi xem xét họ làm ăn thế nào, chúng mình trở về giúp đồng bào đuổi hết thực dân Pháp ra khỏi đất nước, giành độc lập, tự do...

Tư Lê băn khoăn:

- Đuổi Tây, giành độc lập tự do, sao chúng mình lại sang Tây?

- Tôi đọc báo, đọc sách của những người Pháp viết, họ bàn nhiều đến quyền tự do, bình đẳng, bác ái. Tôi nghĩ, quyền lợi tối cao của một dân tộc là độc lập, tự chủ. Quyền cơ bản nhất của con người ở trong xã hội là quyền tự do, bình đẳng giữa người với người. Tôi muốn sang Pháp để được nhìn tận mắt người dân Pháp họ sống thế nào, đằng sau những cái chữ tự do, bình đẳng, bác ái ẩn giấu những gì.⁽¹⁾

(1) Trang 14, sách "Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiểu sử và sự nghiệp", Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, Nhà xuất bản Sự thật in. "... Vào trạc 13 tuổi, lần đầu tiên tôi đã được nghe những từ Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái. Thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy".



Anh Tư Lê do dự:

- Lấy tiền đâu mà đi và sang tận bên Tây lạ nước lạ cái, sống bằng cách chi được, anh Ba?

- Đây, - anh Ba giọng cương quyết, chìa hai tay ra giữa bóng đêm - tiền đây. Chúng ta sống bằng bàn tay, bằng cái đầu của chúng ta.

Anh Tư Lê thở dài:

- Tìm đường cứu nước, cứu dân, việc quá lớn. Đầu óc tôi mới được vài chữ anh vừa chia sớt cho. Đi sang bên đó, họ văn minh, tôi lĩnh hội hồng nổi, anh Ba ạ.

Hai người lại im lặng. Tiếng sóng thầm thì và tiếng đàn cò của ông già Đờn vắt qua sông, lan dài trong đêm xa mịt: *Kéo neo... kéo neo... tàu chạy... Gạt nước mắt... nước mắt tiễn đưa... Thương người đi... người đi muôn trùng sóng vỗ...*

Ngày 2 tháng 6 năm 1911.

Anh Ba mặc quần áo trắng, toát lên màu thanh khiết, tóc rẽ đường ngôi bên phải, chải mượt, chân đi dép xăng-đan. Anh đi khoan thai xuống tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin.

Được sự giới thiệu của ông chủ sự cảng Nhà Rồng, anh Ba gặp viên thuyền trưởng. Thuyền trưởng Lu-i Ê-đu-a Mai-sen trạc tuổi gần bốn mươi, tiếp anh Ba dưới buồng khách của con tàu. Ông ta quan sát diện mạo anh Ba với một thái độ trọng nể. Ngay từ phút đầu, ông Mai-sen đã để ý tới đôi mắt to, dài và sáng của anh Ba. Ông chìa hai bàn tay ra trước mặt, nói:

- Ô! Nhìn anh, tôi ưa lắm, tốt lắm. Tiếc là trên con tàu của tôi không còn có loại công việc hợp với anh - Mai-sen lật lật quyển sổ nhân sự để trước mặt. Ông lại nhìn anh Ba, hỏi: - Anh biết đọc chữ Pháp chứ?

- Thưa ông Mai-sen, tôi đọc được ạ.

- Ô...! Tốt, tốt lắm. - Mai-sen chỉ vào trang sổ nhân sự và nói bằng tiếng Pháp: - Đây. Anh xem, vừa mới sáng nay, tôi đã nhận thêm bốn người An-nam. Danh sách bốn người đây. - Mai-sen đọc tên từng người: - Đặng Quang Giao, Lê Quang Chi, Nguyễn Tuấn, Nguyễn Văn Tri.

Anh Ba chau mày, những ngón tay gõ gõ trên mặt bàn. Hai mắt anh Ba như phủ một lớp sương chiều. Ông Mai-sen đọc được những bản khoán trong đôi mắt anh Ba:

- Tôi biết những người như anh muốn làm cánh chim bay trên những miền đất lạ. Tiếc là, trên con tàu của tôi chỉ còn cần một chân phụ bếp.

Hai mắt anh Ba bừng sáng:

- Thưa ông Mai-sen, tôi đề nghị ông nhận tôi vào chân phụ bếp ấy.

- Ô...! - Mai-sen nhìn anh Ba, hơi ngờ vực. - Một thư sinh như anh chịu không nổi đâu. Công việc làm bếp ở con tàu này rất nặng nhọc. Hằng ngày phải lo những bữa ăn cho cả trăm người với nhiều khẩu phần khác nhau; riêng hành khách có vé hạng nhất đã bốn mươi người.

Anh Ba chìa hai bàn tay ra trước ông Mai-sen:



- Ông xem những vết chai sạn trên bàn tay của tôi.

Mai-sen cầm lấy bàn tay anh Ba ngắm, mỉm cười:

- Người phương Tây chúng tôi rất tin khoa xem tướng bàn tay. Tôi không sành bói toán, nhưng bàn tay anh ngón thon dài thế này thì viết chữ đẹp, có năng khiếu mỹ thuật và âm nhạc. Anh được cả hai cái lớn: con mắt và bàn tay. Tôi biết một câu rất hay mà người An-nam hay dùng: “Giàu hai con mắt, khó hai bàn tay”.

- Ông đã xem tướng tôi, ông có tin là tôi làm được phụ bếp không?

- Tôi muốn nhận anh vào một công việc hợp với khả năng của anh, ít ra cũng là một chân thư ký trên con tàu của tôi. Để anh giữ chân phụ bếp, phí quá. - Ông ta hạ giọng: - Thôi được, từ ngày mai - Ông ta nhìn lên tấm lịch - ngày mai là mùng 3 tháng 6, anh xuống tàu nhận việc. Tôi sẽ báo cho ông quản bếp để tiếp nhận anh đúng 8 giờ sáng mai. Tháng đầu tiên này tôi tạm cấp lương cho anh là 45 phơ-răng. Được chứ?

Anh Ba cười:

- Tôi sẽ làm việc xứng đáng với sự tin dùng của ông.

Ông Mai-sen còn đưa cho anh Ba một tấm thiệp in hình con tàu rẽ sóng đại dương, có chữ ký của ông, và một cuốn sách mỏng, cỡ bỏ túi, ngoài bìa cũng có hình con tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-

vin. Ông dặn cẩn thận:

- Anh giữ cái các⁽¹⁾ để tiện việc lúc lên bến, lúc xuống tàu. Cuốn sách nhỏ này giúp anh hiểu về hãng Sác-giơ Rê-uy-ni và con tàu của chúng tôi hoạt động như thế nào...

Rời con tàu Đồ đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin, trên đường về xóm, anh Ba vừa đi vừa xem tập sách nhỏ của ông Mai-sen đưa. Anh đọc nhẩm: Tàu Đồ đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin thuộc hãng tàu Sác-giơ Rê-uy-ni. Con tàu này thuộc loại lớn nhất của hãng và cũng là tàu có cỡ của đầu thế kỷ 20. Chiều dài của con tàu: 120 mét 10, rộng 15 mét 20, trọng tải là 5.572 tấn, chạy bằng máy hơi nước với 2.800 sức ngựa. Tàu có thể chạy một mạch những 12.000 hải lý, không cần phải ghé bến. Trong lòng con tàu được thiết kế hiện đại, tiện nghi. Đáy tàu là một bể chứa nước ngọt, tới 900 tấn. Có hầm chứa than: 150 tấn. Tầng trên của con tàu là các buồng làm việc, nghỉ ngơi, phòng giải trí vui chơi của các sĩ quan và thủy thủ. Tiếp đến là dãy phòng đủ cho bốn chục khách đi vé hạng nhất. Ở giữa khoang tàu, phần dưới cùng là ba nồi hơi lớn, các cỗ máy lớn và bếp nấu, nơi nghỉ của các người làm bếp, bồi bàn... Xem đến trang giới thiệu về khu vực nhà bếp, anh Ba mỉm cười: mình sẽ được làm bạn với Táo quân.

(1) Tấm thiệp



30

Út Huệ ngồi bên bậc cửa vá áo, đầu nghiêng nghiêng. Một giọt nắng lọt qua mái nhà thùng, đậu trên tóc và chảy sáng xuống gò má. Hai lọn tóc mai dài xuống quá đuôi mắt. Hai con mắt to, dài, đen láy áp ử một nỗi buồn sâu kín, cặp môi tươi như một cánh hoa nở dưới cái mũi dọc dừa. Cả gương mặt Út Huệ như một hòn ngọc sáng.

Út Huệ tay lầy kim trên miếng vá của tấm áo anh Ba, lòng thần thờ, thầm nghĩ: Máy hôm nay anh Ba hơi khang khác với mọi ngày. Anh trầm lặng, không còn vui tính khơi lên cho anh em trong nhà những trận cười phải ôm lấy bụng. Hằng ngày anh ăn rất ít, không còn giữ mức mỗi bữa ba bát nữa. Anh ăn không được, mình làm thêm món để anh ăn ngon miệng, anh lại gấp chia đều lên bát cho từng người. Đêm nào anh cũng thì thầm với ba, với anh Tư cho mãi tới khuya. Hình như anh không nói những chuyện gì đó với các anh Sáu Đen, Chín Mập. Anh cũng giữ kín cả với mình. Mà cũng phải thôi, mình là phận gái...

Đang mải nghĩ, nghe tiếng chân anh Ba ở ngoài cổng đi về, Út Huệ giật mình đặt vội tấm áo xuống đầu gối, ngược nhìn anh Ba, mỉm cười. đơn đả:

- Anh đã về. Em ngỡ anh về muộn nên chưa soạn cơm nước chỉ cả.

- Nấu muộn một tí đợi anh em về đông đủ cùng ăn nóng, càng tốt, cô Út ạ.

Anh Ba vẻ mặt buồn buồn, ngồi xuống sập gỗ. Bàn chân anh miết qua miết lại trên nền nhà, giọng nói không tự nhiên:

- Có một việc riêng, hôm nay tôi mới có dịp nói với cô Út.

Hai má Út Huệ ửng đỏ, mắt chớp chớp, môi mấp máy, hai lúm đồng tiền ẩn hiện trên má. Cô ngược nhìn thoáng anh Ba, cúi xuống liền, nói hơi run:

- Có điều chi anh Ba thấy cần dạy bảo em, em...

- Ấy chết! Chuyện riêng của tôi chứ đâu dám “dạy bảo” gì, hờ cô Út?

Út Huệ đã bình tĩnh hơn:

- Anh đã tin em, anh cứ nói ra. Dù có quá sức em, em cũng ráng giúp anh.

Anh Ba nhìn ra xa, giọng trầm trầm:

- Tôi không ở đây nữa... Mai sớm, tôi... đi... xa...

Út Huệ rùng mình. Cái kim trên tay tuột xuống nền nhà. Cô bối rối, tay run run nhặt cây kim lên, môi mím mím. Hai người như bị hẫng, ngồi im lặng. Út Huệ nói, giọng nghèn nghẹn:

- Sao anh không ở đây nữa với ba em, với anh Tư...? ... Mà anh đi mãi đâu, có vẻ hệ trọng vậy?

- Tôi đi... xa lắm... đi khỏi nước mình, cô Út ạ.

- Anh chùng giọng: - Ai mà chẳng muốn có một



cuộc sống êm đềm bên cạnh những người thân yêu. Nhưng, tình cảnh nước mình, tôi không thể ngồi yên một chỗ, xây dựng cho riêng mình một tổ ấm được.

- Anh đi chừng bao lâu thì anh trở về đây?

- Cô Út! Ngày trở về, - anh Ba nói - cô Út hiểu thấu cho: ngày về của tôi xa mù mịt, tôi cũng chẳng định liệu trước được.

Út Huệ nắm chặt tấm áo vá trong tay mình, nén tiếng khóc từ trong cổ họng. Cô định nói thêm, nhưng tiếng ông già Đồn đã oang oang ngoài đầu ngõ hẻm. Chưa vào nhà, ông già đã hỏi con gái:

- Đã có đồ nhậu tối nay chưa, Út?

Út Huệ giấu mặt buồn, cúi xuống tấm áo vá, thưa:

- Dạ... Con chưa ra chợ, ba ạ.

Thấy anh Ba đã về đang ngồi trên sập giữa nhà, ông già vui vẻ:

- Ô... thầy cháu về rồi à?

- Cháu cũng vừa về được một lúc chú ạ. Mấy anh sao chưa về chú?

- Bọn nó biếu, mai sớm cháu đi, bọn nó ghé tiệm mua đồ nhậu, thức suốt đêm nay với cháu mà.

Ông già dặn nhỏ con gái, giọng bồi hồi:

- Út à. Anh Ba này hổng còn ở lại đây nữa. Anh đi vượt vời, sang tận các nước Âu Mỹ kia. Mời anh mấy đũa đi sớm. Con ra chợ mua cái ăn,

mua những thứ ngon, mắc mấy cũng được, ăn với nhau bữa cơm cuối cùng mà...

Út Huệ mím mím môi, cắn vệt sợi chỉ, trao cái áo đã vá lành cho anh Ba, nói lảng:

- Những đường kim về sau vì vệt nên không được đều, anh vui lòng, nghe.

- Trời đất, cô Út cần thận quá. Cảm ơn cô Út.

Út Huệ sập rèm mi ướn, giọng nói đượm chút dỗi:

- Vá miếng áo có là chi đâu mà anh Ba cảm ơn em.

Anh Ba cười. Ông già Đờn dặn thêm con gái:

- Con nhớ mua một miếng thịt heo nạc, rất nạc, nghe hông. Rồi mua dừa lấy nước kho với thịt. Kho thiệt khô. Nhớ mua nước mắm hạng nhứt kho thịt mới để được lâu. Con cũng đừng mua gạo thường, mua gạo nàng thơm nắm mới dẻo.

Ông ngồi bên cạnh anh Ba, ngậm cái tẩu thuốc, mắt ông mơ màng bóng khói:

- Bước chân xuống tàu có lẽ là phải ăn cơm tây rồi. Cháu chịu khó mang cơm nắm theo. Chú nghĩ chắc còn lâu lắm cháu mới được ăn cơm trên đất quê mình. Hạt gạo, củ khoai, con cá, lá rau, quả cà, trái ớt, chút nước mắm, tí dấm... những món ăn của quê mình bình thường vậy mà thiếu nó ta không chịu nổi!

- Cảm ơn chú. Chú và cô Út đã săn sóc cháu nhiều mà cháu chưa đền đáp được gì!

- Đừng, cháu đừng nghĩ vậy. Cháu sắp rời xứ sở, hãy nghĩ về chặng đường phía trước...



*

* *

Bóng tối trùm xuống xóm thợ. Những tiếng rao đêm lang thang trong ngõ hẻm. Tiếng chửi rủa của bà già, tiếng khóc gào than vãn, tiếng quát tháo của người say rượu và bao nhiêu thứ tiếng ồn ào hỗn độn dấy lên trong đêm như biển động.

Không khí trong nhà ông già Đờn cũng đang như trước giờ cơn bão đến.

Hai chiếc chiếu trải rộng giữa nhà. Một mâm thức ăn đầy ngọn đặt giữa chiếu. Ông già Đờn ngồi sát anh Ba. Anh Tư Lê, Chín Mập, Sáu Đen ngồi vòng tròn quanh mâm. Người nào cũng đắm chiêu, ít nói. Họ uống rượu từng tợp đủ thấm môi, không như mọi ngày, tu một ngụm hết cả chén. Chẳng mấy ai cầm đũa nhắm. Người nào cũng luôn luôn trần trố thế ngồi. Không khí trầm lặng kéo dài. Anh Ba định kể một câu chuyện vui vui thì Tư Lê ca bài Nam ai, buồn xé ruột. Tiếp đến Chín Mập hát bài Lý chiều chiều, Sáu Đen hát tích Nguyệt Nga cống Hồ. Hát xong, Sáu Đen nài nỉ anh Ba hát giặm Nghệ Tĩnh. Anh Ba vể lúng túng. Ông già Đờn đỡ lời:

- Cuộc vui đêm nay tiền thằng Ba đi, tụi bây và tao phải làm hết mọi chuyện, đừng để thằng Ba nó phải dính vô một việc chi, nghe hông. - Ông già so dây đàn: - Bữa nay tiền Ba nó đi Tây, tao cho tụi bây nghe trọn cả bài “ca lòng” của tao.

Nước mắt ông già rơm rớm, giọng ông buồn buồn:

Một... mỗi... tình... cảm
Tình cảm... một... mỗi
Chàng... đã... ra... đi...
Chàng... nói lời... chi
Ôi... cảnh... biệt... ly...
Thiếp... ngóng... theo... chàng...
Sông... nước... menh... mang...
Kéo neo... tàu... chạy...
Nước... mất... tiền... đưa...
Chàng đi... chàng đi...
Muôn trùng... sóng vô...
Thiếp... giữ... tình cảm...
Tình cảm... theo... chàng...

Tư Lê, Sáu Đen, Chín Mập đều ngồi xo ro gục trên cánh tay và mỗi người đuổi theo một kỷ niệm của riêng mình.

Anh Ba chống tay đỡ cằm, mảng tóc dày đổ xuống trán, mắt anh hướng vào một điểm sáng tụ dưới chiếu, nhưng trong đầu anh hiện lên lớp lớp những gương mặt thân yêu mà anh đã ghi nhớ từ tuổi ấu thơ. Cả hình ảnh các ông già mù hát dạo ở quê hương, ở Huế, ở Phan Thiết cũng hiện lên trong đầu anh. Và bao nhiêu bài ca anh đã từng nghe cũng đang văng vẳng giữa tâm hồn anh:
Nước Nam ta sao lại có Tây?...

Út Huệ một mình một đèn, nước mắt giọt ngấn giọt dài tại buồng trong. Hai bàn tay Huệ vắt, nắm, vỗ vỗ nắm cơm gạo nàng thơm dẻo quẹo. Đặt nắm cơm vào tấm bẹ cau trắng mịn như lụa, Huệ ngồi thừ nhìn không chớp mắt. Tiếng đàn ca



phòng ngoài vọng vào, cô chẳng để vào tai mình. Cô mở hòm lấy quyển vở, lật lật từng trang, nói thầm: Chữ anh Ba dạy cho mình. Anh Ba đã cầm tay tập cho mình viết. Sao anh Ba không ở lại đây mãi mãi? Lúc nào anh Ba cũng nói “cứu nước, thương đồng bào mình sống cực”!

Tiếng còi tàu chở khách sang Thủ Thiêm kéo một hồi dài. Út Huệ giật mình và chợt nhớ đã sáng đêm. Út Huệ cầm tấm khăn rằn của anh Ba mua dạo nọ, lau nước mắt. Bỗng Huệ nhớ hồi nhỏ Huệ được nghe mẹ ru:

*Khăn thương nhớ ai mà khăn rơi xuống đất,
Đèn thương nhớ ai mà đèn không tắt,
Mắt thương nhớ ai mà mắt không khô...*

Út Huệ trùm khăn đi ra cửa. Trời còn nhá nhem. Sương mù giăng trên nóc nhà xóm thợ. Út Huệ lại quay vào buồng, nhìn ngọn đèn, nói: Mình thương thầm ảnh. Giờ ảnh đi xa. Đi sang Tây. Mình có nên nói với ảnh cái điều dớ dẩn của mình nghĩ không? Ôi! Ai lại ngược đời vậy bao giờ? Mình là con gái kia mà. Nhưng, ảnh ra đi liệu ảnh có đoán biết được cái điều mình nghĩ về ảnh không? Đèn ơi! Nếu anh Ba không biết điều ấy thì đèn chứng cho tấm lòng Út Huệ này nhé. Ôi! Một người mà ai cũng yêu mến...

Sáng ngày Năm, tháng Sáu, năm Một ngàn chín trăm mười một. Sương sớm phủ nóc Nhà Rong. Dòng sông Sài Gòn cong vòng như lưng người già đã trải qua nhiều khúc đường đời khổ ải.

Trời ngả màu chì.

Cơn mưa đen thánng sáu dấy lên.

Từ trong ngõ hẻm, anh Ba bước từng bước ung dung, mắt nhìn thẳng phía trước. Đi bên anh là ông già Đồn. Tư Lê, Sáu Đen, Chín Mập đi sát phía sau. Út Huệ đi sau cùng.

Con đường hẻm dài hun hút. Họ im lặng đi. Sắp đến lối rẽ vào bến cảng, họ đi chậm bước, mắt hướng ra phía những con tàu đang xả khói đen đục. Và trong mắt họ có cái ảo giác cả đất trời trông trắng, thành phố Sài Gòn chao đưa.

Anh Ba khựng bước. Anh ôm chầm lấy người ông già Đồn:

- Chú Út ơi! Các anh ơi! Út Huệ ạ! - Anh nhìn vào mắt những người thợ thuyền trao gửi niềm tin. - Nước mình, dân mình sẽ không cam chịu cảnh ngựa trâu này mãi được. Phải xóa bỏ kiếp nô lệ và nhất định đời thợ chúng ta sẽ đổi khác... Chúng ta tin ở tương lai, tin vào tiền đồ dân tộc...

Ông già Đồn ôm chặt lấy hai vai anh Ba, lắc mạnh:

- Ba! Chú tin... rất tin ở lời cháu vừa nói và càng tin sự quyết chí ra đi vì nước vì dân của cháu. Chúc cháu đi được trơn bọt lọt lạch, chân cứng đá mềm!

Ông ôm chặt anh Ba vào ngực mình, bộ tóc muối tiêu của ông xoa rộng xuống vai anh. Rồi ông già Đồn, anh Ba bước đến với ba người thợ trẻ. Tư Lê cầm chặt tay anh Ba, giọng nghẹn



ngào:

- Tôi không cùng đi với anh được, nhưng cái bụng của tôi mãi mãi ở bên anh. Ở lại bên cảng này, tôi sẽ làm việc và sống theo như anh đã bày biểu, căn dặn.

Sáu Đen, Chín Mập, hai người cầm hai tay anh Ba nhìn nhau. Và lần đầu tiên anh Ba thấy ở mắt hai người thợ “có đá trong đầu” này rơm rớm lệ. Hai người cùng nói một lúc:

- Anh Ba ơi! Anh đi, để lại trong mắt chúng tôi cái chữ...

Anh Ba chợt nhìn sang Út Huệ thì ông già Đồn giục con gái:

- Út! Con đi với anh Ba một quãng đường nữa...

Gió cửa sông thổi giục từng cơn. Anh Ba chấp tay giờ cao xá xá ông già Đồn và các bạn đang quay bước trên đường về.

Anh Ba im lặng đi bên Út Huệ. Mắt Út Huệ luôn luôn nhìn về hướng con tàu rồi liếc nhìn anh Ba. Chưa bao giờ Út Huệ thấy anh Ba đẹp trai như lúc này. Cô lâng lâng như đang ở trong mơ và thấy anh Ba là chàng hoàng tử trong truyện cổ tích...

Anh Ba bắt chợt nhìn Út Huệ, nhìn con tàu. Anh rùng mình. Một luồng giá lạnh từ đỉnh đầu xuống gan bần chân như phân chia con người anh

làm hai. Anh dùng lại:

- Sắp hết giờ lên tàu rồi. Út... đi với tôi, đến đây là... Út về kéo...

Út Huệ vẫn ôm trên tay mình cái gói nho nhỏ, mắt chớp chớp nhìn vào mắt anh Ba. Tiếng Út Huệ nhẹ như gió thoảng:

- Em muốn nói với anh... chỉ sợ... anh cười em!

- Ấy! Đến giờ này mà Út Huệ còn chưa thiệt tin tôi?

Út Huệ bối rối. Cái gói cầm trên tay cứ trao qua trao lại, nhưng Huệ vẫn hết nhìn con tàu đang xa khỏi lại nhìn anh Ba.

Giọng Út Huệ bồi hồi:

- Anh nói đi anh!

Anh Ba lúng túng:

- Điều nói được, tôi đã nói với Huệ từ hôm qua rồi.

- Lúc này khác với ngày hôm qua. Em muốn được nghe anh nói với em một tiếng giữa phút giây này, anh Ba ạ!

- Hôm qua, hôm nay và mãi mãi tôi nhớ tấm lòng của Huệ cũng như bao nhiêu tấm lòng vàng khác đã cứu giúp tôi trong những phen hoạn nạn, lúc sẩy nhà ra thất nghiệp.

- Anh Ba luôn luôn nhớ đến những người có lòng tốt với mình, nhưng anh có biết người khác



nhớ anh đến cháy ruột cháy gan không? - Út Huệ ghen ngào nói.

Anh Ba sưng sờ... Út Huệ biết mình đã buột miệng lỡ lời, vội nói khóa lấp:

- Em biết anh là con chim bằng, chiếc lông son không thể nào nhốt được.

Anh Ba nhấn từng tiếng chắc và ấm:

- Phải có tự do! Huệ ạ, Tổ quốc ta, nhân dân ta phải có độc lập, tự do chứ không thể nô lệ mãi được!

- Ước mơ ấy, khát vọng ấy liệu có thành sự thật ở quê mình không anh?

- Vì mất nước mà phải lìa nhà. Nếu không tìm ra phương kế giành lại độc lập cho nước, hạnh phúc cho dân thì tôi không về mà cũng chẳng ai mong đợi làm gì!

Út Huệ run run, cái gói trên tay như muốn rơi xuống, nước mắt giàn giụa:

- Anh! Cơm nắm. Em nấu cho anh bữa cơm cuối cùng này. Cầm lấy anh! Đi đi... anh!

Anh Ba đỡ gói cơm trên tay Huệ. Một tiếng gọi lẫn trong tiếng khóc bật ra từ trái tim người con gái Sài Gòn:

- Anh Ba! Em...

Út Huệ ôm mặt chạy trở về. Anh Ba cầm nắm cơm trong tay. Âm thanh thành phố Sài Gòn đổ

đồn xuống cửa sông như trùm lấy anh. Anh nghe
tiếng còi tàu nhọn hoắt khoan vào không gian
nhức nhối. Anh bước sải dài, vội vã xuống tàu.
Gương mặt người con gái Sài Gòn chập chờn
trước mắt anh như một búp sen quê hương. Và cả
khuôn mặt Việt Nam choán lấy trái tim anh!

Út Huệ lại quay lại chạy theo xuống bến tàu.



Con tàu chờ anh Ba mờ mờ phía chân trời. Lê Thị Huệ chấp tay trên ngực nhìn theo, khấn trước đất trời:

Sông ơi!

Đừng mọc đá ngầm...

Biển ơi!

Đừng dựng sóng dữ...

Anh di thuận gió xuôi buồm...

Hồi những phương trời xa lạ...

Hãy đón lấy Anh...

Một chàng trai nước Việt...

Anh là của Nước của Dân...

Tất cả đợi Anh về...

Ngõ Văn 23 tháng 8 năm 1981

Búp sen xanh

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung - Hà Nội. ĐT: 04 9434 730 - 04 9435 831 Fax: 04 8229 085.
Internet web site: <http://www.nxbkimdong.com.vn> - Email: kimdong@hn.vnn.vn

TRUNG TÂM SÁCH KIM ĐỒNG MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm - TP Đà Nẵng. ĐT: (0511) 812 333 - 812 335 - Fax: (0511) 812 334
Email: mtkimdong@dng.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG

268 Nguyễn Đình Chiểu - TP Hồ Chí Minh. ĐT: 08 9303 832 - Fax: 08 9305 867
Email: cnxbkimdong@hcm.fpt.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản : PHẠM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm bản thảo : LÊ THỊ DẮT

Biên tập : LÊ PHƯƠNG LIÊN

Trình bày : LƯU QUANG THUY

Trình bày bìa: PHÒNG KỸ - MỸ THUẬT

Sửa bài : THANH HƯƠNG

In 6 000 bản - Khổ 12,5 cm x 20,5 cm - Tại Công ty In Công Đoàn Việt Nam
Số XB: 192/KĐA - 526/KH - 12/CXB cấp ngày 10/1/2005 - Mã số ĐV I
lọ xong và nộp lưu chiểu tháng 4/2005.

Búp sen xanh



*Các bậc thiên tài không có sẵn
Chính truyền thống gia đình
quê hương là khối thủy tạo nên
những tinh cách dẫn tiên của mỗi
con người và đi vào đời*

Búp sen xanh (35000đ)



35 000 VNĐ

Giá : 35.000đ